

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1	14058	2	Công nghệ	Lê Viết Hoàng		5	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hưng Bình	Nhất
2	14008	1	Công nghệ	Lưu Hồng Ân		14	2	2008	TP.HCM	9/6	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhất
3	14020	1	Công nghệ	Đinh Gia Bảo		4	6	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhất
4	14107	4	Công nghệ	Nguyễn Thê Kiệt		19	5	2008	TP.HCM	9/6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhất
5	14019	1	Công nghệ	Đặng Lâm Gia Bảo		28	8	2008	TP.HCM	9/3	THCS Đồng Khởi	Nhì
6	14094	4	Công nghệ	Nguyễn Quốc Khánh		3	11	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhì
7	14001	1	Công nghệ	Cao Thanh An		25	10	2008	Nghệ An	9/4	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhì
8	14030	10	Công nghệ	Bùi Tiến Đạt		15	6	2008	Thái Bình	9A8	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
9	14042	2	Công nghệ	Nguyễn Hữu Đức		7	8	2008	TP.HCM	9/7	Trường THCS Nguyễn Trãi	Nhì
10	14129	5	Công nghệ	Vũ Lại Thanh Minh		8	1	2008	TP.HCM	9/6	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhì
11	14213	9	Công nghệ	Nguyễn Trần Quốc Tuấn		4	1	2008	Quảng Ngãi	9/5	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhì
12	14012	1	Công nghệ	Nguyễn Ngọc Minh Anh	x	11	10	2008	Nghệ An	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
13	14014	1	Công nghệ	Nguyễn Trần Minh Anh	x	29	5	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhì
14	14067	3	Công nghệ	Bùi Đức Huy		18	8	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Văn Bê	Nhì
15	14097	4	Công nghệ	Nguyễn Đăng Khoa		20	7	2008	TP.HCM	9/14	THCS Đồng Khởi	Nhì
16	14209	9	Công nghệ	Trần Nhật Trường		19	11	2008	TP.HCM	9/10	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhì
17	14016	1	Công nghệ	Trần Quỳnh Anh	x	1	6	2008	TP.HCM	9a9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhì
18	14134	6	Công nghệ	Nguyễn Đức Nam		23	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Vân Đồn	Nhì
19	14146	6	Công nghệ	Đỗ Thành Nhân		29	10	2008	TP.HCM	9A6	THCS Hiệp Phước	Nhì
20	14149	6	Công nghệ	Vũ Minh Nhật		2	7	2008	TP.HCM	9a4	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhì
21	14018	1	Công nghệ	Lê Vũ Xuân Bách		12	4	2008	TP.HCM	9/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	Nhì
22	14078	3	Công nghệ	Võ Minh Huy		16	10	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhì
23	14216	9	Công nghệ	Nghiêm Đình Tùng		3	12	2008	Hà Nội	9/8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhì
24	14010	1	Công nghệ	Dương Hoàng Anh	x	14	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lê Thành Công	Nhì
25	14050	2	Công nghệ	Phan Văn Giàu		7	6	2008	TP.HCM	9A4	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
26	14053	2	Công nghệ	Đoàn Thị Thúy Hằng	x	27	4	2008	TP.HCM	9A4	THCS Vân Đồn	Nhì
27	14056	2	Công nghệ	Nguyễn Văn Hiếu		2	2	2008	Quảng Ngãi	9/3	THCS Thị Trấn	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
28	14066	3	Công nghệ	Hồ Quỳnh	Hương	x	7	9	2008	TP.HCM	9a10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhì
29	14207	9	Công nghệ	Ngô Nguyễn Đoan	Trình	x	30	8	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hưng Bình	Nhì
30	14230	10	Công nghệ	Nguyễn Kim	Ngân	x	31	1	2008	TP.HCM	9.15	THCS Bình Trị Đông A	Nhì
31	14009	1	Công nghệ	Bùi Ngọc Phương	Anh	x	23	8	2007	TP.HCM	9.3	Trường THCS Tân Túc	Nhì
32	14098	4	Công nghệ	Nguyễn Đăng	Khoa		8	1	2008	TP.HCM	9/5	THCS Lê Văn Tám	Nhì
33	14180	8	Công nghệ	Trần Đắc Anh	Thái		6	3	2008	TP.HCM	9A8	THCS Nguyễn Thị Hương	Nhì
34	14038	2	Công nghệ	Nguyễn Huỳnh Chấn	Đông		17	8	2008	TP.HCM	9A5	THCS Vân Đồn	Nhì
35	14041	2	Công nghệ	Ngô Anh	Đức		18	8	2008	Thái Nguyên	9.11	THCSCL Tân Tạo A	Nhì
36	14133	6	Công nghệ	Dương Minh	Nam		26	2	2008	TP.HCM	9A2	THCS Thái Văn Lung	Nhì
37	14191	8	Công nghệ	Nguyễn Duy	Thiện		6	3	2008	TP.HCM	9A13	THCS Trần Quang Khải	Nhì
38	14232	10	Công nghệ	Ngô Thị Hồng	Thủy	x	16	5	2008	TP.HCM	9.15	THCS Bình Trị Đông A	Nhì
39	14013	1	Công nghệ	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	x	15	6	2008	TP.HCM	9A2	THCS Phước Thạnh	Nhì
40	14054	2	Công nghệ	Đào Minh	Hiếu		24	7	2008	TP.HCM	9/10	Trung học cơ sở Kim Đồng	Nhì
41	14081	3	Công nghệ	Lê Tuấn	Khang		22	9	2008	Trà Vinh	9/1	THCS An Phú Đông	Nhì
42	14114	5	Công nghệ	Nguyễn Thành	Lợi		9	4	2008	TP.HCM	9A4	THCS Vân Đồn	Nhì
43	14119	5	Công nghệ	Trần Hoàng Bảo	Luân		29	4	2008	TP.HCM	9.7	THCSCL An Lạc	Nhì
44	14122	5	Công nghệ	Nguyễn Trúc Hoàng	Mai	x	30	11	2008	TP.HCM	9.4	THCS Lý Chính Thắng 1	Nhì
45	14140	6	Công nghệ	Đặng Đức Như	Ngọc	x	16	1	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn Thị Định	Nhì
46	14187	8	Công nghệ	Nguyễn Thị Bảo	Thị	x	16	12	2007	Đồng Tháp	9/8	THCS Nguyễn Hiền	Nhì
47	14205	9	Công nghệ	Lê Trung	Trí		24	8	2008	Đồng Tháp	9A5	THCS Hùng Vương	Nhì
48	14222	9	Công nghệ	Bùi Quốc	Việt		16	11	2008	TP.HCM	9/14	THCS Đồng Khởi	Nhì
49	14074	3	Công nghệ	Nguyễn Đông	Huy		26	1	2008	Hưng Yên	9A2	THCS Trần Quang Khải	Nhì
50	14109	5	Công nghệ	Nguyễn Đỗ Mỹ	Kim	x	29	7	2008	TP.HCM	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Nhì
51	14110	5	Công nghệ	Nguyễn Bảo	Lân		20	11	2008	Cần Thơ	9A3	THCS Lý Phong	Nhì
52	14121	5	Công nghệ	Nguyễn Thị	Mai	x	18	9	2008	TP.HCM	9A2	THCS Phước Lộc	Nhì
53	14051	2	Công nghệ	Lâm Thanh	Hải		3	6	2008	TP.HCM	9A13	THCS Tân Phú Trung	Nhì
54	14064	3	Công nghệ	Nguyễn Thành	Hưng		6	5	2008	TP.HCM	9_07	THCS Lê Quý Đôn	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
55	14106	4	Công nghệ	Lê Anh Kiệt		29	12	2008	Bến Tre	9/6	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhì
56	14169	7	Công nghệ	Đặng Lê Quang		12	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Lam Sơn	Nhì
57	14171	7	Công nghệ	Đặng Thanh Quang		28	3	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhì
58	14188	8	Công nghệ	Trần Ngọc Kiều Thi	x	29	5	2008	TP.HCM	9A1	Trường THCS Phong Phú	Nhì
59	14203	8	Công nghệ	Phạm Ngọc Bảo Trân	x	6	5	2008	TP.HCM	9/02	THCS Phan Bội Châu	Nhì
60	14022	1	Công nghệ	Nguyễn Phạm Gia Bảo		30	9	2008	TP.HCM	9.12	THCS Tô Ký	Ba
61	14023	1	Công nghệ	Phạm Gia Bảo		4	11	2008	TP.HCM	9A10	Trường THCS Phạm Văn Hai	Ba
62	14073	3	Công nghệ	Nguyễn Đăng Huy		31	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Trần Văn Ôn	Ba
63	14080	3	Công nghệ	Lê Bảo Khang		8	3	2008	TP.HCM	9A9	THCS Bình Đông	Ba
64	14032	10	Công nghệ	Nguyễn Đức Thành Đạt		22	6	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hoàng Diệu	Ba
65	14065	3	Công nghệ	Nguyễn Xuân Hưng		20	8	2008	Nam Định	9A6	THCS Hiệp Phước	Ba
66	14113	5	Công nghệ	Võ Thùy Linh	x	23	12	2008	TP.HCM	9A2	Trường THCS Phong Phú	Ba
67	14132	6	Công nghệ	Ngô Gia Mỹ	x	8	10	2007	TP.HCM	9A10	THCS Tân Phú Trung	Ba
68	14138	6	Công nghệ	Vũ Mai Tuyết Ngân	x	11	2	2008	TP.HCM	9.2	THCS Phước Bình	Ba
69	14142	6	Công nghệ	Trần Võ Bảo Ngọc	x	27	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Phước Lộc	Ba
70	14144	6	Công nghệ	Nguyễn Thanh Nhã		28	1	2008	Hậu Giang	9A6	THCS Hiệp Phước	Ba
71	14175	7	Công nghệ	Võ Thái Sơn		7	6	2008	TP.HCM	9/14	THCS Đồng Khởi	Ba
72	14017	1	Công nghệ	Vũ Phương Anh	x	2	7	2008	TP.HCM	9A7	THCS Trần Quang Khải	Ba
73	14052	2	Công nghệ	Huỳnh Gia Hân	x	10	10	2008	TP.HCM	9/6	THCS Huỳnh Khương Ninh	Ba
74	14062	3	Công nghệ	Đàm Gia Hưng		22	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hưng Bình	Ba
75	14075	3	Công nghệ	Nguyễn Hồng Huy		7	7	2008	TP.HCM	9/1	THCS Đỗ Văn Dậy	Ba
76	14076	3	Công nghệ	Nguyễn Quốc Huy		14	6	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn Chí Thanh	Ba
77	14079	3	Công nghệ	Nguyễn Thị Thu Huyền	x	18	2	2008	Thanh Hóa	9A10	Trường THCS Phạm Văn Hai	Ba
78	14118	5	Công nghệ	Nguyễn Thành Long		7	11	2008	TP.HCM	9TC2	THCS Bình An	Ba
79	14172	7	Công nghệ	Nguyễn Nam Quang		31	7	2008	TP.HCM	9/4	THCS Đỗ Văn Dậy	Ba
80	14224	9	Công nghệ	Lê Tuấn Vũ		27	2	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Quý Đôn	Ba
81	14231	10	Công nghệ	Nguyễn Thị Đông Nhi	x	20	1	2008	TP.HCM	9.12	THCS Bình Trị Đông A	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
82	14028	10	Công nghệ	Nguyễn Mạnh	Cường		29	3	2008	TP.HCM	9A2	THCS Vân Đồn	Ba
83	14045	2	Công nghệ	Nguyễn Hoàng Ngọc	Dung	x	27	2	2008	Thanh Hóa	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ba
84	14071	3	Công nghệ	Lưu Nhiên	Huy		14	1	2008	TP.HCM	9.7	THCSCL An Lạc	Ba
85	14092	4	Công nghệ	Lê Minh	Khánh		16	7	2008	TP.HCM	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Ba
86	14103	4	Công nghệ	Phan Anh	Khôi		27	2	2008	TP.HCM	9A4	THCS Lê Lai	Ba
87	14120	5	Công nghệ	Lê Thị Xuân	Mai	x	20	3	2008	TP.HCM	9A10	THCS Tân Phú Trung	Ba
88	14159	7	Công nghệ	Trần Ngọc	Phú		23	2	2008	TP.HCM	9/6	Trường THCS Tân Quý Tây	Ba
89	14179	7	Công nghệ	Đào Nhật	Tân		2	10	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Ba
90	14218	9	Công nghệ	Trịnh Công	Tuyền		9	9	2008	TP.HCM	9.4	Trường THCS Gò Vấp	Ba
91	14219	9	Công nghệ	Lý Huỳnh Minh	Tuyết	x	15	5	2008	TP.HCM	9a1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
92	14026	10	Công nghệ	Lâm Dương Bảo	Châu	x	17	6	2008	TP.HCM	9/14	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
93	14027	10	Công nghệ	Lê Phan Hoàng	Chương		4	6	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Ba
94	14039	2	Công nghệ	Nguyễn Tô Thành	Đông		2	2	2008	TP.HCM	9A3	THCS Lê Thành Công	Ba
95	14128	5	Công nghệ	Võ Nguyễn Bảo	Minh		10	6	2008	TP.HCM	9A3	THCS Lê Thành Công	Ba
96	14176	7	Công nghệ	Lê Huy	Tài		5	12	2008	TP.HCM	9A3	THCS Lê Thành Công	Ba
97	14192	8	Công nghệ	Phạm Thị Minh	Thư	x	18	2	2008	TP.HCM	9A1	Trường THCS Phong Phú	Ba
98	14007	1	Công nghệ	Võ Hoài	An		27	10	2008	Đồng Tháp	9A6	THCS Lê Văn Hưu	Ba
99	14011	1	Công nghệ	Lê Thùy Minh	Anh	x	3	4	2008	TP.HCM	9/5	THCS Nguyễn Văn Bé	Ba
100	14047	2	Công nghệ	Nguyễn Hoàng	Duy		24	4	2008	TP.HCM	9/3	THCS Lê Quý Đôn	Ba
101	14087	4	Công nghệ	Trần Quốc	Khang		26	6	2008	TP.HCM	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Ba
102	14194	8	Công nghệ	Vương Hà Minh	Thư	x	10	3	2008	TP.HCM	9/6	THCS Lê Anh Xuân	Ba
103	14100	4	Công nghệ	Nguyễn Tuấn	Khoa		21	3	2008	TP.HCM	9/14	THCS Đồng Khởi	Ba
104	14124	5	Công nghệ	Bùi Đức	Minh		17	12	2008	TP.HCM	9A4	THCS Trần Văn Ôn	Ba
105	14160	7	Công nghệ	Mã Trần Hồng	Phúc		7	3	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Quý Đôn	Ba
106	14168	7	Công nghệ	Trần Minh	Quân		10	4	2008	TP.HCM	9/10	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
107	14006	1	Công nghệ	Trần Ngọc Thùy	An	x	24	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hồng Bàng	Ba
108	14046	2	Công nghệ	Nguyễn Trung	Dũng		26	7	2008		9/8	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
109	14104	4	Công nghệ	Phí Minh	Khôi		14	9	2008	TP.HCM	9A4	THCS Trần Văn Ôn	Ba
110	14108	5	Công nghệ	Thái Gia	Kiệt		8	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn Hiền	Ba
111	14123	5	Công nghệ	Trần Xuân	Mai	x	31	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS An Phú Đông	Ba
112	14155	6	Công nghệ	Lê Hoàng	Phong		20	11	2008	TP.HCM	9A10	THCS Chánh Hưng	Ba
113	14031	10	Công nghệ	Cao Tiến	Đạt		5	5	2008	Long An	9/2	Trường THCS Lê Minh Xuân	Ba
114	14141	6	Công nghệ	Nguyễn Bảo	Ngọc	x	2	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Long Trường	Ba
115	14148	6	Công nghệ	Trương Minh	Nhật		1	1	2008	Lâm Đồng	9/1	THCS Lê Văn Tám	Ba
116	14193	8	Công nghệ	Phạm Trần Anh	Thư	x	10	5	2008	TP.HCM	9A8	THCS Đức Trí	Ba
117	14195	8	Công nghệ	Võ Gia	Thuận		6	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hồng Bàng	Ba
118	14196	8	Công nghệ	Nguyễn Phan Thanh	Thương		7	1	2008	TP.HCM	9A6	THCS Phước Thạnh	Ba
119	14198	8	Công nghệ	Cao Thiên	Tín		17	1	2008	TP.HCM	9A9	THCS Bình Đông	Ba
120	14201	8	Công nghệ	Trần An	Tôn		24	9	2008	TP.HCM	9TC7	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
121	14212	9	Công nghệ	Nguyễn Anh	Tuấn		8	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Phước Thạnh	Ba
122	14215	9	Công nghệ	Phan Gia	Tuệ	x	24	5	2008	TP.HCM	9A7	THCS Đức Trí	Ba
123	14135	6	Công nghệ	Nguyễn Thiện Hoài	Nam		23	3	2008	TP.HCM	91	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Ba
124	14156	7	Công nghệ	Nguyễn Huỳnh Quốc	Phong		28	9	2008	Quảng Ngãi	9A1	THCS Phước Lộc	Ba
125	14162	7	Công nghệ	Phan Thị Kim	Phượng	x	10	9	2008	Sóc Trăng	9/1	THCS Đỗ Văn Dậy	Ba
126	14164	7	Công nghệ	Lê Nguyễn Minh	Quân		28	7	2008	TP.HCM	9/5	THCS Minh Đức	Ba
127	14200	8	Công nghệ	Trần Thị Thúy	Tình	x	11	2	2008	TP.HCM	9/7	THCS Trần Hưng Đạo	Ba
128	14005	1	Công nghệ	Tăng Võ Thanh	An		10	6	2008	TP.HCM	9/2	THCS Điện Biên	Ba
129	14025	10	Công nghệ	Trương Ngọc Quốc	Bảo		28	12	2008	Thừa Thiên Huế	9/13	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
130	14029	10	Công nghệ	Vũ Hải	Đăng		14	4	2008	TP.HCM	9A8	THCS Bình Chiểu	Ba
131	14040	2	Công nghệ	Khuong Minh	Đức		1	11	2008	TP.HCM	9/4	THCS Điện Biên	Ba
132	14069	3	Công nghệ	Đỗ Phạm Gia	Huy		1	12	2008	TP.HCM	9A3	THCS Lê Lai	Ba
133	14083	3	Công nghệ	Nguyễn Hoàng	Khang		28	6	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lam Sơn	Ba
134	14167	7	Công nghệ	Trần Hoàng	Quân		5	2	2008	TP.HCM	9/9	THCS Tam Bình	Ba
135	14024	1	Công nghệ	Trương Hoàng Gia	Bảo		29	8	2007	TP.HCM	9A1	THCS Cửu Long	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
136	14204	9	Công nghệ	Hồ Nguyễn Châu	Trí		28	1	2008	TP.HCM	9/9	THCS Trần Phú	Ba
137	14211	9	Công nghệ	Trần Hữu Vương	Tuân		29	11	2008	TP.HCM	9A4	THCS Trần Văn Ôn	Ba
138	14223	9	Công nghệ	Nguyễn Quang	Vinh		30	4	2008	Sóc Trăng	9A6	THCS Nguyễn Văn Quỳ	Ba
139	14226	9	Công nghệ	Đặng Hoàng Phương	Vy	x	28	7	2008	TP.HCM	9A9	THCS Trần Quang Khải	Ba
140	14228	10	Công nghệ	Phạm Thanh	Phong		19	1	2008	TP.HCM	9A3	Trường THCS Ngô Tất Tố	Ba
141	08200	2	Địa lý	Hồ Văn	Nhân		23	5	2008	Quảng Nam	9/6	Trường THCS Vĩnh Lộc A	Nhất
142	08186	18	Địa lý	Hồ Dương Tuyết	Ngọc	x	8	9	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lê Anh Xuân	Nhất
143	08268	5	Địa lý	Nguyễn Thu	Thảo	x	8	11	2008		9/2	Trường THCS Thông Tây Hội	Nhất
144	08116	14	Địa lý	Lưu Minh	Khang		6	1	2008	TP.HCM	9/14	THCS Đồng Khởi	Nhất
145	08234	3	Địa lý	Nguyễn Trung Hoàng	Phúc		16	10	2008	TP.HCM	9A12	THCS Trường Chinh	Nhất
146	08242	4	Địa lý	Hoàng Trịnh Anh	Quân		1	1	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Nguyễn Du	Nhất
147	08264	5	Địa lý	Hồng Ngọc	Thanh	x	8	7	2008	TP.HCM	9.B8	Tiểu học, THCS và THPT Việt Úc	Nhất
148	08068	12	Địa lý	Lê Thị Thùy	Dương	x	21	4	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhi
149	08162	17	Địa lý	Đặng Nguyễn Công	Minh		11	11	2008	TP.HCM	9/2	THCS Hoa Lư	Nhi
150	08301	7	Địa lý	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	x	11	4	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL Tân Tạo	Nhi
151	08017	1	Địa lý	Ngô Ngọc Trâm	Anh	x	22	2	2008	Bình Thuận	9A8	TRƯỜNG THCS Độc Lập	Nhi
152	08019	1	Địa lý	Nguyễn Minh	Anh	x	2	1	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhi
153	08029	10	Địa lý	Trần Hà Phương	Anh	x	29	12	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhi
154	08038	10	Địa lý	Vũ Ngọc	Anh	x	6	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Nhi
155	08048	11	Địa lý	Lê Ngọc Minh	Châu	x	22	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Phú Mỹ	Nhi
156	08110	14	Địa lý	Phan Lâm Gia	Huy		1	6	2008	TP.HCM	9/14	THCSCL Bình Hưng Hòa	Nhi
157	08117	14	Địa lý	Nguyễn Cao	Khang		26	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Đồng Đa	Nhi
158	08148	16	Địa lý	Lê Nguyễn Khánh	Linh	x	11	6	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Thông Tây Hội	Nhi
159	08255	4	Địa lý	Nguyễn Việt Giang	San	x	28	12	2008	TP.HCM	9/10	Trung học cơ sở Kim Đồng	Nhi
160	08284	6	Địa lý	Võ Ngọc Minh	Thư	x	31	10	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL Tân Tạo	Nhi
161	08351	9	Địa lý	Trần Ngọc Thảo	Vy	x	3	7	2008	TP.HCM	9A6	THCS Trần Quốc Tuấn	Nhi
162	08165	17	Địa lý	Lê Trí	Minh		2	6	2008	TP.HCM	9A2	THCS Văn Đồn	Nhi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
163	08170	17	Địa lý	Đặng Hoàng Nam		8	8	2008	Đồng Nai	9A3	THCS Trần Văn Đang	Nhì
164	08317	7	Địa lý	Phan Nhã Trúc	x	4	2	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lam Sơn	Nhì
165	08098	13	Địa lý	Nguyễn Quang Hiên		10	7	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
166	08196	18	Địa lý	Nguyễn Vũ Khôi Nguyên		24	5	2008	TP.HCM	9A2	THCS Võ Văn Tần	Nhì
167	08253	4	Địa lý	Vũ Thị Như Quỳnh	x	14	10	2008	TP.HCM	9/2	THCS Linh Trung	Nhì
168	08273	5	Địa lý	Đặng Trần Anh Thư	x	18	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Phan Sào Nam	Nhì
169	08341	9	Địa lý	Lê Nguyễn Trúc Vy	x	12	4	2008	TP.HCM	9/2	THCS Tam Bình	Nhì
170	08009	1	Địa lý	Hoàng Minh Anh	x	9	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Văn Tám	Nhì
171	08051	11	Địa lý	Nguyễn Dạ Minh Châu	x	13	1	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Huỳnh Tấn Phát	Nhì
172	08052	11	Địa lý	Nguyễn Ngọc Minh Châu	x	12	5	2008	TP.HCM	9/4	THCS Dương Văn Thi	Nhì
173	08074	12	Địa lý	Nguyễn Phạm Hà Giang	x	7	2	2008	Nghệ An	9/8	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
174	08176	17	Địa lý	Phạm Ngô Bảo Ngân	x	24	6	2008	TP.HCM	9/15	Trường THCS Nguyễn Trãi	Nhì
175	08178	17	Địa lý	Trần Thị Tuyết Ngân	x	11	4	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhì
176	08356	9	Địa lý	Nguyễn Ngọc Như Ý	x	4	10	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lê Văn Tám	Nhì
177	08065	12	Địa lý	Nguyễn Minh Đức		19	10	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
178	08072	12	Địa lý	Lê Hoàng Linh Giang	x	10	7	2008	TP.HCM	9A6	THCS Đức Trí	Nhì
179	08080	12	Địa lý	Bùi Hoàng Hải		4	11	2008	TP.HCM	9TC2	THCS Tô Ký	Nhì
180	08108	14	Địa lý	Vũ Ngọc Thư Hương	x	31	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Nhì
181	08142	16	Địa lý	Nguyễn Thị Ngọc Lan	x	9	5	2008	TP.HCM	9/16	THCSCL Lý Thường Kiệt	Nhì
182	08145	16	Địa lý	Phan Hồng Liễu	x	20	8	2008	Nam Định	9/6	THCS Nguyễn Hiền	Nhì
183	08173	17	Địa lý	Trần Nhật Nam		18	11	2008	TP.HCM	9/3	THCS Hoa Lư	Nhì
184	08206	2	Địa lý	Lê Hoàng Ngọc Nhi	x	22	4	2008	TP.HCM	9.2	Trường THCS Tân Túc	Nhì
185	08250	4	Địa lý	Trần Nguyễn Như Quỳnh	x	16	12	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhì
186	08293	6	Địa lý	Võ Trọng Tính		6	8	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trương Công Định	Nhì
187	08353	9	Địa lý	Đào Thị Như Ý	x	2	5	2008	An Giang	9A8	THCS Hiệp Phước	Nhì
188	08013	1	Địa lý	Lê Nguyễn Châu Anh	x	7	3	2008	TP.HCM	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
189	08070	12	Địa lý	Nguyễn Xuân Hải Dương	x	2	2	2008	TP.HCM	9A8	THCS Linh Đông	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
190	08086	13	Địa lý	Lâm Ngọc	Hân	x	5	2	2007	TP.HCM	9.5	THCSCL Tân Tạo	Nhì
191	08113	14	Địa lý	Phạm Khánh	Huyền	x	24	4	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Huỳnh Tấn Phát	Nhì
192	08114	14	Địa lý	Nguyễn Quang	Khải		8	11	2008	TP.HCM	9/3	THCS Thị Trấn	Nhì
193	08180	17	Địa lý	Huỳnh Mỹ	Nghi	x	31	10	2008	TP.HCM	9A7	THCS Mạch Kiếm Hùng	Nhì
194	08328	8	Địa lý	Nguyễn Hạo	Uyên	x	1	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trương Công Định	Nhì
195	08004	1	Địa lý	Đoàn Lê Hồng	Ân	x	1	7	2008	TP.HCM	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
196	08058	11	Địa lý	Lưu Bảo	Đăng		20	7	2008	Quảng Nam	9/4	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhì
197	08067	12	Địa lý	Vũ Tiến	Dũng		2	7	2008	Hung Yên	9A1	THCS Lê Thành Công	Nhì
198	08071	12	Địa lý	Trần Anh	Duy		22	5	2008	TP.HCM	9a9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhì
199	08073	12	Địa lý	Nguyễn Long Hoàng	Giang	x	26	3	2008	TP.HCM	9/2	THCS Ngô Quyền	Nhì
200	08153	16	Địa lý	Ngô Minh	Lộc		25	4	2008	TP.HCM	9A10	THCS Chi Lăng	Nhì
201	08174	17	Địa lý	Huỳnh Thanh	Ngân	x	9	1	2008	TP.HCM	9/5	THCS Đặng Trần Côn	Nhì
202	08184	18	Địa lý	Nguyễn Hoàng Thảo	Nghi	x	26	11	2008	TP.HCM	9TC5	THCS Huỳnh Tấn Phát	Nhì
203	08195	18	Địa lý	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	x	26	4	2008	TP.HCM	9/6	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhì
204	08203	2	Địa lý	Hà Linh	Nhi	x	8	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Huệ	Nhì
205	08223	3	Địa lý	Lý Thành	Phát		19	1	2008	Long An	9A1	THCS Phước Thạnh	Nhì
206	08239	4	Địa lý	Nguyễn Thị Hà	Phương	x	5	10	2008	TP.HCM	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Nhì
207	08241	4	Địa lý	Trần Phan Bảo	Phương	x	31	1	2008	TP.HCM	9A5	THCS Vân Đồn	Nhì
208	08246	4	Địa lý	Bùi Ngô Thảo	Quyên	x	6	8	2008	TP.HCM	9A7	THCS Nguyễn An Khương	Nhì
209	08260	5	Địa lý	Nguyễn Dương Nhật	Tân		9	1	2008	TP.HCM	9a9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhì
210	08270	5	Địa lý	Trần Ngọc Thanh	Thảo	x	11	4	2008	TP.HCM	9/3	THCS Hoa Lư	Nhì
211	08287	6	Địa lý	Dương Ngọc Bảo	Thy	x	15	1	2008	TP.HCM	9A6	THCS Chu Văn An	Nhì
212	08304	7	Địa lý	Đào Hữu Ngọc	Trang	x	1	12	2008	TP.HCM	9A8	TRƯỜNG THCS Độc Lập	Nhì
213	08312	7	Địa lý	Nguyễn Bá	Trí		21	5	2008	Hà Tĩnh	9A3	THCS Trần Văn Đăng	Nhì
214	08348	9	Địa lý	Nguyễn Trần Minh	Vy	x	9	12	2008	TP.HCM	9/3	THCS Bàn Cờ	Nhì
215	08007	1	Địa lý	Bùi Hoàng Kim	Anh	x	5	9	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ba
216	08010	1	Địa lý	Lâm Khải Minh	Anh	x	29	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lam Sơn	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
217	08084	13	Địa lý	Dương Trần Ngọc	Hân	x	12	11	2008	Bến Tre	9A5	THCS Hai Bà Trưng	Ba
218	08094	13	Địa lý	Võ Trần Gia	Hân	x	31	1	2008	TP.HCM	9/7	THCS Bàn Cờ	Ba
219	08127	15	Địa lý	Lê Phùng Đăng	Khoa		8	7	2008	TP.HCM	9A10	THCS Mạch Kiếm Hùng	Ba
220	08156	16	Địa lý	Nguyễn Bảo	Long		1	9	2008	TP.HCM	9/15	THCS Đông Thạnh	Ba
221	08168	17	Địa lý	Nguyễn Lê Kha	Minh	x	2	10	2008	TP.HCM	9/13	THCS Nguyễn Hiền	Ba
222	08182	18	Địa lý	Ngô Thụy Đông	Nghi	x	3	12	2008	Lâm Đồng	9C3	THCS và THPT Trí Đức	Ba
223	08183	18	Địa lý	Nguyễn Dao Quỳnh	Nghi	x	23	1	2008	TP.HCM	9/10	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
224	08215	2	Địa lý	Ngô Thị Quỳnh	Như	x	13	4	2008	TP.HCM	9/7	Trường THCS Lê Minh Xuân	Ba
225	08220	3	Địa lý	Nguyễn Kiều	Oanh	x	22	1	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Ba
226	08247	4	Địa lý	Mai Thị Thảo	Quyên	x	2	2	2008	TP.HCM	9A8	THCS Hiệp Phước	Ba
227	08261	5	Địa lý	Võ Duy	Tân		11	9	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn An Khương	Ba
228	08265	5	Địa lý	Phan Kim	Thanh	x	12	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lý Phong	Ba
229	08324	8	Địa lý	Hồ Lê Khánh	Uyên	x	20	1	2008	TP.HCM	9a3	THCS Ngô Tất Tố	Ba
230	08001	1	Địa lý	Nguyễn Trần Phương	An	x	27	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hậu Giang	Ba
231	08018	1	Địa lý	Ngô Tú	Anh	x	15	7	2008	TP.HCM	9A7	THCS Bình Chiểu	Ba
232	08022	10	Địa lý	Nguyễn Quỳnh	Anh	x	15	4	2008	TP.HCM	9A2	THCS Hồng Bàng	Ba
233	08041	11	Địa lý	Đường Giai	Bảo		6	10	2008	TP.HCM	9/16	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
234	08059	11	Địa lý	Nguyễn Hải	Đăng		6	12	2008	TP.HCM	9/02	THCS Phan Bội Châu	Ba
235	08103	14	Địa lý	Nguyễn Kim	Hoàn	x	5	6	2008	TP.HCM	9/14	Trường THCS Nguyễn Trãi	Ba
236	08119	14	Địa lý	Phạm Gia	Khang		6	2	2008	TP.HCM	9TH1	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
237	08121	15	Địa lý	Trần Lê Tuấn	Khang		5	11	2008	Sóc Trăng	9A3	THCS Chu Văn An	Ba
238	08131	15	Địa lý	Nguyễn Đình	Khôi		13	12	2008	TP.HCM	9A1	THCS Văn Đồn	Ba
239	08137	15	Địa lý	Nguyễn Ngọc Phương	Lam	x	3	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Đồng Khởi	Ba
240	08158	16	Địa lý	Võ Thị Thảo	Ly	x	11	9	2008	TP.HCM	9A2	THCS Xuân Thới Thượng	Ba
241	08202	2	Địa lý	Nguyễn Thiện	Nhân		13	3	2008	TP.HCM	9.2	Trường THCS Tân Túc	Ba
242	08302	7	Địa lý	Nguyễn Nhật Bảo	Trân	x	22	1	2008	TP.HCM	9a10	THCS Ngô Tất Tố	Ba
243	08321	8	Địa lý	Nguyễn Minh	Tuệ	x	17	11	2008	TP.HCM	9A8	THCS Nguyễn Hiền	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
244	08008	1	Địa lý	Hoàng Lê Diệu	Anh	x	22	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Đồng Đa	Ba
245	08047	11	Địa lý	Dương Thị Quỳnh	Châu	x	1	6	2008	Quảng Ngãi	9/4	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
246	08060	11	Địa lý	Đỗ Khắc	Đạt		22	10	2008	TP.HCM	9/7	Trường THCS Lê Minh Xuân	Ba
247	08088	13	Địa lý	Mai Ngọc	Hân	x	28	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hai Bà Trưng	Ba
248	08120	14	Địa lý	Phan Đình	Khang		5	12	2008	TP.HCM	9/3	THCS Hoa Lư	Ba
249	08169	17	Địa lý	Lê Nguyễn Trà	My	x	2	10	2008	TP.HCM	9.15	THCS Tô Ký	Ba
250	08175	17	Địa lý	Mai Nguyễn Kim	Ngân	x	30	5	2008	TP.HCM	9/01	THCS Tùng Thiện Vương	Ba
251	08217	2	Địa lý	Phan Thị Huỳnh	Như	x	19	8	2008	TP.HCM	9.2	Trường THCS Tân Túc	Ba
252	08235	3	Địa lý	Tạ Bội	Phụng	x	20	12	2008	TP.HCM	9A2	THCS Hồng Bàng	Ba
253	08243	4	Địa lý	Nguyễn Huy	Quân		23	6	2008	TP.HCM	9A9	THPT Lương Thế Vinh	Ba
254	08245	4	Địa lý	Nguyễn Anh	Quốc		6	5	2008	TP.HCM	9A6	THCS Trần Quốc Tuấn	Ba
255	08249	4	Địa lý	Nguyễn Phùng Diễm	Quỳnh	x	15	8	2008	Long An	9A8	THCS Hiệp Phước	Ba
256	08310	7	Địa lý	Tăng Bảo	Trang	x	20	9	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Thọ	Ba
257	08355	9	Địa lý	Huỳnh Ngọc Như	Ý	x	17	10	2008	TP.HCM	9A4	THCS Lê Thành Công	Ba
258	08025	10	Địa lý	Nguyễn Vân	Anh	x	1	6	2008	Phú Yên	9.8	THCS Phước Bình	Ba
259	08027	10	Địa lý	Quách Trâm	Anh	x	2	5	2008	Tây Ninh	9A1	THCS Cầu Kiệu	Ba
260	08040	10	Địa lý	Diệp Gia	Bảo		31	7	2008	TP.HCM	9/02	THCS Phan Bội Châu	Ba
261	08050	11	Địa lý	Nguyễn Băng	Châu	x	24	4	2008	TP.HCM	9A6	THCS Lê Lợi	Ba
262	08122	15	Địa lý	Dương Công	Khánh		3	9	2008	TP.HCM	9.2	Trường THCS Tân Túc	Ba
263	08163	17	Địa lý	Đào Mai Tuệ	Minh	x	17	11	2008	TP.HCM	9.5	THCSCL Tân Tạo	Ba
264	08164	17	Địa lý	Đào Quốc Anh	Minh		15	12	2008	Lâm Đồng	91	THCS Colette	Ba
265	08172	17	Địa lý	Nguyễn Hải	Nam		24	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Chu Văn An	Ba
266	08188	18	Địa lý	Nguyễn Hoài Gia	Ngọc	x	6	5	2008	TP.HCM	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Ba
267	08194	18	Địa lý	Nguyễn Hồ Khôi	Nguyên		17	2	2008	TP.HCM	9/2	THCS Võ Trường Toản	Ba
268	08198	18	Địa lý	Phạm Thanh	Nhã	x	20	4	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Lợi	Ba
269	08199	2	Địa lý	Giáp Huỳnh Thiện	Nhân		5	7	2008	TP.HCM	9/10	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
270	08207	2	Địa lý	Lê Thị Tuyết	Nhi	x	9	11	2008	Bến Tre	9.2	Trường THCS Tân Túc	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
271	08218	2	Địa lý	Phan Thanh Nhựt		3	10	2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	9/5	THCS Thị Trấn 2	Ba
272	08256	4	Địa lý	Nguyễn Thanh Sơn		7	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Chi Lăng	Ba
273	08309	7	Địa lý	Nguyễn Thị Yến Trang	x	12	12	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lê Anh Xuân	Ba
274	08340	9	Địa lý	Huỳnh Nhã Vy	x	15	9	2008		9/5	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba
275	08357	9	Địa lý	Nguyễn Vũ Như Ý	x	18	5	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ba
276	08358	9	Địa lý	Phan Hải Yến	x	19	1	2008	Hậu Giang	9A4	THCS Lê Thành Công	Ba
277	08012	1	Địa lý	Lê Dương Hoài Anh	x	8	7	2008	TP.HCM	9/10	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
278	08015	1	Địa lý	Lý Trúc Anh	x	11	3	2008	TP.HCM	9A7	THCS Phạm Hữu Lầu	Ba
279	08016	1	Địa lý	Mai Hoàng Tuyết Anh	x	29	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ba
280	08020	1	Địa lý	Nguyễn Minh Anh	x	23	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Cầu Kiệu	Ba
281	08157	16	Địa lý	Nguyễn Thị Cẩm Ly	x	26	3	2008	TP.HCM	9A7	THCS Phước Vĩnh An	Ba
282	08230	3	Địa lý	Hoàng Văn Phúc		24	7	2008	Bình Dương	9/4	THCS Nhuận Đức	Ba
283	08252	4	Địa lý	Trương Nguyễn Lan Quỳnh	x	3	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
284	08327	8	Địa lý	Ngô Phương Uyên	x	9	1	2008	TP.HCM	9TC5	THCS Huỳnh Tấn Phát	Ba
285	08334	8	Địa lý	Nguyễn Vũ		19	2	2008	TP.HCM	9/2	THCS Nguyễn Huệ	Ba
286	08064	12	Địa lý	Lý Thụy Đức		10	2	2008	Long An	9/3	THCS Nguyễn Huệ	Ba
287	08087	13	Địa lý	Lê Ngọc Gia Hân	x	29	11	2008	TP.HCM	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Ba
288	08124	15	Địa lý	Phạm Ngọc Khánh		5	8	2008	TP.HCM	9/10	THCS Minh Đức	Ba
289	08128	15	Địa lý	Lý Đăng Khoa		5	11	2008	Tiền Giang	9/3	THCS Thị Trấn	Ba
290	08166	17	Địa lý	Nguyễn Công Minh		28	9	2008	Bến Tre	9A6	THPT Lương Thế Vinh	Ba
291	08189	18	Địa lý	Nguyễn Thanh Kim Ngọc	x	30	7	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Thọ	Ba
292	08216	2	Địa lý	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	x	23	8	2008	TP.HCM	9/2	THCS Nguyễn Hiền	Ba
293	08224	3	Địa lý	Nguyễn Đạt Phát		30	6	2008	TP.HCM	9/01	THCS Tùng Thiện Vương	Ba
294	08275	5	Địa lý	Đỗ Hoàng Kim Thư	x	1	1	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Vĩnh Lộc A	Ba
295	08281	6	Địa lý	Nguyễn Minh Thư	x	9	12	2008	TP.HCM	9TC4	THCS Chánh Hưng	Ba
296	08296	6	Địa lý	Nguyễn Thanh Toàn		18	3	2008	TP.HCM	9a7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
297	08361	18	Địa lý	Lâm Phát Gia Việt		29	4	2008	TP.HCM	9.7	THCS Bình Trị Đông A	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
298	03134	15	Hóa học	Huỳnh Đăng Khoa		18	4	2008	TP.HCM	9/2	THCS Bình Tây	Nhất
299	03305	5	Hóa học	Nguyễn Dương Trường Thanh		9	4	2008	TP.HCM	9A5	THCS Lê Lợi	Nhất
300	03081	13	Hóa học	Nguyễn Châu Ngọc Hân	x	28	11	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Tân Sơn	Nhất
301	03132	15	Hóa học	Đỗ Minh Khoa		8	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Nhất
302	03152	16	Hóa học	Trần Tuấn Kiệt		9	8	2008	TP.HCM	9/3	THCS Hoa Lư	Nhất
303	03374	9	Hóa học	Phạm Minh Uyên	x	28	11	2008	TP.HCM	9.4	Trường THCS Gò Vấp	Nhất
304	03064	12	Hóa học	Cao Trí Dũng		26	12	2008	TP.HCM	9/9	THCS Lê Văn Tám	Nhì
305	03113	14	Hóa học	Nguyễn Phú Quang Huy		19	1	2008	TP.HCM	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
306	03116	14	Hóa học	Trần Gia Huy		12	3	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Định	Nhì
307	03126	15	Hóa học	Trần Duy Khang		27	5	2008	TP.HCM	9/13	THCSCL Lý Thường Kiệt	Nhì
308	03179	17	Hóa học	Trần Hữu Nam Long		30	6	2008	Đà Nẵng	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
309	03012	1	Hóa học	Nguyễn Duy Anh		31	10	2008	TP.HCM	9A18	THCS Võ Thành Trang	Nhì
310	03055	11	Hóa học	Lã Quách Ngọc Diệp	x	8	12	2008	TP.HCM	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
311	03076	12	Hóa học	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	x	3	6	2008	TP.HCM	9/9	THCS Thị trấn 2	Nhì
312	03121	15	Hóa học	Nguyễn Đức Khang		8	1	2008	TP.HCM	9A7	THCS Hồng Bàng	Nhì
313	03194	18	Hóa học	Nguyễn Cơ Minh		25	6	2008	Hà Nội	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
314	03033	10	Hóa học	Vũ Quang Anh		17	6	2008	TP.HCM	9TH1	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
315	03041	11	Hóa học	Lương Gia Bảo		9	4	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Nhì
316	03088	13	Hóa học	Lê Nguyễn Minh Hạnh	x	19	7	2008	TP.HCM	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
317	03108	14	Hóa học	Phạm Gia Hưng		23	11	2008	Hà Nội	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
318	03044	11	Hóa học	Trần Gia Bảo		19	3	2008	TP.HCM	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
319	03050	11	Hóa học	Nguyễn Phúc Đan	x	28	1	2008	TP.HCM	9/6	THCS Nguyễn Du Q1	Nhì
320	03059	11	Hóa học	Huỳnh Khánh Dư	x	1	6	2008	Cà Mau	97	THCS Colette	Nhì
321	03092	13	Hóa học	Võ Mạnh Hào		18	7	2008	TP.HCM	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
322	03170	17	Hóa học	Huỳnh Nguyễn Hữu Lộc		10	4	2008	TP.HCM	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
323	03269	3	Hóa học	Trần Ngô Minh Phúc		22	3	2008	TP.HCM	9TH4	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
324	03014	1	Hóa học	Nguyễn Hoàng Phương Anh	x	23	2	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
325	03091	13	Hóa học	Phạm Phi Hào		30	12	2008	TP.HCM	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
326	03139	15	Hóa học	Trần Duy Khoa		12	10	2008	TP.HCM	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
327	03284	4	Hóa học	Tôn Khải Minh Quân		16	11	2008	TP.HCM	9/9	THCS Thị Trấn 2	Nhì
328	03372	8	Hóa học	Lưu Hoàng Phương Uyên	x	12	4	2008	TP.HCM	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
329	03005	1	Hóa học	Châu Nguyễn Tú Anh	x	14	9	2008	TP.HCM	9A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
330	03077	12	Hóa học	Nhan Minh Hà	x	18	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tân Phú	Nhì
331	03290	4	Hóa học	Chu Kiến Quốc		26	8	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Phan Tây Hồ	Nhì
332	03057	11	Hóa học	Phạm Quốc Doanh		5	10	2008	Nam Định	9A3	THCS Trần Huy Liệu	Nhì
333	03235	2	Hóa học	Võ Hạnh Nguyên	x	30	4	2008	TP.HCM	9A10	THCS Lê Lợi	Nhì
334	03236	2	Hóa học	Đào Thiện Nhân		27	12	2007	TP.HCM	9/2	Trường THCS Phan Văn Trị	Nhì
335	03282	4	Hóa học	Nguyễn Minh Quân		20	9	2008	TP.HCM	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
336	03334	7	Hóa học	Nguyễn Minh Tiến		13	12	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tân Phú	Nhì
337	03371	8	Hóa học	Lê Phạm Thanh Uyên	x	27	11	2008	TP.HCM	9A10	THCS Lê Lợi	Nhì
338	03006	1	Hóa học	Đặng Quốc Anh		30	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Bạch Đằng	Nhì
339	03065	12	Hóa học	Nguyễn Anh Dũng		2	2	2008	TP.HCM	9A11_TH	THCS Trường Chinh	Nhì
340	03096	13	Hóa học	Lê Ngọc Xuân Hoa	x	12	4	2008	TP.HCM	9T1	THCS Hoa Lư	Nhì
341	03115	14	Hóa học	Phan Thanh Huy		2	12	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhì
342	03120	14	Hóa học	Lê Nguyên Khang		26	2	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Nhì
343	03135	15	Hóa học	Nguyễn Đăng Khoa		9	8	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Trần Quốc Tuấn	Nhì
344	03176	17	Hóa học	Nguyễn Trần Bảo Long		9	11	2008	TP.HCM	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
345	03031	10	Hóa học	Trần Tuệ Tú Anh	x	15	2	2008	TP.HCM	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
346	03101	14	Hóa học	Trương Minh Hoàng		18	5	2008	TP.HCM	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
347	03188	18	Hóa học	Hồ Tuấn Minh		31	10	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
348	03195	18	Hóa học	Nguyễn Hải Minh		14	1	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lê Văn Tám	Nhì
349	03288	4	Hóa học	Dương Phú Quang		18	10	2008	TP.HCM	9/2	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
350	03013	1	Hóa học	Nguyễn Hoàng Anh		26	12	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Định	Nhì
351	03079	12	Hóa học	Huỳnh Gia Hân	x	3	9	2008	TP.HCM	9A4	THCS Bạch Đằng	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
352	03093	13	Hóa học	Bùi Sĩ Hiền		14	11	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
353	03027	10	Hóa học	Phạm Huy Anh		2	6	2008	TP.HCM	9/9	THCS Lê Văn Tám	Nhì
354	03063	12	Hóa học	Lưu Thị Minh Dung	x	15	5	2008	TP.HCM	9A12	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
355	03083	13	Hóa học	Nguyễn Quách Gia Hân	x	15	12	2008	Khánh Hòa	9/03	THCS Phan Bội Châu	Nhì
356	03233	2	Hóa học	Lê Vũ Phúc Nguyên		15	2	2008	Quảng Nam	9A10	THCS Lê Lợi	Nhì
357	03030	10	Hóa học	Phan Minh Anh	x	5	7	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhì
358	03045	11	Hóa học	Đổng Tất Bình		8	2	2008	TP.HCM	9A7	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhì
359	03106	14	Hóa học	Nguyễn Gia Hưng		4	7	2008	TP.HCM	9.B4	Tiểu học, THCS và THPT Việt Úc	Nhì
360	03182	18	Hóa học	Nguyễn Thành Luân		26	5	2008	TP.HCM	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
361	03210	19	Hóa học	Hồ Hà Ngân	x	6	6	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Phan Văn Trị	Nhì
362	03258	3	Hóa học	Võ Tổ Như	x	7	11	2008	TP.HCM	9A5	THCS Hoàng Hoa Thám	Nhì
363	03266	3	Hóa học	Hoàng Thiên Phú		14	7	2008	TP.HCM	9TH	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Nhì
364	03302	5	Hóa học	Tô Đình Duy Tân		3	7	2008	Tiền Giang	9/03	THCS Phan Bội Châu	Nhì
365	03311	5	Hóa học	Nguyễn Thị Phương Thảo	x	10	4	2008	Thừa Thiên Huế	9/9	THCSCL Lý Thường Kiệt	Nhì
366	03020	1	Hóa học	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	x	24	12	2008	TP.HCM	9/8	THCS Lê Văn Tám	Nhì
367	03119	14	Hóa học	Nguyễn Trần Tuấn Khải		15	3	2008	TP.HCM	9A4	THCS Chu Văn An	Nhì
368	03140	15	Hóa học	Trần Minh Khoa		12	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhì
369	03178	17	Hóa học	Trần Hoàng Long		18	4	2008	Long An	9A11	Trường THCS Bình Chánh	Nhì
370	03231	2	Hóa học	Đinh Nguyễn Trung Nguyên		10	9	2008	TP.HCM	9/3	THCS Nguyễn Hiền	Nhì
371	03238	2	Hóa học	Lê Viết Nhân		10	8	2008	TP.HCM	9A5	THCS Lê Lợi	Nhì
372	03281	4	Hóa học	Nguyễn Huỳnh Quân		11	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Bàn Cờ	Nhì
373	03353	8	Hóa học	Lương Tuệ Triết		19	10	2008	TP.HCM	9/03	THCS Phan Bội Châu	Nhì
374	03017	1	Hóa học	Nguyễn Ngọc Anh	x	4	10	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Phan Văn Trị	Nhì
375	03048	11	Hóa học	Trần Tiến Nguyên Chương		17	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhì
376	03158	16	Hóa học	Phạm Nguyễn Yên Lam	x	22	9	2008	TP.HCM	9A10	THCS Trần Văn Ôn	Nhì
377	03186	18	Hóa học	Trịnh Ngọc Mi	x	19	11	2008	TP.HCM	9TH1	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
378	03189	18	Hóa học	Lê Hoàng Minh		28	9	2008	TP.HCM	9.21	THCSCL Huỳnh Văn Nghệ	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
379	03192	18	Hóa học	Ngô Huy Minh		21	1	2008	TP.HCM	9A2	THPT Nam Sài Gòn	Nhì
380	03201	19	Hóa học	Lưu Phạm Diễm My	x	31	1	2008	TP.HCM	9A8	THCS Hồng Bàng	Nhì
381	03264	3	Hóa học	Vưu Gia Phát		12	12	2008	TP.HCM	9/7	THCS Nguyễn Văn Luông	Nhì
382	03310	5	Hóa học	Huỳnh Nhật Thành		31	10	2008	Đà Nẵng	9.5	THCSCL Tân Tạo	Nhì
383	03042	11	Hóa học	Nguyễn Hoàng Bảo		30	7	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Thông Tây Hội	Nhì
384	03123	15	Hóa học	Nguyễn Trần Chí Khang		28	1	2008	TP.HCM	9A10	THCS Thoại Ngọc Hầu	Nhì
385	03153	16	Hóa học	Vương Chánh Kiệt		12	12	2008	TP.HCM	9A1	THCS Phạm Đình Hổ	Nhì
386	03200	18	Hóa học	Lê Nhã My	x	9	11	2008	Quảng Nam	9/03	THCS Phan Bội Châu	Nhì
387	03207	19	Hóa học	Trần Lê Thành Nam		5	7	2008	TP.HCM	9TC2	THCS Nguyễn Thị Thập	Nhì
388	03255	3	Hóa học	Nguyễn Đình Chân Như	x	26	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Chu Văn An	Nhì
389	03289	4	Hóa học	Nguyễn Duy Quang		1	12	2008	TP.HCM	9A18	THCS Tân Phú Trung	Nhì
390	03341	7	Hóa học	Nguyễn Phạm Quỳnh Trâm	x	1	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tân Phú	Nhì
391	03366	8	Hóa học	Vũ Hồng Minh Tuệ	x	4	3	2008	TP.HCM	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
392	03008	1	Hóa học	Lê Kỳ Anh	x	15	2	2008	TP.HCM	9/7	THCS Phú Định	Ba
393	03011	1	Hóa học	Lý Công Anh		4	8	2008	TP.HCM	9/9	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
394	03037	10	Hóa học	Diệp Trịnh Nguyên Bảo		11	4	2008	Phú Yên	9/2	Trường THCS Tân Sơn	Ba
395	03128	15	Hóa học	Lê Khanh	x	31	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
396	03162	17	Hóa học	Nguyễn Ngọc Kiều Liên	x	6	10	2008	TP.HCM	9A4	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Ba
397	03304	5	Hóa học	Đỗ Quang Thanh		23	2	2008	TP.HCM	9.5	THCSCL Bình Tân	Ba
398	03333	7	Hóa học	Ngô Thủy Tiên	x	15	2	2008	An Giang	9/7	THCS Lê Văn Tám	Ba
399	03356	8	Hóa học	Lâm Nhã Trúc	x	4	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Văn Ôn	Ba
400	03369	8	Hóa học	Phan Việt Gia Tuyền	x	25	6	2008	TP.HCM	9/7	THCS Thị Trấn 2	Ba
401	03089	13	Hóa học	Phạm Thị Mỹ Hạnh	x	17	6	2008	Đồng Nai	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Ba
402	03173	17	Hóa học	Nguyễn Bùi Ngọc Long		16	9	2008	TP.HCM	9.3	THCSCL Nguyễn Trãi	Ba
403	03177	17	Hóa học	Phạm Minh Long		28	8	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ba
404	03276	4	Hóa học	Ngô Yến Phương	x	30	1	2008	TP.HCM	9A6	THCS Nguyễn Huệ	Ba
405	03380	9	Hóa học	Nguyễn Hoàng Việt		25	11	2008	TP.HCM	9A5	THCS Hiệp Phú	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
406	03392	9	Hóa học	Nguyễn Thị Hải	Yến	x	20	1	2008	Hà Nội	9/2	Trường THCS Tân Sơn	Ba
407	03127	15	Hóa học	Đặng Trần Mai	Khanh	x	24	5	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Phan Tây Hồ	Ba
408	03172	17	Hóa học	Mai Nguyễn Hoàng	Long		27	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Bạch Đằng	Ba
409	03279	4	Hóa học	Nguyễn Anh	Quân		5	12	2008	TP.HCM	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Ba
410	03094	13	Hóa học	Nguyễn Phúc	Hiệp		2	10	2008	TP.HCM	9/5	THCS Tân Thới Hòa	Ba
411	03166	17	Hóa học	Huỳnh Nguyễn Khánh	Linh	x	20	9	2008	TP.HCM	9/12	THCS Nguyễn Văn Luông	Ba
412	03171	17	Hóa học	Mai Gia	Long		20	2	2008	TP.HCM	9/10	THCS Lê Văn Tám	Ba
413	03240	2	Hóa học	Phan Đức	Nhật		11	12	2008	Hà Tĩnh	9/9	THCS Linh Trung	Ba
414	03263	3	Hóa học	Trần Tuấn	Phát		27	7	2008	TP.HCM	9.12	THCSCL Huỳnh Văn Nghệ	Ba
415	03327	6	Hóa học	Hồ Minh	Thy	x	16	1	2008	Bình Định	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
416	03364	8	Hóa học	Lê Anh	Tuấn		13	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tân Thạnh Tây	Ba
417	03028	10	Hóa học	Phạm Ngọc	Anh	x	18	6	2008	TP.HCM	9/2	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
418	03075	12	Hóa học	Nguyễn Hải	Hà	x	6	6	2008	Hà Nội	9A1	THCS Nguyễn Thị Hương	Ba
419	03149	16	Hóa học	Trịnh Minh	Khuê	x	3	6	2008	TP.HCM	9TC6	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
420	03155	16	Hóa học	Nguyễn Học	Lạc		9	6	2008	TP.HCM	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
421	03230	2	Hóa học	Vương Khánh	Ngọc	x	21	2	2008	TP.HCM	9_09	THCS Lê Quý Đôn	Ba
422	03312	5	Hóa học	Nguyễn Thị Phương	Thảo	x	10	1	2008	Hà Tĩnh	9A1	THCS Tân Phú	Ba
423	03342	7	Hóa học	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	x	5	12	2008	TP.HCM	9A2	THCS Ngô Sĩ Liên	Ba
424	03391	9	Hóa học	Lý Ngọc	Yến	x	20	10	2008	TP.HCM	9/3	THCS Lê Anh Xuân	Ba
425	03047	11	Hóa học	Nguyễn Phương Bảo	Châu	x	10	2	2008	Bình Định	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Ba
426	03052	11	Hóa học	Lê Thành	Đạt		3	4	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tân Bình	Ba
427	03073	12	Hóa học	Đinh Thế Trường	Giang		7	8	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lê Thành Công	Ba
428	03144	16	Hóa học	Lê Nguyễn Đăng	Khôi		22	12	2008	TP.HCM	9/3	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ba
429	03265	3	Hóa học	Dương Đông	Phong		23	11	2008	TP.HCM	9A2	THPT Nam Sài Gòn	Ba
430	03110	14	Hóa học	Phan Trầm	Hương	x	19	10	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hai Bà Trưng	Ba
431	03112	14	Hóa học	Đoàn Nguyễn Gia	Huy		10	4	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
432	03249	28	Hóa học	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	x	8	5	2008	TP.HCM	9A7	THPT Lương Thế Vinh	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
433	03361	8	Hóa học	Nguyễn Hoàng Tuấn	Tú		2	9	2008	Bình Thuận	9A9	THCSCL Hồ Văn Long	Ba
434	03390	9	Hóa học	Bùi Bảo	Yến	x	17	12	2008	TP.HCM	9A2	THCS Nguyễn An Khương	Ba
435	03078	12	Hóa học	Thái Ngân	Hà	x	3	2	2008	TP.HCM	9A14	THCS Ngô Chí Quốc	Ba
436	03103	14	Hóa học	Bùi Hồ Nhật	Hưng		5	12	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Phan Văn Trị	Ba
437	03191	18	Hóa học	Mai Đức	Minh		19	10	2008	TP.HCM	9TH2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
438	03220	19	Hóa học	Tổng Phạm Phương	Nghi	x	5	11	2008	TP.HCM	9/3	THCS Minh Đức	Ba
439	03222	2	Hóa học	Nguyễn Phước	Nghĩa		4	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Hồng Bàng	Ba
440	03335	7	Hóa học	Phạm Công	Tiến		5	4	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Nguyễn Du	Ba
441	03376	9	Hóa học	Dương Tùng Lê	Vân	x	4	5	2008	TP.HCM	9.6	THCSCL Bình Tân	Ba
442	03384	9	Hóa học	Lại Đỗ Tường	Vy	x	25	8	2008	TP.HCM	9.10	THCSCL Huỳnh Văn Nghệ	Ba
443	03009	1	Hóa học	Lê Nguyễn Trâm	Anh	x	13	6	2008	TP.HCM	9a7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
444	03049	11	Hóa học	Nguyễn Xuân	Cường		3	2	2008	TP.HCM	9/8	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
445	03060	11	Hóa học	Ngô Minh	Đức		10	2	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
446	03085	13	Hóa học	Nguyễn Đặng Thanh	Hằng	x	20	11	2008	TP.HCM	9/3	THCS Linh Trung	Ba
447	03100	13	Hóa học	Phạm Trường Gia	Hoàng		22	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Văn Phú	Ba
448	03109	14	Hóa học	Lê Quỳnh	Hương	x	17	9	2008	TP.HCM	9/4	THCS Bình Thới	Ba
449	03137	15	Hóa học	Nguyễn Hữu Anh	Khoa		1	4	2008	TP.HCM	9.H4	Tiểu học, THCS và THPT Việt Úc	Ba
450	03157	16	Hóa học	Nguyễn Trần Khánh	Lam	x	29	12	2008	TP.HCM	9/3	THCS Thị Trấn 2	Ba
451	03226	2	Hóa học	Nguyễn Như	Ngọc	x	22	1	2008	TP.HCM	9a1	THCS Đoàn Thị Điểm	Ba
452	03326	6	Hóa học	Châu Minh	Thùy	x	11	12	2008	TP.HCM	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
453	03358	8	Hóa học	Vũ	Trung		10	5	2008	Thanh Hóa	9TC6	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
454	03018	1	Hóa học	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	x	15	8	2008	TP.HCM	9/5	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
455	03029	10	Hóa học	Phạm Vũ Minh	Anh		28	11	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lê Văn Tám	Ba
456	03039	10	Hóa học	Huỳnh Thiên	Bảo		22	1	2008	TP.HCM	9/10	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
457	03043	11	Hóa học	Nguyễn Minh	Bảo		17	6	2008	TP.HCM	9/7	THCS Thị Trấn 2	Ba
458	03090	13	Hóa học	Phạm Duy Nhật	Hào		26	6	2008	TP.HCM	9A18	THCS Tân Phú Trung	Ba
459	03125	15	Hóa học	Phạm Thái Tuấn	Khang		15	7	2008	Cần Thơ	9/2	THCS và THPT Diên Hồng	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
460	03146	16	Hóa học	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi		20	6	2008	TP.HCM	9A4	THCS Hồng Bàng	Ba
461	03198	18	Hóa học	Vũ Hoàng	Minh		4	11	2008	TP.HCM	9A7	THCS Lý Phong	Ba
462	03283	4	Hóa học	Phùng Sỹ	Quân		20	6	2008	TP.HCM	9/5	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ba
463	03316	6	Hóa học	Trần Đắc	Thiện		14	2	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Thị Định	Ba
464	03348	7	Hóa học	Thái Ngọc	Trân	x	22	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ba
465	03362	8	Hóa học	Nguyễn Thái Minh	Tú	x	2	6	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
466	03377	9	Hóa học	Trần Khánh	Vân	x	28	11	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Ba
467	03379	9	Hóa học	Nguyễn Triệu	Vĩ		16	7	2008	TP.HCM	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Ba
468	03099	13	Hóa học	Phạm Đăng Phước	Hoàng		9	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Văn Đàng	Ba
469	03111	14	Hóa học	Đinh Lê Gia	Huy		3	6	2008	TP.HCM	9TC6	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
470	03117	14	Hóa học	Võ Anh	Huy		10	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Hồng Bàng	Ba
471	03136	15	Hóa học	Nguyễn Đăng	Khoa		16	2	2008	TP.HCM	9/16	Trường THCS Nguyễn Trãi	Ba
472	03215	19	Hóa học	Nguyễn Hoàng	Ngân	x	19	4	2008	TP.HCM	9/1	THCS An Phú Đông	Ba
473	03218	19	Hóa học	Phan Thanh	Ngân	x	19	4	2008	TP.HCM	9/6	THCS Huỳnh Khương Ninh	Ba
474	03301	5	Hóa học	Đỗ Quang	Tân		23	2	2008	TP.HCM	9.5	THCSCL Bình Tân	Ba
475	03313	6	Hóa học	Trần Thị Phương	Thảo	x	20	2	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Ba
476	03016	1	Hóa học	Nguyễn Minh	Anh	x	21	2	2008	TP.HCM	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
477	03069	12	Hóa học	Vũ Thùy	Dương	x	17	1	2008	TP.HCM	9a10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
478	03154	16	Hóa học	Lê Mỹ	Kỳ	x	26	3	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lê Anh Xuân	Ba
479	03193	18	Hóa học	Ngô Ngọc	Minh	x	20	12	2008	TP.HCM	9/8	THCS Lê Văn Tám	Ba
480	03241	28	Hóa học	Vũ Lê Minh	Nhật		20	11	2008	TP.HCM	9/8	THCS Hoàng Diệu	Ba
481	03306	5	Hóa học	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh	x	2	1	2008	TP.HCM	9/8	THCS Bình Thọ	Ba
482	03344	7	Hóa học	Lê Ngọc Bảo	Trân	x	9	1	2008	TP.HCM	9A7	THCS Phú Mỹ	Ba
483	03365	8	Hóa học	Trần Nguyễn Hoàng	Tuấn		11	10	2008	TP.HCM	9.4	THCS Lý Chính Thắng 1	Ba
484	03026	10	Hóa học	Nguyễn Việt	Anh	x	3	12	2008	TP.HCM	9/11	Trường THCS Nguyễn Trãi	Ba
485	03053	11	Hóa học	Lục Nhữ Tiến	Đạt		18	2	2008	TP.HCM	9/3	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
486	03163	17	Hóa học	Bùi Nguyễn Khánh	Linh	x	12	12	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
487	03175	17	Hóa học	Nguyễn Tôn Gia	Long		13	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Trần Bội Cơ	Ba
488	03181	18	Hóa học	Trần Tiến	Long		21	7	2008	TP.HCM	9A4	THCS Trần Văn Ôn	Ba
489	03190	18	Hóa học	Lê Quang	Minh		7	2	2008	TP.HCM	9/8	THCS Nguyễn Hiền	Ba
490	03211	19	Hóa học	Lê Phùng Thảo	Ngân	x	21	6	2008	Khánh Hòa	9A1	THCS Phạm Hữu Lầu	Ba
491	03216	19	Hóa học	Nguyễn Khánh	Ngân	x	22	6	2008	TP.HCM	9A4	THCS Nguyễn An Khương	Ba
492	03248	28	Hóa học	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	x	14	2	2008	TP.HCM	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	Ba
493	03259	3	Hóa học	Phạm Hoàng	Oanh	x	19	1	2008	TP.HCM	9.9	THCSCL An Lạc	Ba
494	03272	3	Hóa học	Phạm Kim	Phụng	x	16	1	2008	TP.HCM	9A8	THCS Phú Mỹ	Ba
495	03298	5	Hóa học	Lâm Vũ Tấn	Tài		24	12	2008	TP.HCM	9A2	THCS Tân Tiến	Ba
496	03322	6	Hóa học	Phạm Anh	Thư	x	21	1	2008	TP.HCM	9A13	THCS Lê Quý Đôn	Ba
497	03357	8	Hóa học	Phạm Hoàng Đông	Trúc	x	12	5	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Ba
498	03360	8	Hóa học	Hồ Lê Cẩm	Tú	x	2	1	2008	TP.HCM	9A14	THCS Ngô Chí Quốc	Ba
499	03385	9	Hóa học	Lý Mẫn Tường	Vy	x	15	9	2008	TP.HCM	9/01	THCS Tùng Thiện Vương	Ba
500	03062	12	Hóa học	Đặng Ngọc Thùy	Dung	x	3	10	2008	TP.HCM	9A6	Trường THCS Phong Phú	Ba
501	03130	15	Hóa học	Trần Nhật	Khánh		29	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS Bàn Cờ	Ba
502	03164	17	Hóa học	Cao Huỳnh Khánh	Linh	x	6	3	2008	TP.HCM	9A7	THCS Phú Mỹ	Ba
503	03286	4	Hóa học	Trần Nguyễn Thành	Quân		30	10	2008	Nghệ An	9A10	THCS Chánh Hưng	Ba
504	03320	6	Hóa học	Hà Thị Minh	Thư	x	23	10	2008	TP.HCM	9A2	THCS Đồng Đa	Ba
505	03001	1	Hóa học	Bùi	An		11	4	2008	TP.HCM	9TC6	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
506	03022	10	Hóa học	Nguyễn Phan Tú	Anh	x	23	3	2008	TP.HCM	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
507	03084	13	Hóa học	Võ Đoàn Gia	Hân	x	8	11	2008	Lâm Đồng	9/7	THCS Lý Thánh Tông	Ba
508	03095	13	Hóa học	Nguyễn Dương Minh	Hiếu		29	1	2008	Thừa Thiên Huế	9/12	Trường THCS Vĩnh Lộc A	Ba
509	03133	15	Hóa học	Đoàn Diệp Đăng	Khoa		16	3	2008	Cà Mau	9/1	THCS Tân Bình	Ba
510	03174	17	Hóa học	Nguyễn Hoàng	Long		30	9	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn An Ninh	Ba
511	03245	28	Hóa học	Lâm Quốc Ngọc	Nhi	x	2	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Ba
512	03257	3	Hóa học	Trần Tâm	Như	x	30	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lữ Gia	Ba
513	03260	3	Hóa học	Đặng Gia	Phát		1	11	2008	TP.HCM	9/8	THCS Thị Trấn 2	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
514	03295	5	Hóa học	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	x	14	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Thị Hương	Ba
515	03331	6	Hóa học	Nguyễn Ngọc Khánh	Thy	x	7	11	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL Lê Tấn Bê	Ba
516	03349	7	Hóa học	Lý Phước Minh	Trang	x	10	7	2008	TP.HCM	9A7	THCS Nguyễn Gia Thiều	Ba
517	13095	23	KHTN	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh	x	26	7	2008	TP.HCM	9A11_TH	THCS Trường Chinh	Nhất
518	13076	22	KHTN	Hồ Lê Nhân	Huân		13	2	2008	TP.HCM	9/16	THCS Ngô Quyền	Nhất
519	13083	22	KHTN	La Mỹ	Huyền	x	2	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Sương Nguyệt Anh	Nhất
520	13123	24	KHTN	Hồ Thiên	Lộc		12	3	2008	TP.HCM	9A9	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhất
521	13246	28	KHTN	Đoàn Cao Ngọc Thiên	Trí		18	1	2008	TP.HCM	9TH2	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhất
522	13056	21	KHTN	Nguyễn Bảo	Duy		12	11	2008	Quảng Ngãi	9A1	THCS Lê Thành Công	Nhì
523	13067	22	KHTN	Lê Đình Trung	Hiếu		26	7	2008	TP.HCM	9TH3	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
524	13121	24	KHTN	Trương Ngọc Khánh	Linh	x	18	8	2008	TP.HCM	9A16	THCS Hoàng Hoa Thám	Nhì
525	13058	21	KHTN	Nguyễn Minh	Duy		28	5	2008	TP.HCM	9A2	THCS Võ Văn Tần	Nhì
526	13247	28	KHTN	Lê Ngọc Minh	Trí		10	3	2008	TP.HCM	9/1	THCS Trần Quang Khải	Nhì
527	13026	20	KHTN	Dương Quốc	Bảo		6	9	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhì
528	13245	28	KHTN	Phạm Hoàng Bảo	Trang	x	10	2	2008	TP.HCM	9A12	THCS Trường Chinh	Nhì
529	13272	29	KHTN	Phạm Bùi Tâm	Y	x	5	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
530	13208	26	KHTN	Lê Đức	Tân		9	3	2008	TP.HCM	9/2	THCS Trần Văn Quang	Nhì
531	13020	19	KHTN	Trần Ngọc Phương	Anh	x	26	5	2008	TP.HCM	9A5	THCS Âu Lạc	Nhì
532	13126	24	KHTN	Trần Kiến	Lương		22	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Du Q1	Nhì
533	13160	25	KHTN	Đinh Hồ Minh	Ngọc	x	29	3	2008	TP.HCM	9B	THCS Việt Mỹ	Nhì
534	13216	27	KHTN	Đỗ Quang Trường	Thịnh		21	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Phan Bội Châu	Nhì
535	13241	28	KHTN	Nguyễn Vũ Bảo	Trần	x	4	3	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhì
536	13064	22	KHTN	Nguyễn Thanh	Hằng	x	22	3	2008	TP.HCM	9A2	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhì
537	13088	22	KHTN	Dương Nguyên	Khang		13	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhì
538	13136	24	KHTN	Đoàn Tuệ	Minh		17	2	2008	TP.HCM	9/03	THCS Phan Bội Châu	Nhì
539	13106	23	KHTN	Đoàn Triệu	Khuê		30	10	2008	TP.HCM	9A6	THCS Tân Phú	Nhì
540	13040	20	KHTN	Nguyễn Phan	Đạt		3	10	2008	TP.HCM	9A6	THCS Tân Phú	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
541	13033	20	KHTN	Phạm Thị Yến	Chi	x	26	7	2008	TP.HCM	9A4	THCS Hoàng Hoa Thám	Nhì
542	13167	25	KHTN	Lê Thị Kim	Nguyên	x	20	7	2008	TP.HCM	9/4	THCS Thị Trấn 2	Nhì
543	13055	21	KHTN	Huỳnh Bảo	Duy		22	4	2008	Hậu Giang	9A1	THCS Lê Thành Công	Nhì
544	13102	23	KHTN	Lê Trần Anh	Khoa		26	8	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
545	13242	28	KHTN	Trần Lê Bảo	Trần	x	11	10	2008	Phú Yên	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
546	13008	19	KHTN	Lại Việt Hoàng Thế	Anh		11	5	2008	TP.HCM	9TH3	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
547	13133	24	KHTN	Hứa Tiểu Họa	Mi	x	9	7	2008	TP.HCM	9/7	THCS Dương Văn Thi	Nhì
548	13152	25	KHTN	Quang Thúy	Ngân	x	17	3	2008	TP.HCM	9TC3	THCS Bình An	Nhì
549	13207	26	KHTN	Phan Hoàng Ái	Tâm	x	5	8	2008	TP.HCM	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
550	13265	28	KHTN	Nguyễn Thị Anh	Vinh	x	7	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Âu Lạc	Nhì
551	13018	19	KHTN	Trần Kỳ	Anh		11	4	2008	TP.HCM	9/9	THCS Nguyễn Tri Phương	Nhì
552	13105	23	KHTN	Trần Đăng	Khôi		9	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	Nhì
553	13142	24	KHTN	Phạm Nguyễn Trà	My	x	2	10	2008	TP.HCM	9A2_TCTA	THCS Trường Chinh	Nhì
554	13151	25	KHTN	Nguyễn Thị	Ngân	x	1	12	2008	TP.HCM	9.11	THCSCL Tân Tạo A	Nhì
555	13199	26	KHTN	Nguyễn Lương Hoàng	Quốc		15	2	2008	Cần Thơ	9/8	THCS Đặng Trần Côn	Nhì
556	13124	24	KHTN	Nguyễn Đức Trường	Lộc		24	7	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Du Q1	Nhì
557	13206	26	KHTN	Phạm Kiến	Tài		6	5	2008	Khánh Hòa	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	Nhì
558	13028	20	KHTN	Phạm Gia	Bảo		7	10	2008	TP.HCM	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Nhì
559	13051	21	KHTN	Nguyễn Duy	Dũng		3	4	2008	Hà Nội	9/8	THCS Dương Văn Thi	Nhì
560	13090	22	KHTN	Lê Huỳnh Tuấn	Khang		25	1	2008	TP.HCM	9/11	THCS Nguyễn Hồng Đào	Nhì
561	13181	26	KHTN	Bùi Thị Quỳnh	Như	x	9	2	2008	TP.HCM	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Nhì
562	13205	26	KHTN	Tạ Bảo	Son		27	2	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
563	13261	28	KHTN	Phạm Thanh	Vân	x	4	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Âu Lạc	Nhì
564	13013	19	KHTN	Nguyễn Quốc	Anh		10	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn An Khương	Nhì
565	13019	19	KHTN	Trần Lan	Anh	x	18	10	2008	Quảng Ngãi	9A3	THCS Võ Văn Tần	Nhì
566	13021	20	KHTN	Trần Nhật Nam	Anh		3	11	2008	Long An	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Nhì
567	13043	21	KHTN	Vũ Văn	Đạt		31	10	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
568	13081	22	KHTN	Trần Huỳnh Minh	Huy		4	12	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Thị Hương	Nhì
569	13091	23	KHTN	Lê Trần Bảo	Khang		31	7	2008	TP.HCM	9A11_TH	THCS Trường Chinh	Nhì
570	13239	27	KHTN	Lê Bích Bảo	Trần	x	28	9	2008	TP.HCM	9A4	THCS Văn Đồn	Nhì
571	13260	28	KHTN	Lê Lý Phương	Uyên	x	26	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Phan Bội Châu	Nhì
572	13143	24	KHTN	Phan Ngọc Diễm	My	x	28	6	2008	TP.HCM	9/4	THCS Chu Văn An	Nhì
573	13188	26	KHTN	Nguyễn An	Phú		30	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Sương Nguyệt Anh	Nhì
574	13193	26	KHTN	Lê Minh	Phương	x	28	2	2008	TP.HCM	9/6	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
575	13072	22	KHTN	Nguyễn Minh	Hoàng		24	2	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Nhì
576	13234	27	KHTN	Lý Thanh	Toàn		13	6	2008	Tiền Giang	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
577	13236	27	KHTN	Trần Ngọc Quỳnh	Trâm	x	3	9	2008	TP.HCM	9/3	THCS Tân Thông Hội	Nhì
578	13259	28	KHTN	Trần Niên	Tường		2	12	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Nhì
579	13118	23	KHTN	Ngô Khánh	Linh	x	1	1	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhì
580	13175	25	KHTN	Nguyễn Xuân	Nhi	x	2	2	2008	TP.HCM	9/5	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
581	13001	19	KHTN	Châu Phúc Thiên	An	x	18	4	2008	TP.HCM	9/10	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
582	13062	22	KHTN	Nguyễn Ngọc	Hân	x	11	2	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Ba
583	13066	22	KHTN	Võ Nguyễn Minh	Hiền		9	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Tân Tiến	Ba
584	13078	22	KHTN	Đặng Thiên	Hương	x	27	9	2008	TP.HCM	9T2	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Ba
585	13079	22	KHTN	Lâm Đình	Huy		13	1	2008	TP.HCM	9/03	THCS Phan Bội Châu	Ba
586	13082	22	KHTN	Ngô Võ Phương	Huyền	x	29	6	2008	Quảng Ngãi	9/3	THCS Đồng Khởi	Ba
587	13138	24	KHTN	Nguyễn Gia	Minh		1	4	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
588	13168	25	KHTN	Nguyễn Bùi Thảo	Nguyên	x	7	12	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
589	13176	25	KHTN	Phan Minh Mỹ	Nhi	x	12	12	2008	TP.HCM	9/3	THCS Đồng Khởi	Ba
590	13180	25	KHTN	Nguyễn Thị Hoàng	Nhớ	x	8	6	2008	Bình Thuận	9A2	THCS Phan Bội Châu	Ba
591	13209	26	KHTN	Nguyễn Thanh	Tân		7	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Chi Lăng	Ba
592	13215	27	KHTN	Nguyễn Tín	Thiện		20	4	2008	TP.HCM	9/2	THCS Bình Tây	Ba
593	13221	27	KHTN	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	x	11	12	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Ba
594	13227	27	KHTN	Hồ Lương Hoàng Bảo	Thy	x	19	7	2008	TP.HCM	9A2	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
595	13263	28	KHTN	Lê Phạm Quốc	Việt		5	10	2008	Đồng Nai	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ba
596	13070	22	KHTN	Lê Thanh	Hòa		19	6	2006	TP.HCM	9A2	THCS Tân Tiến	Ba
597	13087	22	KHTN	Phạm Trương Tấn	Khải		14	4	2008	TP.HCM	9TC8	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
598	13096	23	KHTN	Trần Mai	Khanh	x	7	6	2008	TP.HCM	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Ba
599	13119	23	KHTN	Nguyễn Đình Gia	Linh	x	9	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	Ba
600	13139	24	KHTN	Nguyễn Thành	Minh		28	4	2008	TP.HCM	9.S2	Tiểu học, THCS và THPT Việt Úc	Ba
601	13140	24	KHTN	Trần Quốc	Minh		2	7	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Ba
602	13155	25	KHTN	Hồ Nguyễn Bảo	Nghi	x	25	11	2008	TP.HCM	9TH1	THCS Nguyễn An Khương	Ba
603	13191	26	KHTN	Huỳnh Thanh	Phúc		17	7	2008	TP.HCM	9-2	THCS Lê Lợi	Ba
604	13233	27	KHTN	Lương Diệp	Toàn		25	1	2008	TP.HCM	9A8	THCS Mạch Kiếm Hùng	Ba
605	13240	27	KHTN	Nguyễn Thụy Bảo	Trần	x	4	5	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Ba
606	13270	28	KHTN	Trương Thụy Khánh	Vy	x	13	12	2008	Ninh Thuận	9/8	THCS Tân Thới Hòa	Ba
607	13032	20	KHTN	Hồ Khả Minh	Châu	x	16	3	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
608	13085	22	KHTN	Thái Phan Ngân	Huyền	x	8	10	2008	TP.HCM	9/8	THCS Lý Thánh Tông	Ba
609	13108	23	KHTN	Phan Thê	Kiệt		18	2	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
610	13115	23	KHTN	Tô Đức	Lâm		9	9	2008	TP.HCM	9A3	THCS Phạm Đình Hổ	Ba
611	13182	26	KHTN	Hà Phạm Hương	Như	x	2	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
612	13189	26	KHTN	Nguyễn Thành	Phú		3	9	2008	TP.HCM	9/8	THCS Thị Trấn 2	Ba
613	13016	19	KHTN	Phạm Hoàng Mai	Anh	x	28	10	2008	TP.HCM	97	THCS Colette	Ba
614	13035	20	KHTN	Đỗ Việt	Đăng		31	10	2008	TP.HCM	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
615	13047	21	KHTN	Nguyễn Ngọc	Đức		14	9	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
616	13048	21	KHTN	Phan Hữu Minh	Đức		15	9	2008	TP.HCM	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
617	13050	21	KHTN	Lê	Dũng		24	2	2008	TP.HCM	9A4	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba
618	13104	23	KHTN	Phan Lê Nguyên	Khoa		4	6	2008	Phú Yên	9/5	THCS Trương Văn Ngu	Ba
619	13149	24	KHTN	Lê Bảo	Ngân	x	2	2	2008	TP.HCM	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
620	13185	26	KHTN	Huỳnh Lư Thuận	Phát		1	10	2008	TP.HCM	9A4	THCS Lữ Gia	Ba
621	13195	26	KHTN	Lê Anh	Quân		22	5	2008	TP.HCM	9/13	THCS Đồng Khởi	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
622	13219	27	KHTN	Bùi Nguyễn Anh	Thư	x	12	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Ba
623	13235	27	KHTN	Lê Nguyễn Ngọc	Trâm	x	9	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hoàng Quốc Việt	Ba
624	13256	28	KHTN	Huỳnh Anh	Tuấn		2	7	2008	TP.HCM	9a9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
625	13015	19	KHTN	Nguyễn Trần Xuân	Anh	x	17	3	2008	TP.HCM	9/1	THCS Trần Quang Khải	Ba
626	13024	20	KHTN	Vòng Thạch Ngọc	Anh	x	7	4	2008	TP.HCM	9A2	THCS Lữ Gia	Ba
627	13025	20	KHTN	Vũ Tuấn	Anh		21	2	2008	Ninh Bình	9.15	THCS Tô Ký	Ba
628	13030	20	KHTN	Trần Gia	Bảo		11	5	2008	TP.HCM	9A4	THCS Hồng Bàng	Ba
629	13041	21	KHTN	Phạm Quốc	Đạt		14	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tân Phú Trung	Ba
630	13045	21	KHTN	Nguyễn Nhật Ánh	Du	x	24	5	2008	TP.HCM	9A2	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Ba
631	13103	23	KHTN	Nguyễn Anh	Khoa		29	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Văn Đồn	Ba
632	13148	24	KHTN	Gian Bội	Ngân	x	25	3	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Thọ	Ba
633	13218	27	KHTN	Phan Hoài	Thu	x	20	8	2008	Nam Định	9/14	THCS Nguyễn Hiền	Ba
634	13223	27	KHTN	Trần Thị Anh	Thư	x	3	10	2008	Nghệ An	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
635	13271	29	KHTN	Nguyễn Triều	Vỹ		4	7	2008	TP.HCM	9C2	THCS và THPT Trí Đức	Ba
636	13163	25	KHTN	Nguyễn Hồng	Ngọc	x	3	12	2008	TP.HCM	9/12	THCS Nguyễn Văn Luông	Ba
637	13169	25	KHTN	Phan Nguyễn Thảo	Nguyên	x	6	6	2008	TP.HCM	9-12	Trường THCS Đồng Đen	Ba
638	13177	25	KHTN	Trương Ngọc Bảo	Nhi	x	23	6	2008	Quảng Ngãi	9/4	THCS Hoàng Diệu	Ba
639	13192	26	KHTN	Võ Nguyên	Phúc	x	18	1	2008	TP.HCM	91	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Ba
640	13198	26	KHTN	Hà Quốc	Quang		24	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Sương Nguyệt Anh	Ba
641	13222	27	KHTN	Phạm Minh	Thư	x	16	8	2008	TP.HCM	9A2	THCS Trần Phú	Ba
642	13230	27	KHTN	Bùi Thuý	Tiên	x	4	5	2008	TP.HCM	9A13	THCS Võ Thành Trang	Ba
643	13250	28	KHTN	Phạm Minh	Trí		14	4	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hoa Lư	Ba
644	13012	19	KHTN	Nguyễn Phúc Như	Anh	x	21	10	2008	TP.HCM	9A6	THCS Chánh Hưng	Ba
645	13057	21	KHTN	Nguyễn Hữu Phi	Duy		4	11	2008	TP.HCM	9-11	Trường THCS Đồng Đen	Ba
646	13061	22	KHTN	Đỗ Mai	Hân	x	22	6	2008	Pháp	9F2	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Ba
647	13071	22	KHTN	Nguyễn Cửu Đăng	Hoàng		25	12	2008	Quảng Trị	9.2	THCS Phước Bình	Ba
648	13075	22	KHTN	Bùi Hoàng	Huân		25	7	2008	TP.HCM	9A3	THCS Thăng Long	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
649	13092	23	KHTN	Ngô Nguyễn An	Khang		28	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Sương Nguyệt Anh	Ba
650	13125	24	KHTN	Giang Gia	Lợi	x	20	6	2008	TP.HCM	9A4	THCS Hồng Bàng	Ba
651	13129	24	KHTN	Nguyễn Ngọc Hiền	Mai	x	7	12	2008	TP.HCM	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ba
652	13134	24	KHTN	Cam Gia	Minh		20	10	2008	TP.HCM	9/3	THCS Hoàng Văn Thụ	Ba
653	13165	25	KHTN	Võ Yến	Ngọc	x	26	7	2008	TP.HCM	9A2	THCS Lam Sơn	Ba
654	13194	26	KHTN	Nguyễn Huỳnh Nam	Phuong	x	15	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
655	13237	27	KHTN	Trần Nguyễn Huệ	Trâm	x	22	12	2008	TP.HCM	9.5	THCS Tô Ký	Ba
656	13249	28	KHTN	Nguyễn Minh	Trí		1	8	2008	TP.HCM	9/14	Trường THCS Vĩnh Lộc B	Ba
657	13010	19	KHTN	Nguyễn Cao Hoàng	Anh	x	6	9	2008	Lâm Đồng	9A2	THCS Hà Huy Tập	Ba
658	13131	24	KHTN	Nguyễn Đức	Mạnh		1	7	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Ba
659	13153	25	KHTN	Trịnh Hoài Khánh	Ngân	x	10	3	2008	TP.HCM	9A6	THPT Lương Thế Vinh	Ba
660	13170	25	KHTN	Quách Thành	Nhân		28	4	2008	TP.HCM	9/6	THCS Huỳnh Khương Ninh	Ba
661	13252	28	KHTN	Huỳnh Lê Minh	Triều		31	8	2008	TP.HCM	9/9	THCS Thị Trấn 2	Ba
662	13044	21	KHTN	Lý Quán	Du		14	8	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Lợi	Ba
663	13089	22	KHTN	Lâm Triều	Khang		16	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn An Khương	Ba
664	13097	23	KHTN	Võ Bảo	Khanh		2	11	2008	TP.HCM	9/8	THCS Phú Định	Ba
665	13150	24	KHTN	Lê Đình Khánh	Ngân	x	26	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS Đoàn Kết	Ba
666	13173	25	KHTN	Trần Trọng	Nhân		19	9	2008	TP.HCM	9/12	THCS Nguyễn Văn Luông	Ba
667	13174	25	KHTN	Huỳnh Ngọc Uyển	Nhi	x	12	4	2008	TP.HCM	9A2	THCS Hoàng Lê Kha	Ba
668	13186	26	KHTN	Nguyễn Tấn	Phát		1	8	2008	TP.HCM	9A10	THCS Chi Lăng	Ba
669	13197	26	KHTN	Trương Diễm	Quân	x	11	9	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lê Quý Đôn	Ba
670	07191	2	Lịch sử	Lê Minh Ngọc	Nhân	x	23	3	2008	TP.HCM	9A11	THCS Lê Lợi	Nhất
671	07235	4	Lịch sử	Nguyễn Ngọc	Tâm	x	22	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trương Công Định	Nhất
672	07017	1	Lịch sử	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	x	8	3	2008	TP.HCM	9a9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhất
673	07096	14	Lịch sử	Nguyễn Ngọc	Khải		29	5	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL Lê Tấn Bê	Nhất
674	07030	10	Lịch sử	Lê Quang	Bách		24	3	2008	TP.HCM	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
675	07060	12	Lịch sử	Trần Nguyễn Huỳnh	Duyên	x	20	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Phước Lộc	Nhất

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
676	07181	18	Lịch sử	Trương Ánh	Ngọc	x	21	5	2008	Nam Định	9/9	THCS Lương Thế Vinh	Nhì
677	07219	3	Lịch sử	Đoàn Hà	Phương	x	6	9	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
678	07059	12	Lịch sử	Nguyễn Thị	Duyên	x	11	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Hưng Bình	Nhì
679	07236	4	Lịch sử	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	x	8	3	2008	Bình Định	9/14	THCS Tân Xuân	Nhì
680	07126	15	Lịch sử	Lê Trần Khánh	Linh	x	12	11	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
681	07233	4	Lịch sử	Đỗ Thiên	Tâm	x	26	7	2008	TP.HCM	9/9	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
682	07146	16	Lịch sử	Huỳnh Thuận Ánh	Minh	x	28	2	2008	TP.HCM	9/2	THCS Điện Biên	Nhì
683	07198	2	Lịch sử	Nguyễn Thụy Phương	Nhi	x	3	11	2008	TP.HCM	9A2	THCS Đức Trí	Nhì
684	07291	7	Lịch sử	Đào Viết	Trí		23	2	2008	Quảng Ngãi	9A8	THCS Đức Trí	Nhì
685	07100	14	Lịch sử	Nguyễn Trần Ngọc	Khanh	x	26	10	2008	TP.HCM	9/2	THCS Tam Bình	Nhì
686	07164	17	Lịch sử	Nhâm Ngọc	Nga	x	6	3	2008	TP.HCM	9/8	THCSCL Lý Thường Kiệt	Nhì
687	07174	18	Lịch sử	Trương Mai Bảo	Nghi	x	25	4	2008	TP.HCM	9/4	THCS Đông Thạnh	Nhì
688	07178	18	Lịch sử	Nguyễn Diễm	Ngọc	x	15	5	2008	TP.HCM	9A7	THCS Phú Mỹ	Nhì
689	07199	2	Lịch sử	Nguyễn Trần Thảo	Nhi	x	3	12	2008	TP.HCM	9/3	THCS và THPT Diên Hồng	Nhì
690	07215	3	Lịch sử	Phạm Phú	Phúc		2	2	2008	TP.HCM	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
691	07228	4	Lịch sử	Nguyễn Như	Quỳnh	x	18	1	2008	Quảng Nam	9.1	THCSCL Lê Tấn Bê	Nhì
692	07008	1	Lịch sử	Cao Lê Huỳnh Thy	Ân	x	20	9	2008	TP.HCM	9TC2	THCS Nguyễn Thị Thập	Nhì
693	07084	13	Lịch sử	Dương Phú	Hưng		11	2	2008	TP.HCM	9A4	THCS Lữ Gia	Nhì
694	07158	17	Lịch sử	Võ Thị Ngọc	Mỹ	x	28	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Nhì
695	07179	18	Lịch sử	Nguyễn Võ Bảo	Ngọc	x	22	7	2008	TP.HCM	9a2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhì
696	07220	3	Lịch sử	Nguyễn Trúc	Phương	x	15	5	2008	TP.HCM	9A7	THCS Đồng Đa	Nhì
697	07014	1	Lịch sử	Nguyễn Châu Diệp	Anh	x	9	10	2008	Đà Nẵng	9A1	THCS Phú Mỹ	Nhì
698	07089	13	Lịch sử	Trần Gia	Huy		28	3	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	Nhì
699	07173	18	Lịch sử	Nguyễn Xuân	Nghi	x	21	4	2008	Đồng Tháp	9.1	THCSCL Lê Tấn Bê	Nhì
700	07062	12	Lịch sử	Nguyễn Võ Quỳnh	Giang	x	21	9	2007	TP.HCM	9/6	THCS Nguyễn Trung Trực	Nhì
701	07075	12	Lịch sử	Lê Minh	Hiếu		3	9	2008	An Giang	9.1	THCSCL Lê Tấn Bê	Nhì
702	07213	3	Lịch sử	Nguyễn Mạnh Thiên	Phú		26	10	2007	TP.HCM	9A2	THCS và THPT Trí Đức	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
703	07254	5	Lịch sử	Trần Đức	Thiện		19	5	2008	Long An	9A1	THCS Nguyễn Thị Hương	Nhì
704	07257	5	Lịch sử	Lê Nguyễn Anh	Thư	x	16	1	2008	TP.HCM	9/10	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhì
705	07026	10	Lịch sử	Trần Thị Lan	Anh	x	16	12	2008	Đồng Nai	9A1	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
706	07040	11	Lịch sử	Trần Tú Nhã	Chi	x	9	2	2008	TP.HCM	9/9	THCS Trần Quốc Toản 1	Nhì
707	07101	14	Lịch sử	Nguyễn Bảo	Khánh		29	8	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
708	07162	17	Lịch sử	Nguyễn Hoài	Nam		14	4	2008	TP.HCM	9-9	Trường THCS Đồng Đen	Nhì
709	07209	3	Lịch sử	Tăng Tấn	Phát		14	9	2008	TP.HCM	9/7	THCSCL Lý Thường Kiệt	Nhì
710	07069	12	Lịch sử	Phan Gia	Hân	x	3	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Nhì
711	07109	14	Lịch sử	Bùi Đắc	Khôi		5	8	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Nguyễn Thị Thập	Nhì
712	07133	15	Lịch sử	Hồ Tấn	Lộc		9	6	2008	TP.HCM	9/10	THCSCL Lý Thường Kiệt	Nhì
713	07140	16	Lịch sử	Hồ Xuân	Mai	x	7	2	2008	Vĩnh Long	9A8	THCS Đức Trí	Nhì
714	07143	16	Lịch sử	Phạm Trương Ngọc	Mai	x	10	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Võ Văn Tần	Nhì
715	07147	16	Lịch sử	Lâm Thị Tường	Minh	x	13	10	2008	TP.HCM	9A8	THCS Lam Sơn	Nhì
716	07196	2	Lịch sử	Ngô Thị Yến	Nhi	x	30	3	2008	TP.HCM	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Nhì
717	07230	4	Lịch sử	Hà Tấn	Sang		23	7	2008	TP.HCM	9A4	THCS Hoàng Quốc Việt	Nhì
718	07260	6	Lịch sử	Nguyễn Phạm Anh	Thư	x	13	12	2008	Hà Nội	9A1	THCS Trương Công Định	Nhì
719	07044	11	Lịch sử	Bùi Nguyễn Hải	Đăng		22	7	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
720	07061	12	Lịch sử	Nguyễn Trường	Giang		5	4	2008	Bình Dương	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Nhì
721	07093	13	Lịch sử	Trần Như	Huỳnh	x	24	7	2008	TP.HCM	9A8	THCS Hiệp Phước	Nhì
722	07132	15	Lịch sử	Nguyễn Hồng	Lĩnh		10	5	2008	TP.HCM	9A2	THCS Hồng Bàng	Nhì
723	07231	4	Lịch sử	Lê Thành	Tài		10	8	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
724	07299	8	Lịch sử	Ngô Thanh	Trúc	x	18	8	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
725	07021	10	Lịch sử	Nguyễn Võ Gia	Anh	x	6	11	2007	Vĩnh Long	9/8	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Nhì
726	07022	10	Lịch sử	Phạm Minh	Anh	x	2	6	2008	TP.HCM	9A1	TH, THCS và THPT Vinschool	Nhì
727	07078	13	Lịch sử	Nguyễn Trọng	Hiếu		14	12	2008	Cà Mau	9A4	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
728	07104	14	Lịch sử	Trần Gia	Khiêm		28	8	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Du Q1	Nhì
729	07125	15	Lịch sử	Hà Ngọc	Linh	x	17	4	2008	Hà Nội	9A6	THCSCL Hồ Văn Long	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
730	07127	15	Lịch sử	Lư Ngọc	Linh	x	5	9	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Định	Nhì
731	07150	16	Lịch sử	Trần Bảo	Minh		8	2	2008	TP.HCM	9/01	THCS Tùng Thiện Vương	Nhì
732	07151	16	Lịch sử	Trần Nguyễn Phương	Minh	x	15	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Nhì
733	07185	2	Lịch sử	Hồ Thảo	Nguyên	x	4	2	2008	TP.HCM	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Nhì
734	07211	3	Lịch sử	Đoàn Đại	Phú		11	7	2008	TP.HCM	9/7	Trung học cơ sở Kim Đồng	Nhì
735	07277	6	Lịch sử	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	x	25	1	2008	TP.HCM	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
736	07307	8	Lịch sử	Huỳnh Kiều Ánh	Tuyết	x	5	10	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
737	07330	9	Lịch sử	Phùng Nguyệt	Xuân	x	5	4	2008	TP.HCM	9A3	THCS Trương Công Định	Nhì
738	07041	11	Lịch sử	Đông Trung	Cường		14	8	2008	TP.HCM	9.11	THCSCL Tân Tạo A	Ba
739	07085	13	Lịch sử	Nguyễn Bá	Hưng		5	11	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Nguyễn Thị Thập	Ba
740	07086	13	Lịch sử	Phùng	Hưng		4	11	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ba
741	07252	5	Lịch sử	Lê Nguyễn Phúc	Thiện		19	6	2008	Đồng Tháp	9/5	THCS Đỗ Văn Dậy	Ba
742	07012	1	Lịch sử	Hồ Huy	Anh		30	8	2008	TP.HCM	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
743	07052	11	Lịch sử	Trần Lê Mỹ	Đình	x	14	6	2008	Trà Vinh	9A1	THCSCL Hồ Văn Long	Ba
744	07095	13	Lịch sử	Nguyễn Gia	Hy	x	12	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Đức Trí	Ba
745	07115	15	Lịch sử	Lê Trung	Kiên		18	12	2008	TP.HCM	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
746	07223	4	Lịch sử	Nguyễn Khánh Anh	Quân		29	2	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Thông Tây Hội	Ba
747	07272	6	Lịch sử	Nguyễn Trần Thủy	Tiên	x	1	3	2008	Đồng Nai	9A4	THCS Phước Hiệp	Ba
748	07325	9	Lịch sử	Tổng Khánh	Vy	x	1	4	2008	TP.HCM	9TC4	THCS Huỳnh Tấn Phát	Ba
749	07063	12	Lịch sử	Nguyễn Ngọc	Hà	x	24	4	2008	Nam Định	9A4	THCS Thoại Ngọc Hầu	Ba
750	07091	13	Lịch sử	Lê Thị	Huyền	x	20	11	2008	Thanh Hóa	9A1	THCS An Phú	Ba
751	07106	14	Lịch sử	Lê Hà Duy	Khoa		18	4	2008	TP.HCM	9A4	THCS Văn Đồn	Ba
752	07117	15	Lịch sử	Nguyễn Võ Thiên	Kim	x	18	2	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL Lê Tấn Bê	Ba
753	07136	16	Lịch sử	Lê Hoàng	Long		7	9	2008	Bạc Liêu	9.9	THCSCL Tân Tạo A	Ba
754	07159	17	Lịch sử	Đới Văn	Nam		10	10	2008	TP.HCM	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
755	07180	18	Lịch sử	Trần Nguyễn Minh	Ngọc	x	25	1	2008	TP.HCM	9A10	THCS Mạch Kiếm Hùng	Ba
756	07194	2	Lịch sử	Bùi Ngọc	Nhi	x	26	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn An Khương	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
757	07203	3	Lịch sử	Nguyễn Hoàng Bảo	Như	x	16	4	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lê Văn Tám	Ba
758	07232	4	Lịch sử	Nguyễn Văn	Tài		21	4	2008	TP.HCM	9/14	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
759	07006	1	Lịch sử	Võ Lê Vi	An	x	21	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Ba
760	07015	1	Lịch sử	Nguyễn Ngọc	Anh	x	17	7	2008	Bình Phước	9.14	THCS Tô Ký	Ba
761	07110	14	Lịch sử	Bùi Huy	Khôi		18	12	2008	TP.HCM	9A2	THCS Nguyễn An Ninh	Ba
762	07137	16	Lịch sử	Son Nguyễn Hoàng	Long		24	3	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Tân Sơn	Ba
763	07168	17	Lịch sử	Nguyễn Thị Kim	Ngân	x	22	12	2008	TP.HCM	9/15	Trường THCS Vĩnh Lộc B	Ba
764	07275	6	Lịch sử	Đỗ Huỳnh Thảo	Trâm	x	25	11	2008	TP.HCM	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ba
765	07035	10	Lịch sử	Phạm Đình	Bình		21	5	2008	Thanh Hóa	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ba
766	07055	11	Lịch sử	Vũ Tiến	Dũng		24	8	2008	TP.HCM	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ba
767	07099	14	Lịch sử	Nguyễn Duy	Khanh		10	1	2008	TP.HCM	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
768	07105	14	Lịch sử	Hoàng Minh	Khoa		27	5	2008	TP.HCM	9A5	THCS Trần Văn Ôn	Ba
769	07145	16	Lịch sử	Đào Thị Thảo	Mây	x	19	8	2008	Bắc Giang	9/6	THCS Lương Thế Vinh	Ba
770	07171	17	Lịch sử	Trương Quý Bảo	Ngân	x	17	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Văn Lang	Ba
771	07244	5	Lịch sử	Đinh Ngọc	Thảo	x	21	8	2008	Long An	9A5	THCS Hai Bà Trưng	Ba
772	07266	6	Lịch sử	Cao Cẩm	Thy	x	23	3	2008	TP.HCM	9A3	Trường THCS Phong Phú	Ba
773	07292	7	Lịch sử	Nguyễn Trần Thanh	Trí		26	12	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Thông Tây Hội	Ba
774	07313	8	Lịch sử	Trần Quốc	Việt		11	12	2007	TP.HCM	9/02	THCS Phan Bội Châu	Ba
775	07020	10	Lịch sử	Nguyễn Tuấn	Anh		1	8	2008	TP.HCM	9/02	THCS Phan Bội Châu	Ba
776	07046	11	Lịch sử	Lê Đặng Công	Danh		3	5	2008	TP.HCM	9A8	THCS Lam Sơn	Ba
777	07070	12	Lịch sử	Nguyễn Thị	Hạnh	x	19	3	2008	TP.HCM	9A8	THCS Nguyễn Thị Hương	Ba
778	07103	14	Lịch sử	Nguyễn Quốc	Khánh		2	9	2008	TP.HCM	9A18	THCS Tân Phú Trung	Ba
779	07149	16	Lịch sử	Nguyễn Ngọc Gia	Minh	x	22	1	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Nguyễn Du	Ba
780	07154	17	Lịch sử	Nguyễn Ngọc	My	x	9	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lý Phong	Ba
781	07176	18	Lịch sử	Đặng Trần Bảo	Ngọc	x	27	3	2008	TP.HCM	9/8	THCS Bàn Cờ	Ba
782	07182	18	Lịch sử	Trương Thanh	Ngọc	x	24	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lý Phong	Ba
783	07186	2	Lịch sử	Mai Đình	Nguyên		10	12	2008	TP.HCM	9/6	THCS Thị Trấn 2	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
784	07205	3	Lịch sử	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	x	28	4	2008	Vĩnh Long	9A4	THCS Hoàng Quốc Việt	Ba
785	07212	3	Lịch sử	Lê Thanh	Phú		21	4	2008	TP.HCM	9/9	THCS Phú Hòa Đông	Ba
786	07278	7	Lịch sử	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	x	17	7	2008	TP.HCM	9A2	THCS Phan Bội Châu	Ba
787	07335	18	Lịch sử	Nguyễn Tiến	Minh		19	12	2008	TP.HCM	9A8	Trường THCS Độc Lập	Ba
788	07005	1	Lịch sử	Văn Tân	An		9	12	2008	TP.HCM	9A6	THCS Mạch Kiếm Hùng	Ba
789	07025	10	Lịch sử	Trần Ngọc Kim	Anh	x	10	12	2008	TP.HCM	9A8	THCS Lam Sơn	Ba
790	07094	13	Lịch sử	Hồ Sỹ Phúc	Hy		26	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Bạch Đằng	Ba
791	07098	14	Lịch sử	Trần Duy	Khang		19	8	2008	TP.HCM	9A5	THCS Cù Chính Lan	Ba
792	07122	15	Lịch sử	Dương Thị Phương	Lan	x	14	2	2008	Thái Bình	9/15	Trường THCS Vĩnh Lộc B	Ba
793	07128	15	Lịch sử	Lưu Lê Thùy	Linh	x	28	3	2008	Quảng Ngãi	9A6	THCS Vân Đồn	Ba
794	07160	17	Lịch sử	Lê Hoài	Nam		29	3	2008	TP.HCM	9A2	THCS Tân Tiến	Ba
795	07207	3	Lịch sử	Nguyễn Thị Ánh	Nhung	x	7	2	2008	Thừa Thiên Huế	9/1	THCS Đồng Khởi	Ba
796	07237	4	Lịch sử	Lữ Văn	Thạch		2	1	2008	An Giang	9A4	THCS Lê Thành Công	Ba
797	07286	7	Lịch sử	Phan Lê Bảo	Trân	x	18	3	2008	Bình Định	9/3	THCS Tam Bình	Ba
798	07288	7	Lịch sử	Trần Nguyễn Huệ	Trân	x	2	11	2008	TP.HCM	9A18	THCS Tân Phú Trung	Ba
799	07301	8	Lịch sử	Lê Vũ Thiên	Trung		2	11	2008	TP.HCM	9/5	THCS Hai Bà Trưng	Ba
800	07054	11	Lịch sử	Đoàn Cao Tiến	Dũng		6	12	2008	TP.HCM	9A4	THCS Tân Tiến	Ba
801	07072	12	Lịch sử	Hồ Nguyễn Thúy	Hiền	x	26	2	2008	TP.HCM	9A8	THCS Lam Sơn	Ba
802	07138	16	Lịch sử	Trần Nguyễn Bảo	Long		27	4	2008	Quảng Ngãi	9/1	THCS Đồng Khởi	Ba
803	07156	17	Lịch sử	Phạm Ngọc Khả	My	x	11	1	2008	Đồng Tháp	9/4	THCS Hậu Giang	Ba
804	07170	17	Lịch sử	Trần Thanh	Ngân	x	7	10	2008	TP.HCM	9/12	THCS Tân Xuân	Ba
805	07201	2	Lịch sử	Lâm Phương	Như	x	22	6	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Thông Tây Hội	Ba
806	07202	3	Lịch sử	Nguyễn Bích	Như	x	9	2	2008	Bạc Liêu	9/8	THCS Tân Xuân	Ba
807	07226	4	Lịch sử	Tạ Võ Nhật	Quang		20	4	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Ba
808	07234	4	Lịch sử	Nguyễn Công	Tâm		19	11	2008	TP.HCM	9/11	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
809	07249	5	Lịch sử	Trần Ngọc	Thảo	x	4	4	2008	TP.HCM	9/19	THCS Đông Thạnh	Ba
810	07259	6	Lịch sử	Nguyễn Minh	Thư	x	16	7	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Huỳnh Tấn Phát	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
811	07281	7	Lịch sử	Lê Nguyễn Bảo	Trần	x	18	7	2008	TP.HCM	9/7	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ba
812	07322	9	Lịch sử	Phạm Ngọc Tường	Vy	x	25	1	2008	TP.HCM	9A3	THCS Võ Văn Tần	Ba
813	06029	10	Ngữ văn	Nguyễn Hoàng Vy	Anh	x	3	7	2008	TP.HCM	9.1	Trường THCS Gò Vấp	Nhất
814	06399	8	Ngữ văn	Nguyễn Nhân Cát Tường	Vi	x	28	4	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lê Anh Xuân	Nhất
815	06178	17	Ngữ văn	Trần Phương	Mai	x	10	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Lê Lợi	Nhất
816	06125	15	Ngữ văn	Trần Minh	Hiếu		22	9	2008	TP.HCM	9A6	THCS Hoàng Hoa Thám	Nhất
817	06163	17	Ngữ văn	Nguyễn Phạm Hải	Linh	x	1	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Đồng Đa	Nhất
818	06130	15	Ngữ văn	Dương Quỳnh	Hương	x	1	7	2008	TP.HCM	9/6	THCS Trần Phú	Nhất
819	06388	8	Ngữ văn	Phạm Châu Minh	Uyên	x	3	3	2008	TP.HCM	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
820	06024	10	Ngữ văn	Lương Ngọc Tú	Anh	x	2	4	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Văn Tố	Nhì
821	06025	10	Ngữ văn	Lưu Minh	Anh	x	10	5	2008	Bình Định	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
822	06102	14	Ngữ văn	Đinh Gia	Hân	x	6	8	2008	TP.HCM	9A5	THCS Văn Đồng	Nhì
823	06353	6	Ngữ văn	Phạm Ngọc Quỳnh	Trần	x	31	7	2008	TP.HCM	9/2	Trung học cơ sở Kim Đồng	Nhì
824	06209	19	Ngữ văn	Nguyễn Bảo	Nghi	x	3	9	2008	TP.HCM	9_12	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
825	06268	21	Ngữ văn	Vũ Ngọc Hồng	Phúc	x	17	3	2008	TP.HCM	9.1	Trường THCS Gò Vấp	Nhì
826	06022	10	Ngữ văn	Lê Hồng	Anh	x	28	6	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Phan Tây Hồ	Nhì
827	06081	13	Ngữ văn	Lê Nguyễn Thùy	Dương	x	22	5	2008	TP.HCM	9A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Nhì
828	06126	15	Ngữ văn	Nguyễn Thị Kim	Hoa	x	18	3	2008	TP.HCM	9A2	THCS Văn Đồng	Nhì
829	06137	15	Ngữ văn	Trần Võ Thanh	Huyền	x	24	11	2008	TP.HCM	9A6	THCS Thoại Ngọc Hầu	Nhì
830	06256	20	Ngữ văn	Trần Thái Bảo	Như	x	26	8	2008	TP.HCM	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
831	06381	7	Ngữ văn	Ngô Quang	Tùng		17	11	2008	TP.HCM	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	Nhì
832	06116	14	Ngữ văn	Tô Khả	Hân	x	23	8	2008	TP.HCM	9.6	Trường THCS Gò Vấp	Nhì
833	06208	19	Ngữ văn	Bùi Hải	Nghi	x	20	3	2008	TP.HCM	9/7	THCS Trần Quốc Toàn 1	Nhì
834	06269	21	Ngữ văn	Kim Minh	Phụng	x	5	8	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lý Thánh Tông	Nhì
835	06338	5	Ngữ văn	Trần Hồng Bảo	Thy	x	4	1	2008	TP.HCM	95	THCS Colette	Nhì
836	06339	5	Ngữ văn	Võ Gia Tường	Thy	x	15	8	2008	TP.HCM	9.2	Trường THCS Tân Túc	Nhì
837	06372	7	Ngữ văn	Võ Tuyết	Trinh	x	24	1	2008	TP.HCM	9/7	THCS Dương Bá Trạc	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
838	06118	14	Ngữ văn	Trần Khả Hân	x	1	9	2008	TP.HCM	9A2	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	Nhì
839	06123	15	Ngữ văn	Trịnh Đoàn Gia Hào	x	7	4	2008	Bình Định	9A5	THCS Cù Chính Lan	Nhì
840	06131	15	Ngữ văn	Hà Quỳnh Hương	x	16	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tăng Bạt Hổ	Nhì
841	06161	17	Ngữ văn	Lâm Nhật Linh	x	5	4	2008	TP.HCM	9/2	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
842	06175	17	Ngữ văn	Nguyễn Thị Xuân Mai	x	20	12	2008	TP.HCM	9/6	Trường THCS Tân Nhựt	Nhì
843	06220	19	Ngữ văn	Lê Khánh Ngọc	x	20	7	2008	TP.HCM	9A6	THCS Trần Huy Liệu	Nhì
844	06283	29	Ngữ văn	Phạm Hoàng Nam Phương	x	28	4	2008	TP.HCM	9.5	Trường THCS Gò Vấp	Nhì
845	06326	5	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Quyền Thương	x	23	3	2008	TP.HCM	9/3	THCS Hoa Lư	Nhì
846	06358	6	Ngữ văn	Hồ Phương Trang	x	12	2	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hoàng Văn Thụ	Nhì
847	06109	14	Ngữ văn	Lưu Gia Hân	x	5	9	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Định	Nhì
848	06120	14	Ngữ văn	Vũ Bảo Hân	x	18	2	2008	TP.HCM	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	Nhì
849	06192	18	Ngữ văn	Võ Ngọc Quỳnh My	x	13	5	2008	TP.HCM	9A6	THCS Hùng Vương	Nhì
850	06305	4	Ngữ văn	Khương Phương Thảo	x	28	3	2008	Hà Nội	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
851	06325	5	Ngữ văn	Vũ Quỳnh Minh Thư	x	10	3	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hoàng Diệu	Nhì
852	06368	7	Ngữ văn	Phạm Lê Đức Trí		20	11	2008	TP.HCM	9A7	THCS Trường Chinh	Nhì
853	06379	7	Ngữ văn	Trần Mai Xuân Tú	x	1	1	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL Bình Tân	Nhì
854	06403	8	Ngữ văn	Lý Hoàng Phương Vy	x	16	1	2008	TP.HCM	9A5	THCS Văn Đồn	Nhì
855	06038	10	Ngữ văn	Phạm Trần Mai Anh	x	25	4	2008	TP.HCM	9.8	THCS Phước Bình	Nhì
856	06055	11	Ngữ văn	Nguyễn Minh Châu	x	21	8	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Nhì
857	06127	15	Ngữ văn	Nguyễn Minh Hòa	x	28	2	2008	TP.HCM	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
858	06129	15	Ngữ văn	Cao Chấn Hưng		15	5	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hậu Giang	Nhì
859	06140	15	Ngữ văn	Huỳnh Dương Gia Khanh	x	27	11	2008	TP.HCM	9A11	THCS Thoại Ngọc Hầu	Nhì
860	06188	18	Ngữ văn	Đoàn Nguyễn Ngọc My	x	16	11	2008	TP.HCM	9/5	THCS Ngô Quyền	Nhì
861	06190	18	Ngữ văn	Lê Phạm Ái My	x	25	11	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL Tân Tạo	Nhì
862	06276	21	Ngữ văn	Ngô Mai Phương	x	28	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
863	06296	3	Ngữ văn	Lưu Nguyễn Diễm Quỳnh	x	9	5	2008	TP.HCM	9A7	THCS Phú Mỹ	Nhì
864	06316	4	Ngữ văn	Lê Ngọc Minh Thư	x	10	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
865	06336	5	Ngữ văn	Ngô Nguyễn Nhật	Thy	x	22	9	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Nhì
866	06356	6	Ngữ văn	Văn Hoàng Bảo	Trân	x	25	2	2008	TP.HCM	9.1	Trường THCS Gò Vấp	Nhì
867	06357	6	Ngữ văn	Võ Nguyễn Thùy	Trân	x	5	4	2008	TP.HCM	9/6	Trường THCS Hưng Long	Nhì
868	06361	6	Ngữ văn	Phạm Huyền	Trang	x	25	1	2008	TP.HCM	9/14	THCS Tân Xuân	Nhì
869	06362	6	Ngữ văn	Thắm Thị Huyền	Trang	x	30	10	2008	Thừa Thiên Huế	9/8	THCS Lê Văn Tám	Nhì
870	06382	7	Ngữ văn	Tăng Hoàng	Tuyết	x	5	3	2008	Đồng Nai	9/4	THCS Hậu Giang	Nhì
871	06383	7	Ngữ văn	Cao Ngọc Nhã	Uyên	x	2	2	2008	TP.HCM	9A2	Trường THCS Phong Phú	Nhì
872	06391	8	Ngữ văn	Trần Thanh	Uyên	x	14	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Nhì
873	06401	8	Ngữ văn	Lê Tường	Vy	x	28	5	2008	Hà Nội	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Nhì
874	06021	10	Ngữ văn	Lê Hoàng	Anh		26	4	2008	TP.HCM	9.4	THCSCL Tân Tạo	Nhì
875	06037	10	Ngữ văn	Phạm Quỳnh	Anh	x	12	6	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Nhì
876	06119	14	Ngữ văn	Trần Nguyễn Gia	Hân	x	29	4	2008	TP.HCM	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
877	06151	16	Ngữ văn	Nguyễn Đặng Ngọc	Khuê	x	10	6	2008	TP.HCM	9.5	Trường THCS Gò Vấp	Nhì
878	06168	17	Ngữ văn	Trần Nhật	Linh	x	8	3	2008	TP.HCM	9TC4	THCS Chánh Hưng	Nhì
879	06232	2	Ngữ văn	Trần Thảo	Nguyên	x	16	1	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
880	06252	20	Ngữ văn	Phạm Tâm	Như	x	16	5	2008	TP.HCM	91	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Nhì
881	06258	20	Ngữ văn	Đỗ Hồng	Nhung	x	26	11	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
882	06289	3	Ngữ văn	Nguyễn Võ Kym	Quy	x	19	4	2008	TP.HCM	9/2	THCS Nguyễn Văn Bé	Nhì
883	06293	3	Ngữ văn	Bùi Nguyễn Diễm	Quỳnh	x	24	5	2008	TP.HCM	9A5	THCS Trần Bội Cơ	Nhì
884	06366	7	Ngữ văn	Vũ Yến	Trang	x	20	12	2008	TP.HCM	9A1	Trường THCS Phạm Văn Hai	Nhì
885	06387	8	Ngữ văn	Nguyễn Phạm Minh	Uyên	x	12	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS An Phú	Nhì
886	06402	8	Ngữ văn	Lê Võ Nhật	Vy	x	1	10	2008	TP.HCM	9.15	THCS Tô Ký	Nhì
887	06023	10	Ngữ văn	Lê Quỳnh	Anh	x	22	2	2008	TP.HCM	9A2	THCS Văn Đồn	Nhì
888	06058	11	Ngữ văn	Võ Ngọc Minh	Châu	x	13	6	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Qui Đức	Nhì
889	06070	12	Ngữ văn	Phạm Thị Ngọc	Diễm	x	10	1	2008	TP.HCM	9/5	THCS Phạm Đình Hổ	Nhì
890	06141	16	Ngữ văn	Nguyễn Trần Phương	Khanh	x	16	5	2008	TP.HCM	9A7	THCS Thoại Ngọc Hầu	Nhì
891	06189	18	Ngữ văn	Lê Ái	My	x	6	3	2008	TP.HCM	9A14	THCS Ngô Chí Quốc	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
892	06226	2	Ngữ văn	Trần Mai Thanh	Ngọc	x	3	2	2008	Đắk Lắk	9A1_TCTA	THCS Trường Chinh	Nhì
893	06251	20	Ngữ văn	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	x	16	4	2008	TP.HCM	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
894	06254	20	Ngữ văn	Thái Bảo Khánh	Như	x	18	5	2008	Đà Nẵng	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Nhì
895	06284	3	Ngữ văn	Phạm Minh	Phương	x	13	8	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Phan Văn Trị	Nhì
896	06297	3	Ngữ văn	Nguyễn Phương	Quỳnh	x	12	12	2008	TP.HCM	9A2	THCS Đồng Đa	Nhì
897	06300	3	Ngữ văn	Trần Phương	Quỳnh	x	2	4	2008	TP.HCM	9A8	THCS Hiệp Phước	Nhì
898	06306	4	Ngữ văn	Nguyễn Phạm Nhật	Thi	x	22	3	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
899	06327	5	Ngữ văn	Bùi Thị Phương	Thùy	x	22	6	2008	TP.HCM	9A7	THCS Phạm Hữu Lầu	Nhì
900	06334	5	Ngữ văn	Huỳnh Hoàng Nhã	Thy	x	13	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
901	06352	6	Ngữ văn	Lê Huyền	Trân	x	2	3	2008	TP.HCM	9/1	THCS An Phú Đông	Nhì
902	06360	6	Ngữ văn	Nông Thục	Trang	x	19	12	2008	Đak Nông	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Nhì
903	06389	8	Ngữ văn	Phạm Nguyễn Thảo	Uyên	x	21	6	2008	TP.HCM	9-8	THCS Lê Lợi	Nhì
904	06392	8	Ngữ văn	Lê Ngọc Khánh	Vân	x	1	2	2008	TP.HCM	9/15	THCS Ngô Quyền	Nhì
905	06393	8	Ngữ văn	Nguyễn Hoàng Yến	Vân	x	12	9	2008	Vĩnh Long	9A1	THCS Lê Thành Công	Nhì
906	06009	1	Ngữ văn	Nguyễn Hoàng Hồng	Ấn	x	1	11	2008	TP.HCM	9A7	THPT Lương Thế Vinh	Nhì
907	06014	1	Ngữ văn	Đinh Ngọc Hoài	Anh	x	26	11	2008	TP.HCM	9TC4	THCS Huỳnh Tấn Phát	Nhì
908	06030	10	Ngữ văn	Nguyễn Hồng	Anh	x	13	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Võ Văn Tần	Nhì
909	06121	15	Ngữ văn	Đoàn Thị Mỹ	Hạnh	x	2	1	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
910	06158	16	Ngữ văn	Võ Thành	Lâm		6	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Văn Ôn	Nhì
911	06177	17	Ngữ văn	Trần Phúc Nhật	Mai	x	30	9	2008	TP.HCM	9/8	THCS Thị Trấn 2	Nhì
912	06301	3	Ngữ văn	Nguyễn Tuyết	Sương	x	27	9	2008	TP.HCM	9/9	THCS Tân Thông Hội	Nhì
913	06346	6	Ngữ văn	Hồ Trúc Bảo	Trâm	x	10	11	2008	TP.HCM	9A2	THCS Nguyễn Chí Thanh	Nhì
914	06034	10	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	x	26	11	2008	TP.HCM	9a9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
915	06039	10	Ngữ văn	Phan Uyên Bảo	Anh	x	30	4	2008	TP.HCM	9/2	THCS Huỳnh Khương Ninh	Ba
916	06054	11	Ngữ văn	Lê Hoàng Minh	Châu	x	4	9	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
917	06071	12	Ngữ văn	Châu Bảo Huyền	Diệp	x	30	4	2008	TP.HCM	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
918	06105	14	Ngữ văn	Hồ Gia	Hân	x	21	1	2008	Cà Mau	9.7	THCSCL Lê Tấn Bê	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
919	06111	14	Ngữ văn	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	x	12	7	2008	TP.HCM	9.2	Trường THCS Tân Túc	Ba
920	06113	14	Ngữ văn	Phạm Nguyễn Bảo	Hân	x	10	10	2008	TP.HCM	9-1	Trường THCS Đồng Đen	Ba
921	06114	14	Ngữ văn	Phan Ngọc Bảo	Hân	x	21	2	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hai Bà Trưng	Ba
922	06149	16	Ngữ văn	Nguyễn Mai	Khôi	x	4	8	2008	TP.HCM	9A1	THCS Phạm Đình Hồ	Ba
923	06150	16	Ngữ văn	Chu Bảo Minh	Khuê	x	12	2	2008	TP.HCM	9TH1	THCS Lương Định Của	Ba
924	06186	18	Ngữ văn	Trần Ngọc	Mơ	x	29	1	2008	Kiên Giang	9/8	THCS Hoàng Diệu	Ba
925	06222	2	Ngữ văn	Ngô Trần Bảo	Ngọc	x	23	6	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Nguyễn Trãi	Ba
926	06267	21	Ngữ văn	Trần Thanh	Phúc		17	4	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Văn Tám	Ba
927	06273	21	Ngữ văn	Đàm Ngọc Thanh	Phuong	x	21	4	2008	TP.HCM	9A13	THCS Tân Phú Trung	Ba
928	06335	5	Ngữ văn	Huỳnh Ngọc Bảo	Thy	x	1	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	Ba
929	06359	6	Ngữ văn	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	x	13	3	2008	TP.HCM	9A2	THCS Lam Sơn	Ba
930	06390	8	Ngữ văn	Trần Phương	Uyên	x	2	5	2008	TP.HCM	9A10	THCS Chi Lăng	Ba
931	06397	8	Ngữ văn	Lương Thị Hà	Vi	x	10	2	2008	Hà Nam	9A3	THCS Trần Bội Cơ	Ba
932	06027	10	Ngữ văn	Mai Quỳnh	Anh	x	28	11	2008	TP.HCM	9A2	THCS Khánh Hội	Ba
933	06048	11	Ngữ văn	Huỳnh Thành	Bách		28	11	2008	Long An	9/1.	THCS Lý Nhơn	Ba
934	06061	12	Ngữ văn	Nguyễn Mai Quỳnh	Chi	x	17	4	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
935	06072	12	Ngữ văn	Đỗ Lê Ngọc	Diệp	x	23	11	2008	Hà Nội	9.5	THCSCL Nguyễn Trãi	Ba
936	06103	14	Ngữ văn	Đoàn Thị Ngọc	Hân	x	19	6	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Tân Quý Tây	Ba
937	06128	15	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Kim	Hoàng	x	24	12	2008	TP.HCM	9TC8	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
938	06160	16	Ngữ văn	Hoàng Hà Gia	Linh	x	23	2	2008	Hà Nội	9/7	THCS Nguyễn Văn Tố	Ba
939	06204	19	Ngữ văn	Nguyễn Thảo	Ngân	x	1	5	2008	TP.HCM	9A2	THCS Lam Sơn	Ba
940	06324	5	Ngữ văn	Trương Phạm Minh	Thư	x	12	10	2008	Đắk Lắk	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Ba
941	06328	5	Ngữ văn	Lê Thanh	Thùy	x	11	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ba
942	06370	7	Ngữ văn	Nguyễn Hồng Ngọc	Trình	x	1	9	2008	TP.HCM	9TC8	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
943	06042	11	Ngữ văn	Trần Nguyễn Trâm	Anh	x	24	11	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Du	Ba
944	06045	11	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc	Ánh	x	20	12	2008	TP.HCM	9/3	THCS Trương Văn Ngu	Ba
945	06050	11	Ngữ văn	Trần Gia	Bảo		23	7	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lê Quý Đôn	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
946	06073	12	Ngữ văn	Nguyễn Trần Ngọc	Diệp	x	30	9	2008	TP.HCM	9A15	THCS Võ Thành Trang	Ba
947	06080	12	Ngữ văn	Huỳnh Thanh Ánh	Dương	x	10	11	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Du	Ba
948	06086	13	Ngữ văn	Đinh Hương	Giang	x	7	3	2008	TP.HCM	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
949	06088	13	Ngữ văn	Nguyễn Thanh Quỳnh	Giang	x	27	4	2008	TP.HCM	9/1	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ba
950	06090	13	Ngữ văn	Phạm Hương	Giang	x	26	12	2008	TP.HCM	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
951	06097	13	Ngữ văn	Phan Lê Thanh	Hà	x	4	9	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lê Anh Xuân	Ba
952	06098	13	Ngữ văn	Trần Lê Khánh	Hà	x	16	1	2008	TP.HCM	9TH2	THCS Nguyễn An Khương	Ba
953	06134	15	Ngữ văn	Phạm Ngọc Quỳnh	Hương	x	26	3	2008	TP.HCM	9/6	THCS Đỗ Văn Dậy	Ba
954	06136	15	Ngữ văn	Vũ Đình	Huy		6	3	2008	Bắc Giang	9/4	THCS Lê Quý Đôn	Ba
955	06139	15	Ngữ văn	Ngô Gia	Khang		4	1	2008	Bình Định	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
956	06201	19	Ngữ văn	Nguyễn Kim	Ngân	x	23	2	2008	TP.HCM	9/9	THCS Tân Thông Hội	Ba
957	06242	20	Ngữ văn	Phan Tú	Nhi	x	4	4	2008	TP.HCM	9A8	TRƯỜNG THCS Độc Lập	Ba
958	06255	20	Ngữ văn	Trần Ngọc	Như	x	25	8	2008		9/2	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba
959	06279	21	Ngữ văn	Nguyễn Minh	Phương		21	3	2008		9/7	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba
960	06311	4	Ngữ văn	Bùi Đỗ Anh	Thư	x	11	3	2008	TP.HCM	9A5	THCS Trường Chinh	Ba
961	06315	4	Ngữ văn	Huỳnh Thị Ngọc	Thư	x	3	5	2008	TP.HCM	9A5	THCS Phan Đăng Lưu	Ba
962	06329	5	Ngữ văn	Lê Ngọc	Thủy	x	12	8	2008	TP.HCM	9/8	THCS Lê Văn Tám	Ba
963	06330	5	Ngữ văn	Mai Huỳnh Ngọc	Thủy	x	27	11	2008	TP.HCM	9.3	THCSCL Tân Tạo	Ba
964	06345	6	Ngữ văn	Trần Nguyễn Anh	Tiến		19	10	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Bình An	Ba
965	06363	6	Ngữ văn	Trần Hà	Trang	x	5	6	2008	Quảng Nam	9-8	Trường THCS Đồng Đen	Ba
966	06378	7	Ngữ văn	Ngô Ngọc Minh	Tú	x	24	12	2008	TP.HCM	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
967	06380	7	Ngữ văn	Trần Hoàng Anh	Tuấn		6	7	2008	TP.HCM	9A12	THCS Trường Chinh	Ba
968	06384	8	Ngữ văn	Dương Tiểu	Uyên	x	16	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hai Bà Trưng	Ba
969	06028	10	Ngữ văn	Nguyễn Giang	Anh	x	3	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Âu Lạc	Ba
970	06051	11	Ngữ văn	Dương Cẩm	Bình	x	11	8	2008	Tỉnh Vĩnh Long	9A2	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	Ba
971	06084	13	Ngữ văn	Trần Thùy Mỹ	Duyên	x	13	6	2008	Bình Định	9/14	THCSCL Bình Hưng Hòa	Ba
972	06117	14	Ngữ văn	Trần Gia	Hân	x	31	10	2008	TP.HCM	9/9	THCS Nguyễn Hiền	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
973	06132	15	Ngữ văn	Nguyễn Hồ Thanh	Hương	x	20	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Thị Hương	Ba
974	06144	16	Ngữ văn	Trương Ngọc	Khánh	x	29	1	2008	TP.HCM	9A1_TCTA	THCS Trường Chinh	Ba
975	06167	17	Ngữ văn	Sầm Phan Mỹ	Linh	x	13	1	2008	TP.HCM	9/13	THCS Tân Bình	Ba
976	06272	21	Ngữ văn	Trần Mỹ	Phước	x	29	10	2008	TP.HCM	9/16	THCS Trung Mỹ Tây 1	Ba
977	06277	21	Ngữ văn	Nguyễn Hoàng Bảo	Phương	x	30	10	2008	TP.HCM	9/4	THCS Trung Lập	Ba
978	06280	21	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	x	1	6	2008	Ninh Thuận	9A1	THCS Tân Phú	Ba
979	06287	3	Ngữ văn	Đỗ Mỹ	Quân	x	27	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hậu Giang	Ba
980	06298	3	Ngữ văn	Phạm Thanh	Quỳnh	x	8	2	2008	TP.HCM	9/4	THCS Đông Thạnh	Ba
981	06304	4	Ngữ văn	Đặng Công	Thành		8	3	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Tân Sơn	Ba
982	06312	4	Ngữ văn	Đặng Lý Anh	Thư	x	26	4	2008	TP.HCM	9/5	THCS Bàn Cờ	Ba
983	06318	4	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	x	4	6	2008	TP.HCM	9/7	THCS Thị Trấn 2	Ba
984	06319	4	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	x	28	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn Huệ	Ba
985	06331	5	Ngữ văn	Lê Thị	Thuytrang	x	9	6	2008	TP.HCM	9/1	THCS An Thới Đông	Ba
986	06333	5	Ngữ văn	Đoàn Việt Uyên	Thy	x	5	7	2008	TP.HCM	9A3	THCS Chu Văn An	Ba
987	06367	7	Ngữ văn	Nguyễn Cao	Trí		8	7	2008	TP.HCM	9/9	THCS Nguyễn Văn Luông	Ba
988	06371	7	Ngữ văn	Võ Thị Tuyết	Trinh	x	17	7	2008	TP.HCM	9/2	THCS An Thới Đông	Ba
989	06374	7	Ngữ văn	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	x	17	8	2008	TP.HCM	9/2	THCS Khánh Bình	Ba
990	06385	8	Ngữ văn	Lê Mỹ	Uyên	x	8	3	2008	TP.HCM	9/4	THCS Tân Thới Hòa	Ba
991	06422	9	Ngữ văn	Trần Nguyễn Thanh	Yến	x	8	11	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Tân Sơn	Ba
992	06010	1	Ngữ văn	Trần Thiên	Ân	x	1	7	2008	TP.HCM	9A2	THCS Tân Tiến	Ba
993	06018	1	Ngữ văn	Hoàng Nguyễn Phương	Anh	x	29	4	2008	TP.HCM	9_05	THCS Lê Quý Đôn	Ba
994	06032	10	Ngữ văn	Nguyễn Mai Phương	Anh	x	15	11	2008	TP.HCM	9A4	THCS Đồng Đa	Ba
995	06033	10	Ngữ văn	Nguyễn Minh Phương	Anh	x	7	5	2008	TP.HCM	9A6	THPT Lương Thế Vinh	Ba
996	06035	10	Ngữ văn	Nguyễn Trần Mỹ	Anh	x	22	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Chi Lăng	Ba
997	06040	10	Ngữ văn	Tô Nguyễn Xuân	Anh	x	1	7	2008	TP.HCM	9/5	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
998	06047	11	Ngữ văn	Phạm Ngọc	Ánh	x	5	2	2008	Thái Bình	9/7	THCS Thị Trấn	Ba
999	06049	11	Ngữ văn	Lê Trí	Bảo		12	7	2008	TP.HCM	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1000	06052	11	Ngữ văn	Hồ Hoàng	Cát	x	6	2	2008	TP.HCM	9/13	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
1001	06057	11	Ngữ văn	Phạm Ngọc Thanh	Châu	x	20	6	2008	TP.HCM	9/7	THCS Nguyễn Văn Tố	Ba
1002	06060	11	Ngữ văn	Lữ Trần Diệp	Chi	x	1	1	2008	TP.HCM	9/14	THCS Tân Xuân	Ba
1003	06065	12	Ngữ văn	Lê Trương Minh	Đạt		2	10	2008	TP.HCM	9a13	THCS Ngô Tất Tố	Ba
1004	06067	12	Ngữ văn	Lê Pha Phương	Diễm	x	11	8	2008	TP.HCM	9/10	THCS Tân Xuân	Ba
1005	06069	12	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Thúy	Diễm	x	25	3	2008	TP.HCM	9A6	THCS Vân Đồn	Ba
1006	06074	12	Ngữ văn	Nguyễn Khoa Khánh	Đoan	x	26	7	2008	TP.HCM	9/4	THCS Đông Thạnh	Ba
1007	06077	12	Ngữ văn	Huỳnh Thị Thùy	Dung	x	3	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lê Thành Công	Ba
1008	06083	13	Ngữ văn	Phùng Thụy Ánh	Dương	x	27	1	2008	TP.HCM	9TC8	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
1009	06093	13	Ngữ văn	Trịnh Thị Thảo	Giang	x	6	1	2008	TP.HCM	9/5	THCS Phú Hòa Đông	Ba
1010	06094	13	Ngữ văn	Võ Phạm Trà	Giang	x	18	5	2008	Khánh Hòa	9.8	THCS Phước Bình	Ba
1011	06095	13	Ngữ văn	Huỳnh Thị Ngọc	Hà	x	3	2	2008	TP.HCM	9A3	THCS Kiến Thiết	Ba
1012	06101	14	Ngữ văn	Đặng Gia	Hân	x	27	11	2008	TP.HCM	9A8	THCS Hiệp Phước	Ba
1013	06108	14	Ngữ văn	Lê Bảo	Hân	x	7	8	2008	TP.HCM	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1014	06122	15	Ngữ văn	Trương Trần	Hào		4	2	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lý Phong	Ba
1015	06135	15	Ngữ văn	Võ Gia	Huy		16	10	2008	TP.HCM	9/02	THCS Tùng Thiện Vương	Ba
1016	06152	16	Ngữ văn	Nguyễn Minh	Khuê	x	8	12	2008	TP.HCM	9A1	THCS Chu Văn An	Ba
1017	06154	16	Ngữ văn	Lương Minh	Kiệt		30	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tân Phú	Ba
1018	06162	17	Ngữ văn	Nguyễn Gia	Linh	x	24	9	2008	TP.HCM	9A5	THCS Đồng Khởi	Ba
1019	06164	17	Ngữ văn	Nguyễn Thái Ngọc	Linh	x	17	4	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hậu Giang	Ba
1020	06165	17	Ngữ văn	Nguyễn Thị Hà	Linh	x	11	4	2008	Hung Yên	9/14	THCSCL Bình Hưng Hòa	Ba
1021	06169	17	Ngữ văn	Trần Trúc	Linh	x	8	7	2008	TP.HCM	9A4	THCS Trần Văn Ôn	Ba
1022	06170	17	Ngữ văn	Võ Trần Hoàng	Linh	x	3	10	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hậu Giang	Ba
1023	06172	17	Ngữ văn	Nguyễn Thị Thu	Loan	x	1	9	2008	TP.HCM	9/4	THCS Phú Hòa Đông	Ba
1024	06174	17	Ngữ văn	Lương Gia	Long		28	2	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Nguyễn Trãi	Ba
1025	06183	18	Ngữ văn	Nguyễn Phan Nguyệt	Minh	x	9	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
1026	06198	18	Ngữ văn	Lê Đặng Kim	Ngân	x	13	11	2008	TP.HCM	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1027	06199	18	Ngữ văn	Mai Thanh	Ngân	x	9	10	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lê Văn Tám	Ba
1028	06202	19	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	x	3	11	2008	TP.HCM	9/14	THCS Tân Xuân	Ba
1029	06203	19	Ngữ văn	Nguyễn Thái Hoàng	Ngân	x	27	1	2008	TP.HCM	9/5	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
1030	06235	2	Ngữ văn	Võ Ngọc Thanh	Nhã	x	24	4	2008	TP.HCM	9TC2	THCS Bình An	Ba
1031	06257	20	Ngữ văn	Võ Lê Minh	Như	x	21	2	2008	Ninh Thuận	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
1032	06260	20	Ngữ văn	La Ái	Ni	x	4	1	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Minh Hoàng	Ba
1033	06266	21	Ngữ văn	Trần Hồng	Phúc	x	7	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Ba
1034	06274	21	Ngữ văn	Đặng Minh	Phuong	x	13	11	2008	TP.HCM	9/3	THCS Lạc Hồng	Ba
1035	06285	3	Ngữ văn	Phạm Minh	Phuong	x	25	8	2008	TP.HCM	9/19	THCS Đông Thạnh	Ba
1036	06290	3	Ngữ văn	Chung Ngọc	Quyên	x	7	7	2008	TP.HCM	9/7	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Ba
1037	06303	3	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Trang	Thanh	x	5	9	2008	TP.HCM	9A2	THCS Lam Sơn	Ba
1038	06332	5	Ngữ văn	Đặng Trần Bảo	Thy	x	28	4	2008	TP.HCM	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1039	06343	5	Ngữ văn	Trần Ngọc Thủy	Tiên	x	23	2	2008	TP.HCM	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1040	06344	6	Ngữ văn	Trương Nguyễn Hoàng	Tiên		29	8	2008	TP.HCM	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Ba
1041	06347	6	Ngữ văn	Nguyễn Thùy	Trâm	x	2	2	2008	Slovakia	9A2	THCS Nguyễn Chí Thanh	Ba
1042	06351	6	Ngữ văn	Lâm Tú	Trân	x	7	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Văn Đồn	Ba
1043	06369	7	Ngữ văn	Lê Tuấn Phát	Triển		9	2	2008	Quảng Ngãi	9A2	THCS Kiến Thiết	Ba
1044	06375	7	Ngữ văn	Bùi Minh	Tú	x	14	7	2008	TP.HCM	9A5	THCS Văn Đồn	Ba
1045	06415	9	Ngữ văn	Trương Thanh	Xuân	x	24	8	2008	Hà Nam	9/3	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Ba
1046	06031	10	Ngữ văn	Nguyễn Hồng	Anh	x	2	2	2008	TP.HCM	9A7	THPT Lương Thế Vinh	Ba
1047	06191	18	Ngữ văn	Nguyễn Ngọc Thảo	My	x	8	9	2008	TP.HCM	9/3	THCS An Thới Đông	Ba
1048	06206	19	Ngữ văn	Trần Huỳnh Kim	Ngân	x	19	1	2008		9/8	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba
1049	06219	19	Ngữ văn	Lâm Mỹ	Ngọc	x	14	7	2008	TP.HCM	9.11	THCSCL Tân Tạo	Ba
1050	06314	4	Ngữ văn	Đỗ Hoàng Anh	Thư	x	14	8	2008	TP.HCM	9A2	THCS Lam Sơn	Ba
1051	06348	6	Ngữ văn	Nguyễn Trần Hoàng	Trâm	x	30	8	2008	TP.HCM	9/1	THCS An Thới Đông	Ba
1052	06354	6	Ngữ văn	Trần Bảo	Trân	x	27	4	2008	TP.HCM	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1053	06373	7	Ngữ văn	Lý Thanh	Trúc	x	26	3	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Hưng Long	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1054	04039	2	Sinh học	Cao Trần Thái Bảo		6	2	2008	Gia Lai	9A4	THCS Nguyễn Huệ	Nhất
1055	04048	20	Sinh học	Phạm Minh Châu	x	11	11	2008	Hà Nội	9A1	THCS Hai Bà Trưng	Nhất
1056	04056	20	Sinh học	Vũ Mạnh Cường		16	11	2008	TP.HCM	9/16	THCSCL Lý Thường Kiệt	Nhất
1057	04134	24	Sinh học	Trần Lê Uy Long		30	4	2008	TP.HCM	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
1058	04221	3	Sinh học	Hồng Huỳnh Tấn Phát		28	5	2008	TP.HCM	9/6	Trung học cơ sở Kim Đồng	Nhất
1059	04076	21	Sinh học	Nguyễn Bảo Hân	x	20	5	2008	TP.HCM	9/10	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhất
1060	04208	3	Sinh học	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	x	15	5	2008	TP.HCM	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	Nhất
1061	04012	1	Sinh học	Lê Lan Anh	x	8	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lữ Gia	Nhì
1062	04112	23	Sinh học	Phạm Minh Khôi		30	3	2008	TP.HCM	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1063	04147	25	Sinh học	Nguyễn Đức Hoàng Minh		26	11	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
1064	04177	26	Sinh học	Cù Thoại Nghi	x	17	5	2008	TP.HCM	9/10	Trung học cơ sở Kim Đồng	Nhì
1065	04013	1	Sinh học	Lê Thụy Tú Anh	x	25	2	2008	TP.HCM	9/13	THCS Tân Bình	Nhì
1066	04127	24	Sinh học	Phạm Yến Linh	x	14	5	2008	TP.HCM	9_07	THCS Lê Quý Đôn	Nhì
1067	04150	25	Sinh học	Phạm Ánh Bình Minh	x	4	12	2008	TP.HCM	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1068	04283	6	Sinh học	Lê Quỳnh Trâm	x	18	8	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hậu Giang	Nhì
1069	04300	7	Sinh học	Lê Minh Trí		10	10	2008	TP.HCM	9/16	THCSCL Lý Thường Kiệt	Nhì
1070	04312	8	Sinh học	Ngô Lê Hoàng Uyên	x	16	10	2008	TP.HCM	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1071	04117	23	Sinh học	Nguyễn Bảo Lam	x	29	10	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tân Bình	Nhì
1072	04262	5	Sinh học	Nguyễn Hữu Thọ		21	12	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Thông Tây Hội	Nhì
1073	04339	9	Sinh học	Lương Ngọc Như Ý	x	12	5	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhì
1074	04018	1	Sinh học	Nguyễn Cửu Vân Anh	x	6	6	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhì
1075	04095	22	Sinh học	Hà Gia Huy		10	4	2008	TP.HCM	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1076	04102	23	Sinh học	Nguyễn Viết Duy Khang		1	1	2008	Đồng Tháp	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Nhì
1077	04149	25	Sinh học	Nguyễn Phan Quang Minh		2	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Nhì
1078	04297	7	Sinh học	Phạm Vũ Bảo Trân	x	18	12	2008	TP.HCM	9/20	Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Nhì
1079	04105	23	Sinh học	Lương Quốc Khánh		24	8	2008	TP.HCM	9/8	THCS Đặng Trần Côn	Nhì
1080	04151	25	Sinh học	Phạm Quang Minh		24	2	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1081	04196	27	Sinh học	Võ Phương Nguyên	x	3	8	2008	TP.HCM	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1082	04285	6	Sinh học	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	x	5	5	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
1083	04038	2	Sinh học	Vũ Nguyễn Minh Anh	x	12	6	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Nhì
1084	04130	24	Sinh học	Võ Nguyễn Phương Linh	x	14	4	2008	TP.HCM	9A15	THCS Võ Thành Trang	Nhì
1085	04175	26	Sinh học	Trần Thị Phương Ngân	x	6	4	2008	TP.HCM	9A6	THCS Nguyễn An Khương	Nhì
1086	04336	9	Sinh học	Bùi Võ Thiên Ý		9	3	2008	TP.HCM	9/9	Trường THCS Nguyễn Trãi	Nhì
1087	04065	21	Sinh học	Nguyễn Tấn Dũng		5	7	2008	TP.HCM	9/1	THCS Trần Văn Quang	Nhì
1088	04174	26	Sinh học	Phùng Kim Ngân	x	11	10	2008	TP.HCM	9A4	THCS Văn Thân	Nhì
1089	04294	7	Sinh học	Lưu Ngọc Bảo Trân	x	23	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Nhì
1090	04281	6	Sinh học	Đinh Ngọc Mai Trâm	x	24	10	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Nhì
1091	04293	7	Sinh học	Hoàng Ngọc Bảo Trân	x	27	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Nhì
1092	04004	1	Sinh học	Nguyễn Tuấn An		11	12	2008	Đồng Tháp	9A3	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
1093	04010	1	Sinh học	Hoàng Quế Anh	x	31	10	2008	TP.HCM	9A4	THCS Trần Văn Ôn	Nhì
1094	04019	1	Sinh học	Nguyễn Hà Phương Anh	x	8	8	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
1095	04132	24	Sinh học	Nguyễn Thị Như Lộc	x	25	10	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Nguyễn Thị Thập	Nhì
1096	04156	25	Sinh học	Nguyễn Ái My	x	5	1	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Trần Quốc Tuấn	Nhì
1097	04113	23	Sinh học	Phan Minh Khôi		25	3	2008	TP.HCM	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1098	04152	25	Sinh học	Trần Hồng Minh		31	1	2008	Đà Nẵng	9A1	THCS Trần Văn Ôn	Nhì
1099	04176	26	Sinh học	Võ Ngọc Ngân	x	27	9	2008	TP.HCM	9A7	THCS Lê Lợi	Nhì
1100	04194	27	Sinh học	Nguyễn Giang Khôi Nguyên		28	6	2008	TP.HCM	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1101	04195	27	Sinh học	Tổng Phương Nguyên	x	12	7	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Nhì
1102	04263	5	Sinh học	Đặng Anh Thư	x	1	7	2008	TP.HCM	9/9	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
1103	04295	7	Sinh học	Nguyễn Bảo Trân	x	19	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Nhì
1104	04014	1	Sinh học	Lê Vũ Hồng Anh	x	7	1	2008	TP.HCM	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
1105	04032	2	Sinh học	Tiêu Nguyễn Hoàng Anh	x	22	2	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
1106	04057	20	Sinh học	Hồ Minh Đăng		13	10	2008	TP.HCM	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nhì
1107	04070	21	Sinh học	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	x	8	8	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Phan Tây Hồ	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1108	04087	22	Sinh học	Hoàng Ngọc Mai	Hào	x	18	1	2008	TP.HCM	9.11	THCSCL Bình Tân	Nhì
1109	04161	26	Sinh học	Trần Thị Trà	My	x	25	7	2008	TP.HCM	9A10	THCS Bình Lợi Trung	Nhì
1110	04251	5	Sinh học	Phạm Huyền	Thanh	x	6	12	2008	TP.HCM	9/2	THCS Nguyễn Huệ	Nhì
1111	04258	5	Sinh học	Phan Thị Phương	Thảo	x	21	5	2008	TP.HCM	9/6	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Nhì
1112	04026	2	Sinh học	Nguyễn Thái Minh	Anh	x	11	5	2008	TP.HCM	9A6	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhì
1113	04125	24	Sinh học	Nguyễn Phan Khánh	Linh	x	27	9	2008	TP.HCM	9A2	THCS Ngô Sĩ Liên	Nhì
1114	04158	25	Sinh học	Nguyễn Thái Hà	My	x	24	7	2008	TP.HCM	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1115	04237	4	Sinh học	Lê Minh	Quốc		14	7	2008	TP.HCM	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1116	04243	4	Sinh học	Phạm Nhã	Quỳnh	x	28	10	2008	TP.HCM	9/16	THCSCL Lý Thường Kiệt	Nhì
1117	04324	8	Sinh học	Lê Khang	Vy	x	20	8	2008	Cần Thơ	9/9	THCS Nguyễn Văn Tố	Nhì
1118	04333	9	Sinh học	Võ Ngọc Khánh	Vy	x	10	8	2008	TP.HCM	9TC8	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Nhì
1119	04005	1	Sinh học	Phan Thúy	An	x	7	3	2008	TP.HCM	9/10	THCS Ba Đình	Nhì
1120	04159	25	Sinh học	Nguyễn Thị Trà	My	x	17	3	2008	TP.HCM	9.1	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Nhì
1121	04213	3	Sinh học	Đặng Ngọc	Như	x	30	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lý Phong	Nhì
1122	04291	7	Sinh học	Dương Kim	Trần	x	6	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Bội Cơ	Nhì
1123	04306	8	Sinh học	Đỗ Minh	Tuấn		10	6	2008	TP.HCM	9/2	THCS An Phú Đông	Nhì
1124	04310	8	Sinh học	Hoàng Minh	Uyên	x	19	6	2008	TP.HCM	9A7	THCS Lê Lợi	Nhì
1125	04323	8	Sinh học	Dụng Nguyễn Hạnh	Vy	x	5	9	2008	TP.HCM	9A8	THCS Bình Lợi Trung	Nhì
1126	04325	8	Sinh học	Lê Ngọc Phương	Vy	x	5	11	2008	TP.HCM	9a10	THCS Ngô Tất Tố	Nhì
1127	04330	9	Sinh học	Phạm Khánh	Vy	x	27	2	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Quang Trung	Nhì
1128	04020	1	Sinh học	Nguyễn Hồ Quỳnh	Anh	x	6	8	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhì
1129	04119	23	Sinh học	Đoàn Nguyễn Ngọc	Lan	x	22	8	2008	TP.HCM	9A8	THCS Phú Mỹ	Nhì
1130	04121	24	Sinh học	Bùi Nguyễn Phương	Linh	x	1	3	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Nguyễn Trãi	Nhì
1131	04169	26	Sinh học	Huỳnh Ngọc Kim	Ngân	x	19	6	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
1132	04193	27	Sinh học	Lương Khánh	Nguyễn		29	12	2008	Khánh Hòa	9A3	THCS Âu Lạc	Nhì
1133	04197	27	Sinh học	Đặng Thanh	Nhàn	x	8	3	2008	TP.HCM	9/3	THCS Minh Đức	Nhì
1134	04200	27	Sinh học	Nguyễn Thành	Nhân		1	3	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hoàng Văn Thụ	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1135	04211	3	Sinh học	Văn Võ Phương Nhi	x	9	12	2008	TP.HCM	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1136	04248	5	Sinh học	Trần Quang Thắng		14	8	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Nguyễn Thị Thập	Nhì
1137	04257	5	Sinh học	Nguyễn Thị Phương Thảo	x	17	1	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn An Khương	Nhì
1138	04301	7	Sinh học	Nguyễn Trần Bảo Trí		20	9	2008	TP.HCM	9A8	THCS Lam Sơn	Nhì
1139	04022	2	Sinh học	Nguyễn Hoàng Phương Anh	x	6	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Định	Ba
1140	04047	20	Sinh học	Phạm Minh Châu	x	23	5	2008	Quảng Nam	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1141	04187	27	Sinh học	Nguyễn Huỳnh Khánh Ngọc	x	28	6	2008	TP.HCM	9/16	THCS Ngô Quyền	Ba
1142	04202	28	Sinh học	Trần Thiện Nhân		18	6	2008	TP.HCM	9/9	THCS Ba Đình	Ba
1143	04241	4	Sinh học	Đỗ Hương Quỳnh	x	23	12	2008	TP.HCM	9A14	THCS Ngô Chí Quốc	Ba
1144	04253	5	Sinh học	Phan Trung Thành		14	8	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lê Thành Công	Ba
1145	04314	8	Sinh học	Trương Nhã Uyên	x	21	2	2008	TP.HCM	9/02	THCS Phan Bội Châu	Ba
1146	04321	8	Sinh học	Vũ Duy Vinh		28	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Cầu Kiệu	Ba
1147	04343	9	Sinh học	Hoàng Mỹ Yến	x	27	4	2008	TP.HCM	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1148	04024	2	Sinh học	Nguyễn Phương Anh	x	2	2	2008	TP.HCM	9a7	THCS Ngô Tất Tố	Ba
1149	04030	2	Sinh học	Phan Ngọc Trâm Anh	x	4	2	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Hưng Long	Ba
1150	04037	2	Sinh học	Trần Trịnh Trâm Anh	x	4	8	2008	TP.HCM	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Ba
1151	04060	20	Sinh học	Nguyễn Minh Đạt		7	4	2008	TP.HCM	9/16	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
1152	04115	23	Sinh học	Nguyễn Lê Trung Kiên		16	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Ba
1153	04217	3	Sinh học	Mai Bùi Khánh Như	x	19	1	2008	TP.HCM	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1154	04229	4	Sinh học	Lê Nguyễn Uyên Phương	x	25	5	2008	TP.HCM	9A4	THCS Nguyễn An Khương	Ba
1155	04255	5	Sinh học	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	x	21	9	2008	TP.HCM	9A8	THCS Lam Sơn	Ba
1156	04256	5	Sinh học	Nguyễn Lê Phương Thảo	x	10	2	2008	TP.HCM	9/8	THCS Thị Trấn 2	Ba
1157	04331	9	Sinh học	Trần Ngọc Thảo Vy	x	10	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Văn Đồn	Ba
1158	04009	1	Sinh học	Đỗ Phạm Quỳnh Anh	x	20	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
1159	04075	21	Sinh học	Mai Ngọc Hân	x	26	2	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Tân Sơn	Ba
1160	04096	22	Sinh học	Lương Gia Huy		12	3	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Trần Quốc Tuấn	Ba
1161	04136	24	Sinh học	Nguyễn Đoàn Lâm Mai	x	26	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Văn Đồn	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1162	04214	3	Sinh học	Đinh Lan Quỳnh	Như	x	7	7	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Ba
1163	04222	3	Sinh học	Võ Lê Thiên	Phát		12	6	2008	Quảng Ngãi	9/16	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
1164	04223	3	Sinh học	Nguyễn Sĩ	Phú		4	2	2008	TP.HCM	9A1	THCS Cầu Kiệu	Ba
1165	04269	6	Sinh học	Trần Minh	Thư	x	9	2	2008	TP.HCM	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1166	04274	6	Sinh học	Lê Đào Nhật	Thy	x	12	2	2008	TP.HCM	9A3	THCS Phan Bội Châu	Ba
1167	04317	8	Sinh học	Nguyễn Thị Thảo	Vân	x	13	2	2008	Bình Dương	9A1	THCS Võ Văn Tần	Ba
1168	04322	8	Sinh học	Lê Thủy	Vương		17	11	2008	TP.HCM	9/16	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
1169	04006	1	Sinh học	Nguyễn Hoàng Thảo	Ân	x	5	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Đặng Tân Tài	Ba
1170	04122	24	Sinh học	Lê Hoàng	Linh	x	31	10	2008	Đồng Tháp	9/2	THCS Bàn Cờ	Ba
1171	04133	24	Sinh học	Trần Tuấn	Lợi		26	11	2008	TP.HCM	9A9	THCS Hồng Bàng	Ba
1172	04278	6	Sinh học	Lê Khánh	Toàn		31	1	2008	TP.HCM	9/9	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Ba
1173	04279	6	Sinh học	Nguyễn Phúc	Toàn		4	1	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
1174	04078	21	Sinh học	Nguyễn Phan Gia	Hân	x	30	5	2008	Bình Dương	9/4	Trường THCS Nguyễn Du	Ba
1175	04084	22	Sinh học	Nguyễn Mai	Hạnh	x	24	3	2008	TP.HCM	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1176	04090	22	Sinh học	Nguyễn Quang Minh	Hiển		14	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Nguyễn An Ninh	Ba
1177	04106	23	Sinh học	Lương Trần Bảo	Khánh	x	2	3	2008	Thừa Thiên Huế	9A1	THCS Tân Phú	Ba
1178	04145	25	Sinh học	Lý Huỳnh Chánh	Minh		6	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hồng Bàng	Ba
1179	04155	25	Sinh học	Lê Hồ Trà	My	x	12	1	2008	TP.HCM	9/14	THCS Tân Xuân	Ba
1180	04206	3	Sinh học	Huỳnh Hạnh	Nhi	x	20	5	2008	TP.HCM	9/2	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
1181	04252	5	Sinh học	Phạm Trung	Thành		4	9	2008	TP.HCM	9.4	THCSCL Bình Tân	Ba
1182	04296	7	Sinh học	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	x	22	9	2008	TP.HCM	9/2	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
1183	04298	7	Sinh học	Mã Thị Huyền	Trang	x	28	9	2008	Thanh Hóa	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1184	04305	7	Sinh học	Nguyễn Thanh	Trúc	x	14	4	2008	TP.HCM	9/11	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
1185	04326	9	Sinh học	Nguyễn Huỳnh Phương	Vy	x	6	12	2008	TP.HCM	9/3	THCS Hoa Lư	Ba
1186	04338	9	Sinh học	Lê Ngọc Như	Ý	x	10	9	2008	Bến Tre	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Ba
1187	04346	9	Sinh học	Dương Nguyễn Hoàng	Yến	x	9	7	2008	TPHCM	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
1188	04002	1	Sinh học	Lê Hoài	An	x	18	10	2008	TP.HCM	9.1	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1189	04064	21	Sinh học	Nguyễn La Minh	Đức		5	5	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
1190	04080	21	Sinh học	Phan Vĩnh Gia	Hân	x	25	6	2008	TP.HCM	9-1	THCS Lê Lợi	Ba
1191	04099	22	Sinh học	Nguyễn Viết Tuấn	Huy		24	12	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lý Phong	Ba
1192	04111	23	Sinh học	Nguyễn Nhựt Minh	Khôi		22	11	2008	TP.HCM	9.1	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Ba
1193	04140	24	Sinh học	Trần Duy	Mạnh		10	11	2008	TP.HCM	9/16	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
1194	04184	27	Sinh học	Lê Thị Hồng	Ngọc	x	13	9	2008	TP.HCM	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ba
1195	04219	3	Sinh học	Phạm Thị Diễm	Như	x	28	10	2008	TP.HCM	9/7	THCS Thị Trấn 2	Ba
1196	04249	5	Sinh học	Lương Nguyễn Thùy	Thanh	x	26	10	2008	TP.HCM	9A7	THCS Thoại Ngọc Hầu	Ba
1197	04288	7	Sinh học	Trần Ngọc Bảo	Trâm	x	12	6	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	Ba
1198	04307	8	Sinh học	Huỳnh Ngọc	Tuấn		26	11	2008	TP.HCM	9/5	THCS Thị Trấn 2	Ba
1199	04319	8	Sinh học	Lê Yến	Vi	x	15	4	2008	TP.HCM	9A8	THCS Lam Sơn	Ba
1200	04344	9	Sinh học	Nguyễn Thụy Hải	Yến	x	3	9	2008	TP.HCM	9TC8	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
1201	04003	1	Sinh học	Nguyễn Đoàn Minh	An	x	17	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Văn Ôn	Ba
1202	04017	1	Sinh học	Nguyễn Cửu Quỳnh	Anh	x	23	1	2008	TP.HCM	9/2	THCS Võ Trường Toản	Ba
1203	04045	20	Sinh học	Lạc Mỹ	Bình	x	14	6	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Thọ	Ba
1204	04079	21	Sinh học	Phạm Thị Gia	Hân	x	4	6	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Vĩnh Lộc A	Ba
1205	04083	22	Sinh học	Nguyễn Hoàng Thu	Hằng	x	21	2	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Phan Tây Hồ	Ba
1206	04094	22	Sinh học	Trương Gia	Hưng		30	3	2008	TP.HCM	9/3	THCS Đồng Khởi	Ba
1207	04142	25	Sinh học	Đặng Quang	Minh		11	7	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Nguyễn Du	Ba
1208	04225	3	Sinh học	Tô Hồng	Phúc		17	9	2008	TP.HCM	9A4	THCS Lý Phong	Ba
1209	04236	4	Sinh học	Võ Việt	Quang		8	5	2008	TP.HCM	9/15	THCS Ngô Quyền	Ba
1210	04254	5	Sinh học	Đặng Uyên	Thảo	x	31	12	2008	Tuy Hòa	9A10	THCS Hồng Bàng	Ba
1211	04268	6	Sinh học	Nguyễn Thanh	Thư	x	5	7	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	Ba
1212	04282	6	Sinh học	Huỳnh Đăng Ngọc	Trâm	x	14	3	2008	Sóc Trăng	9A9	THCS Ngô Sĩ Liên	Ba
1213	04304	7	Sinh học	Nguyễn Ngọc Bảo	Trúc	x	7	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ba
1214	04320	8	Sinh học	Hồ Mỹ	Viễn	x	8	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Thọ	Ba
1215	04001	1	Sinh học	Huỳnh Ngọc Thanh	An	x	6	5	2008	TP.HCM	9A8	THCS Nguyễn An Ninh	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1216	04043	20	Sinh học	Trần Gia Bảo		7	6	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Ba
1217	04118	23	Sinh học	Châu Ngọc Lan	x	29	11	2008	TP.HCM	9TC8	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
1218	04124	24	Sinh học	Nguyễn Hoàng Hà Linh	x	19	11	2008	TP.HCM	9/10	THCS Lương Thế Vinh	Ba
1219	04170	26	Sinh học	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	x	5	12	2008	TP.HCM	9A8	THPT Lương Thế Vinh	Ba
1220	04189	27	Sinh học	Thân Hoàng Khánh Ngọc	x	4	1	2008	Đà Nẵng	9/7	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
1221	04210	3	Sinh học	Trần Trương Ngọc Nhi	x	8	9	2008	TP.HCM	9TC2	THCS Nguyễn Thị Thập	Ba
1222	04226	4	Sinh học	Trần Thị Kim Phụng	x	19	1	2008	TP.HCM	9/9	Trường THCS Hưng Long	Ba
1223	04228	4	Sinh học	Lê Ngọc Nam Phương	x	1	1	2008	TP.HCM	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1224	04259	5	Sinh học	Đặng Nguyễn Anh Thi	x	7	5	2008	Vĩnh Long	9.4	THCSCL Lê Tấn Bê	Ba
1225	04315	8	Sinh học	Nguyễn Hoàng Yến Vân	x	23	2	2008	TP.HCM	9A8	THCS Lam Sơn	Ba
1226	04053	20	Sinh học	Trần Ánh Chi	x	13	8	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	Ba
1227	04068	21	Sinh học	Đặng Thị Quỳnh Giang	x	10	3	2008	TP.HCM	9/3	THCS Khánh Bình	Ba
1228	04069	21	Sinh học	Nguyễn Khánh Giao	x	15	5	2008	TP.HCM	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1229	04168	26	Sinh học	Đặng Thiên Ngân	x	23	4	2008	TP.HCM	9/6	THCS Trung Mỹ Tây 1	Ba
1230	04183	27	Sinh học	Đoàn Kiều Bảo Ngọc	x	17	5	2008	TP.HCM	9.1	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Ba
1231	04266	6	Sinh học	Nguyễn Anh Thư	x	16	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS Khánh Bình	Ba
1232	04272	6	Sinh học	Phạm Lê Thanh Thùy	x	20	6	2008	TP.HCM	9A9	THCS Bình Lợi Trung	Ba
1233	04299	7	Sinh học	Nguyễn Thu Trang	x	29	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
1234	04034	2	Sinh học	Trần Hoàng Anh	x	26	8	2008	TP.HCM	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1235	04050	20	Sinh học	Trần Phạm Bảo Châu	x	30	4	2008	Thái Bình	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1236	04129	24	Sinh học	Trần Khánh Linh	x	12	3	2008	TP.HCM	9/10	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
1237	04160	25	Sinh học	Phạm Trúc My	x	23	4	2008	TP.HCM	9A4	THCS Trần Quốc Tuấn	Ba
1238	04162	26	Sinh học	Trần Ngọc Mỹ	x	28	4	2008	TP.HCM	9A4	THCS Văn Thân	Ba
1239	04185	27	Sinh học	Liều Hiền Ngọc	x	7	2	2008	TP.HCM	9/8	THCS Lê Văn Tám	Ba
1240	04238	4	Sinh học	Đỗ Thị Thùy Quyên	x	1	8	2008	TP.HCM	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ba
1241	04277	6	Sinh học	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	x	1	6	2008	TP.HCM	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1242	04328	9	Sinh học	Nguyễn Thị Khánh Vy	x	7	11	2008	Sóc Trăng	9/6	THCS Trần Hưng Đạo	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1243	04073	21	Sinh học	Hồ Trần Ngọc	Hân	x	3	2	2008	TP.HCM	9A7	THCS Bình Lợi Trung	Ba
1244	04128	24	Sinh học	Thạch Thị Hà	Linh	x	21	4	2008	Thái Bình	9A7	THCS Trần Huy Liệu	Ba
1245	04171	26	Sinh học	Nguyễn Thị Thu	Ngân	x	9	4	2008	TP.HCM	9/3	THCS Trần Quốc Toản 1	Ba
1246	04192	27	Sinh học	Huỳnh Thị Hạnh	Nguyên	x	9	5	2008	Sóc Trăng	9A6	THCS Nguyễn An Ninh	Ba
1247	04220	3	Sinh học	Lê Thái	Nhật		18	9	2008	TP.HCM	9A4	THCS Phước Thạnh	Ba
1248	04224	3	Sinh học	Nguyễn Tấn	Phúc		17	3	2008	TP.HCM	9.6	THCSCL Bình Tân	Ba
1249	04231	4	Sinh học	Phạm Ngọc Nguyên	Phương	x	19	9	2008	TP.HCM	9a10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
1250	04267	6	Sinh học	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	x	28	7	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Tân Sơn	Ba
1251	04289	7	Sinh học	Trịnh Thị Thùy	Trâm	x	23	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tân Phú	Ba
1252	04309	8	Sinh học	Võ Ngọc Cát	Tường	x	10	4	2008	TP.HCM	9A4	THCS Nguyễn Thị Thập	Ba
1253	09120	23	Tiếng Anh	Nguyễn Hà Gia	Huy		25	2	2008	TP.HCM	9/8	THCS Lê Văn Tám	Nhất
1254	09406	35	Tiếng Anh	Trần Gia	Vỹ		11	10	2008	TP.HCM	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
1255	09048	20	Tiếng Anh	Nguyễn Gia	Bảo		27	10	2008	TP.HCM	9/13	THCS Nguyễn Văn Luông	Nhất
1256	09062	21	Tiếng Anh	Nguyễn Huỳnh Minh	Đặng		27	11	2008	TP.HCM	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
1257	09016	19	Tiếng Anh	Lê Ngọc Phương	Anh	x	27	5	2008	TP.HCM	9/3	THCS Huỳnh Khương Ninh	Nhất
1258	09206	27	Tiếng Anh	Ngô Nhật	Luân		3	7	2008	TP.HCM	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
1259	09251	29	Tiếng Anh	Nguyễn Đỗ Minh	Ngọc	x	18	2	2008	Hà Nội	9E1	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Nhất
1260	09252	29	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	x	25	2	2008	TP.HCM	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
1261	09385	35	Tiếng Anh	Đặng Anh	Tuấn		19	2	2008	TP.HCM	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
1262	09230	28	Tiếng Anh	Võ Nguyễn Quang	Minh		19	4	2008	TP.HCM	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhi
1263	09265	30	Tiếng Anh	Nguyễn Quang Việt	Nhật		30	3	2008	TP.HCM	9a8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhi
1264	09286	30	Tiếng Anh	Nguyễn Tuấn	Phong		5	2	2008	TP.HCM	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhi
1265	09335	32	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Minh	Tân		19	4	2008	TP.HCM	9A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhi
1266	09037	20	Tiếng Anh	Võ Trí	Anh		31	8	2008	ĐỨC	9TH4	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhi
1267	09086	22	Tiếng Anh	Trịnh Tuấn	Hải		16	1	2008	Hà Nội	9_13	THCS Lê Quý Đôn	Nhi
1268	09101	23	Tiếng Anh	Nguyễn Thảo	Hiền	x	10	9	2008	Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	9.4	Tiểu học, THCS và THPT Mùa Xuân	Nhi
1269	09035	20	Tiếng Anh	Trần Bùi Thụy	Anh	x	27	3	2008	TP.HCM	92	THCS Colette	Nhi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1270	09036	20	Tiếng Anh	Trần Cao Anh		6	8	2008	TP.HCM	9A2	THCS Lam Sơn	Nhì
1271	09133	24	Tiếng Anh	Nguyễn Minh Khang		21	11	2008	TP.HCM	9A6	THCS Trương Công Định	Nhì
1272	09050	21	Tiếng Anh	Trần Xuân Gia Bảo		24	1	2008	Nam Định	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1273	09082	22	Tiếng Anh	Đỗ Khắc Gia		8	1	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Phan Tây Hồ	Nhì
1274	09200	27	Tiếng Anh	Lê Quang Lộc		14	10	2008	TP.HCM	9/2	THCS Hà Huy Tập	Nhì
1275	09304	31	Tiếng Anh	Trần Xuân Bảo Phước		16	1	2008	TP.HCM	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1276	09340	33	Tiếng Anh	Nguyễn Tuấn Thành		5	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS và THPT Đức Trí	Nhì
1277	09396	35	Tiếng Anh	Đỗ Nhân Văn		30	1	2008	Hà Nội	9/7	THCS Phú Định	Nhì
1278	09074	22	Tiếng Anh	Nguyễn Đức Dũng		27	3	2008	TP.HCM	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1279	09139	24	Tiếng Anh	Trần Hoàng Khang		5	12	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Phan Văn Trị	Nhì
1280	09239	28	Tiếng Anh	Tăng Hạo Nam		1	1	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hồng Bàng	Nhì
1281	09289	31	Tiếng Anh	Vũ An Phú		16	5	2008	TP.HCM	9A12	THCS Trường Chinh	Nhì
1282	09351	33	Tiếng Anh	Thái Gia Thịnh		13	3	2008	TP.HCM	9/5	THCS Đặng Trần Côn	Nhì
1283	09012	19	Tiếng Anh	Hà Tú Anh	x	19	10	2008	Hà Nội	98	THCS Colette	Nhì
1284	09028	20	Tiếng Anh	Nguyễn Tôn Diễm Anh	x	18	7	2008	TP.HCM	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1285	09103	23	Tiếng Anh	Nguyễn Đức Hiền		4	5	2008	TP.HCM	9a7	THCS Ngô Tất Tố	Nhì
1286	09111	23	Tiếng Anh	Trần Minh Hưng		25	1	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Quang Trung	Nhì
1287	09118	23	Tiếng Anh	Ngô Gia Huy		8	10	2008	TP.HCM	9/9	THCS Nguyễn Văn Luông	Nhì
1288	09128	24	Tiếng Anh	Đặng Tuấn Khang		10	7	2008	TP.HCM	9/4	THCS Điện Biên	Nhì
1289	09156	25	Tiếng Anh	Lê Anh Khoa		30	7	2008	TP.HCM	9/12	THCS Trần Hưng Đạo	Nhì
1290	09185	26	Tiếng Anh	Cao Nguyễn Ngọc Lam	x	27	1	2008	TP.HCM	9a1	THCS Ngô Tất Tố	Nhì
1291	09189	26	Tiếng Anh	Dương Thanh Lâm		30	10	2008	TP.HCM	9/7	THCS Trần Phú	Nhì
1292	09208	27	Tiếng Anh	Đặng Phương Mai	x	1	3	2008	Đà Nẵng	9TH1	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
1293	09226	28	Tiếng Anh	Thân Đức Quang Minh		11	9	2008	TP.HCM	9/3	Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Nhì
1294	09249	29	Tiếng Anh	Đỗ Khánh Ngọc	x	18	10	2008	TP.HCM	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1295	09268	30	Tiếng Anh	Nguyễn Quang Bảo Nhi	x	21	10	2008	TP.HCM	9TH	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Nhì
1296	09299	31	Tiếng Anh	Trần Anh Phúc		24	1	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hồng Bàng	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1297	09308	31	Tiếng Anh	Phan Yến	Phương	x	16	12	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lê Anh Xuân	Nhì
1298	09314	32	Tiếng Anh	Nguyễn Anh	Quân		2	8	2008	TP.HCM	9/20	Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Nhì
1299	09391	35	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Tường		19	10	2008	TP.HCM	9/9	THCS Trần Quốc Toàn 1	Nhì
1300	09087	22	Tiếng Anh	Lưu Bảo	Hân	x	8	3	2008	TP.HCM	9A5	THCS Lương Định Của	Nhì
1301	09090	22	Tiếng Anh	Ông Gia	Hân	x	23	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lam Sơn	Nhì
1302	09095	22	Tiếng Anh	Vũ Mỹ	Hân	x	17	8	2008	TP.HCM	9/7	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Nhì
1303	09129	24	Tiếng Anh	Lê Chí	Khang		23	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tân Thới Hòa	Nhì
1304	09250	29	Tiếng Anh	Lê Cao Giáng	Ngọc	x	5	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Kiến Thiết	Nhì
1305	09383	34	Tiếng Anh	Trần Quang	Trường		6	4	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhì
1306	09398	35	Tiếng Anh	Nguyễn Hiền	Vinh		6	7	2008	TP.HCM	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1307	09402	35	Tiếng Anh	Nguyễn Phan Hương	Vy	x	25	5	2008	TP.HCM	9/25	Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Nhì
1308	09135	24	Tiếng Anh	Nguyễn Phúc	Khang		12	2	2008	TP.HCM	9A12	THCS Trường Chinh	Nhì
1309	09154	25	Tiếng Anh	Dương Minh	Khoa		4	7	2008	TP.HCM	9A1	TH - THCS - THPT VẠN HẠNH	Nhì
1310	09155	25	Tiếng Anh	Huỳnh Ngọc Bảo	Khoa		28	6	2008	TP.HCM	9TH	THCS Hoàng Quốc Việt	Nhì
1311	09170	26	Tiếng Anh	Vũ Anh	Khôi		13	2	2008	TP.HCM	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
1312	09183	26	Tiếng Anh	Lưu Nhã	Kỳ	x	11	11	2008	TP.HCM	9A5	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
1313	09237	28	Tiếng Anh	Lê Nguyễn Hoàng	Nam		30	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hiệp Phú	Nhì
1314	09272	30	Tiếng Anh	Võ Song	Nhi	x	26	2	2008	TP.HCM	9/6	THCS Trần Quốc Toàn 1	Nhì
1315	09317	32	Tiếng Anh	Nguyễn Hồng	Quân		25	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lữ Gia	Nhì
1316	09342	33	Tiếng Anh	Triệu Chí	Thành		14	5	2008	TP.HCM	9A6	THCS Hồng Bàng	Nhì
1317	09349	33	Tiếng Anh	Nguyễn Hữu	Thiện		3	4	2008	TP.HCM	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1318	09370	34	Tiếng Anh	Trần Ngọc Bảo	Trâm	x	22	9	2007	TP.HCM	9A7	TRƯỜNG THCS Độc Lập	Nhì
1319	09380	34	Tiếng Anh	Trần Phương	Trúc	x	7	1	2008	TP.HCM	9/5	THCS Lê Văn Tám	Nhì
1320	09020	19	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng Lâm	Anh	x	8	6	2008	Hà Nội	9.1	THCS Phước Bình	Nhì
1321	09034	20	Tiếng Anh	Thái Minh	Anh	x	23	7	2008	Bình Định	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1322	09065	21	Tiếng Anh	Huỳnh Xuân	Đạt		4	2	2008	Bình Định	9A12	THCS Bình Chiểu	Nhì
1323	09126	24	Tiếng Anh	Huỳnh Minh	Hy		17	6	2008	TP.HCM	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1324	09130	24	Tiếng Anh	Lê Vĩnh Khang		26	1	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hà Huy Tập	Nhì
1325	09132	24	Tiếng Anh	Nguyễn Duy Khang		9	10	2008	TP.HCM	9-2	THCS Lê Lợi	Nhì
1326	09177	26	Tiếng Anh	Cao Tuấn Kiệt		6	10	2008	TP.HCM	9/9	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
1327	09213	27	Tiếng Anh	Bùi Lê Minh		12	5	2008	TP.HCM	9/9	THCS Lê Văn Tám	Nhì
1328	09224	28	Tiếng Anh	Phan Đào Quang Minh		15	8	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Trãi	Nhì
1329	09297	31	Tiếng Anh	Phạm Hoài Phúc		20	5	2008	TP.HCM	9/5	THCS Trần Quang Khải	Nhì
1330	09381	34	Tiếng Anh	Lê Đức Trung		2	2	2008	TP.HCM	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1331	09386	35	Tiếng Anh	Đào Minh Tuấn		3	6	2008	TP.HCM	9A2	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	Nhì
1332	09007	19	Tiếng Anh	Trần Mai An	x	29	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Nhì
1333	09011	19	Tiếng Anh	Đỗ Thục Anh	x	15	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Phan Bội Châu	Nhì
1334	09017	19	Tiếng Anh	Lê Phương Anh	x	24	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Đồng Đa	Nhì
1335	09026	20	Tiếng Anh	Nguyễn Quỳnh Anh	x	12	11	2008	TP.HCM	9/8	THCS Lê Anh Xuân	Nhì
1336	09047	20	Tiếng Anh	Nguyễn Gia Bảo		6	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Văn Đồn	Nhì
1337	09115	23	Tiếng Anh	Đoàn Nhật Huy		8	1	2008	TP.HCM	9/14	THCS Tân Bình	Nhì
1338	09134	24	Tiếng Anh	Nguyễn Phú Trọng Khang		5	8	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Nhì
1339	09141	24	Tiếng Anh	Trần Vỹ Khang		22	2	2008	TP.HCM	9A9	THCS Ngô Sĩ Liên	Nhì
1340	09146	25	Tiếng Anh	Trần Lily Khanh	x	6	10	2008	TP.HCM	9/3	THCS Võ Trường Toản	Nhì
1341	09149	25	Tiếng Anh	Phan Bảo Khánh	x	2	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Bạch Đằng	Nhì
1342	09153	25	Tiếng Anh	Võ Minh Khánh	x	21	9	2008	TP.HCM	9/2	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
1343	09157	25	Tiếng Anh	Nguyễn Bách Khoa		29	2	2008	TP.HCM	9/4	THCS Lê Văn Tám	Nhì
1344	09168	25	Tiếng Anh	Trần Nguyễn Minh Khôi		8	8	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
1345	09171	26	Tiếng Anh	Nguyễn Vũ Minh Khuê	x	6	12	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Phan Văn Trị	Nhì
1346	09172	26	Tiếng Anh	Phạm Như Khuê	x	23	8	2008	TP.HCM	9A3	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
1347	09179	26	Tiếng Anh	Lý Văn Kiệt		16	5	2008	TP.HCM	9/01	THCS Phan Bội Châu	Nhì
1348	09241	29	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	x	12	2	2008	TP.HCM	9/6	THCS Bàn Cờ	Nhì
1349	09247	29	Tiếng Anh	Nguyễn Công Gia Nghĩa		8	3	2008	Đồng Nai	9/1	THCS Linh Trung	Nhì
1350	09258	29	Tiếng Anh	Vũ Nguyên		27	9	2008	TP.HCM	9.1	TH - THCS Hồng Ngọc	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1351	09275	30	Tiếng Anh	Võ Hà An	Nhiên	x	23	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Trần Văn Quang	Nhì
1352	09302	31	Tiếng Anh	Vũ Ngọc	Phúc		1	10	2008	TP.HCM	9A10	THCS Hồng Bàng	Nhì
1353	09327	32	Tiếng Anh	Nguyễn Bá Phương	Quỳnh	x	26	1	2008	TP.HCM	94	THCS Colette	Nhì
1354	09345	33	Tiếng Anh	Lê Bảo	Thi	x	23	6	2008	TP.HCM	9A2	THCS Vân Đồn	Nhì
1355	09354	33	Tiếng Anh	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	x	8	10	2008	TP.HCM	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1356	09378	34	Tiếng Anh	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	x	4	11	2008	TP.HCM	9A8	THCS Trần Quang Khải	Nhì
1357	09384	34	Tiếng Anh	Ngô Nguyễn Minh	Tú	x	4	10	2008	TP.HCM	9/5	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
1358	09001	19	Tiếng Anh	Lã Gia	Hung	x	4	8	2008	Hà Nội	9A3_CS1	TH, THCS và THPT Vinschool	Ba
1359	09025	20	Tiếng Anh	Nguyễn Quốc	Anh		16	10	2008	Vương quốc Anh	9A2	THCS An Phú	Ba
1360	09029	20	Tiếng Anh	Phạm Hoàng Minh	Anh	x	13	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hiệp Phú	Ba
1361	09052	21	Tiếng Anh	Nguyễn Hữu	Bình		19	7	2008	TP.HCM	9A12	THCS Trường Chinh	Ba
1362	09064	21	Tiếng Anh	Đỗ Minh Thành	Danh		14	2	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Phan Tây Hồ	Ba
1363	09102	23	Tiếng Anh	Phạm Thị Thúy	Hiền	x	21	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tân Phú Trung	Ba
1364	09173	26	Tiếng Anh	Phạm Thụy	Khuê	x	5	9	2008	TP.HCM	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1365	09263	29	Tiếng Anh	Đỗ Nguyễn Minh	Nhật		27	3	2008	TP.HCM	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
1366	09284	30	Tiếng Anh	Huỳnh Gia	Phát		11	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lý Thường Kiệt	Ba
1367	09285	30	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng Thanh	Phong		2	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Thái Văn Lung	Ba
1368	09315	32	Tiếng Anh	Nguyễn Đông	Quân		10	12	2008	TP.HCM	9/1	THCS Huỳnh Khương Ninh	Ba
1369	09330	32	Tiếng Anh	Đoàn Lưu Đức	Tài		11	4	2008	TP.HCM	9a2	Trường THCS Đa Phước	Ba
1370	09358	33	Tiếng Anh	Nguyễn Lâm Minh	Thư	x	12	3	2008	TP.HCM	9/4	Trường THCS Nguyễn Trãi	Ba
1371	09367	34	Tiếng Anh	Dương Đăng Bích	Trâm	x	25	9	2008	TP.HCM	9A6	THCS Trần Huy Liệu	Ba
1372	09387	35	Tiếng Anh	Huỳnh Vĩnh	Tuấn		10	9	2008	TP.HCM	9A4	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	Ba
1373	09006	19	Tiếng Anh	Trác Lâm Vĩnh	An		3	12	2007	TP.HCM	9/2	THCS Ba Đình	Ba
1374	09015	19	Tiếng Anh	Kim Huỳnh Ngân	Anh	x	3	11	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hồng Bàng	Ba
1375	09018	19	Tiếng Anh	Lê Tuấn	Anh		23	6	2008	TP.HCM	9TH2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1376	09019	19	Tiếng Anh	Nguyễn Hà Đức	Anh		26	2	2008	TP.HCM	9/4	THCS Trần Quang Khải	Ba
1377	09040	20	Tiếng Anh	Lê Bảo	Ánh	x	1	12	2008	TP.HCM	9TH1	THCS Nguyễn An Khương	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1378	09046	20	Tiếng Anh	Ngô Nguyễn Hoài	Bảo		13	3	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Ba
1379	09054	21	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Gia	Bình	x	19	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Văn Ôn	Ba
1380	09079	22	Tiếng Anh	Nguyễn Khánh	Duy		10	10	2008	Khánh Hòa	9A3	THCS Linh Đông	Ba
1381	09174	26	Tiếng Anh	Nguyễn Gia	Kiên		22	2	2008	TP.HCM	9A2	Trường THCS Trường Sơn	Ba
1382	09195	27	Tiếng Anh	Nguyễn Hồ Khánh	Linh	x	28	1	2008	TP.HCM	9A	THCS Cát Lái	Ba
1383	09217	28	Tiếng Anh	Hà Kiến	Minh		1	4	2008	TP.HCM	9A11	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
1384	09248	29	Tiếng Anh	Đặng Minh	Ngọc	x	9	3	2008	TP.HCM	9C1	THCS và THPT Trí Đức	Ba
1385	09329	32	Tiếng Anh	Ngũ Bảo	Son		2	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hoàng Lê Kha	Ba
1386	09343	33	Tiếng Anh	Phan Thị Hạnh	Thảo	x	6	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Võ Văn Tần	Ba
1387	09347	33	Tiếng Anh	Nguyễn Đình	Thiên		4	1	2008	TP.HCM	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1388	09390	35	Tiếng Anh	Nguyễn Thanh	Tùng		18	7	2008	TP.HCM	9A10	THCS Trần Huy Liệu	Ba
1389	09403	35	Tiếng Anh	Phạm Ngô Tường	Vy	x	23	1	2008	TP.HCM	9a10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
1390	09032	20	Tiếng Anh	Phan Ngô Hà	Anh	x	7	8	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Ba
1391	09038	20	Tiếng Anh	Vũ Hùng	Anh		22	10	2008	TP.HCM	9/8	Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Ba
1392	09059	21	Tiếng Anh	Ngô Nhật	Cường		15	12	2008	TP.HCM	9/12	THCS Tân Bình	Ba
1393	09076	22	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Thùy	Dương	x	1	1	2008	Đà Nẵng	9/1	Trường THCS Phan Văn Trị	Ba
1394	09089	22	Tiếng Anh	Nhan Thụy	Hân	x	20	8	2008	TP.HCM	9T2	THCS Hoa Lư	Ba
1395	09106	23	Tiếng Anh	Nguyễn Lê Ngọc	Hiếu		23	12	2008	TP.HCM	9A11	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
1396	09110	23	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Hung		8	12	2008	TP.HCM	9A8	THCS Hậu Giang	Ba
1397	09136	24	Tiếng Anh	Nguyễn Phúc An	Khang		16	4	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
1398	09138	24	Tiếng Anh	Trần Anh Phúc	Khang		22	10	2008	TP.HCM	9A12	THCS Bình Chiểu	Ba
1399	09148	25	Tiếng Anh	Nguyễn Đình	Khánh		9	12	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
1400	09193	27	Tiếng Anh	Đoàn Ngọc	Linh	x	16	5	2008	Thái Bình	9/3	THCS Nguyễn Hiền	Ba
1401	09201	27	Tiếng Anh	Trương Tấn	Lộc		4	3	2008	TP.HCM	9TC3	THCS Hoàng Quốc Việt	Ba
1402	09216	27	Tiếng Anh	Dương Tuấn	Minh		30	3	2008	TP.HCM	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1403	09231	28	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Trà	My	x	21	3	2008	Bạc Liêu	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Ba
1404	09261	29	Tiếng Anh	Nguyễn Thành	Nhân		21	12	2008	TP.HCM	9/5	THCS Nguyễn Du Q1	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1405	09321	32	Tiếng Anh	Đinh Huỳnh Vinh	Quang		16	7	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hiệp Phú	Ba
1406	09393	35	Tiếng Anh	Cao Nhã	Uyên	x	22	2	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL An Lạc	Ba
1407	09003	19	Tiếng Anh	Lê Bảo	An		10	1	2008	TP.HCM	9A10	THCS Xuân Thới Thượng	Ba
1408	09013	19	Tiếng Anh	Hà Tuấn	Anh		2	12	2008	TP.HCM	9A5	THCS Trần Văn Ôn	Ba
1409	09031	20	Tiếng Anh	Phạm Vy	Anh	x	15	12	2008	TP.HCM	91	THCS Colette	Ba
1410	09131	24	Tiếng Anh	Nguyễn Đức	Khang		1	3	2008	Hải Phòng	9TC2	THCS Hoàng Quốc Việt	Ba
1411	09211	27	Tiếng Anh	Phùng Hạc	Mẫn	x	31	1	2008	TP.HCM	9A7	THCS Trần Huy Liệu	Ba
1412	09215	27	Tiếng Anh	Đoàn Khánh	Minh	x	4	7	2008	TP.HCM	9E1	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Ba
1413	09218	28	Tiếng Anh	Huỳnh Hữu	Minh		10	11	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lê Anh Xuân	Ba
1414	09219	28	Tiếng Anh	Lê Đức	Minh		17	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn Gia Thiều	Ba
1415	09225	28	Tiếng Anh	Phan Trường	Minh		17	1	2008	TP.HCM	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1416	09277	30	Tiếng Anh	Dương Anh	Như	x	16	3	2007	Sóc Trăng	9A1	Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Ba
1417	09280	30	Tiếng Anh	Võ Tâm	Như	x	21	3	2008	TP.HCM	9A12	THCS Trần Bội Cơ	Ba
1418	09293	31	Tiếng Anh	Nguyễn Gia	Phúc		3	1	2008	TP.HCM	9/6	THCS Lê Văn Tám	Ba
1419	09305	31	Tiếng Anh	Đoàn Ngọc Nam	Phương	x	20	6	2008	TP.HCM	9A9	THCS Trần Huy Liệu	Ba
1420	09319	32	Tiếng Anh	Trần Hoàng	Quân		30	4	2008	TP.HCM	9/1	THCS Bình Tây	Ba
1421	09324	32	Tiếng Anh	Nguyễn Quang Minh	Quốc		13	10	2008	TP.HCM	9/12	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
1422	09326	32	Tiếng Anh	Phạm Đức	Quyền		17	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Chí Thanh	Ba
1423	09336	32	Tiếng Anh	Lê Nguyễn Thanh	Thái		10	9	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
1424	09352	33	Tiếng Anh	Nguyễn Trần Quốc	Thống		1	3	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hà Huy Tập	Ba
1425	09043	20	Tiếng Anh	Châu Gia	Bảo		29	1	2008	TP.HCM	9A8	THPT Lương Thế Vinh	Ba
1426	09116	23	Tiếng Anh	Dương Gia	Huy		15	6	2008	TP.HCM	9A9	THPT Lương Thế Vinh	Ba
1427	09145	25	Tiếng Anh	Phạm Đoàn Mai	Khanh	x	9	9	2008	TP.HCM	9/13	THCS Tân Xuân	Ba
1428	09147	25	Tiếng Anh	Hà Gia	Khánh		12	10	2008	TP.HCM	9/2	THCS Ngô Quyền	Ba
1429	09205	27	Tiếng Anh	Trịnh Bảo	Long		31	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Đào Duy Anh	Ba
1430	09246	29	Tiếng Anh	Nguyễn Thành	Nghị		21	1	2008	TP.HCM	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1431	09323	32	Tiếng Anh	Dương Kiến	Quốc		31	8	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1432	09363	34	Tiếng Anh	Nguyễn Bảo	Tiến		8	12	2008	Kobe-Japan	9A8	TRƯỜNG THCS Độc Lập	Ba
1433	09042	20	Tiếng Anh	Đào Xuân	Bách		9	2	2008	Hà Nội	9TC1	THCS Huỳnh Tấn Phát	Ba
1434	09045	20	Tiếng Anh	Hoàng Gia	Bảo		1	5	2008	TP.HCM	9/5	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1435	09068	21	Tiếng Anh	Nguyễn Phương	Doanh	x	23	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Cầu Kiệu	Ba
1436	09078	22	Tiếng Anh	Vũ Lai Tùng	Dương		26	11	2008	Hà Nội	9TH1	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1437	09097	23	Tiếng Anh	Bùi Nguyễn Minh	Hạnh	x	26	8	2008	TP.HCM	9A8	THCS Hồng Bàng	Ba
1438	09098	23	Tiếng Anh	Lục Cẩm	Hào		27	8	2008	TP.HCM	9-4	Trường THCS Đồng Đen	Ba
1439	09113	23	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	x	8	2	2008	TP.HCM	9A4	THCS Vân Đồn	Ba
1440	09119	23	Tiếng Anh	Nguyễn Đình Gia	Huy		18	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS, THPT Ngôi Sao	Ba
1441	09122	24	Tiếng Anh	Phạm Nguyễn Gia	Huy		5	8	2008	TP.HCM	9/04	THCS Tùng Thiện Vương	Ba
1442	09151	25	Tiếng Anh	Sử Lam	Khánh	x	13	8	2008	TP.HCM	9A3	THCS Đồng Đa	Ba
1443	09152	25	Tiếng Anh	Trần Huỳnh Bảo	Khánh	x	5	9	2008	TP.HCM	91	THCS Colette	Ba
1444	09182	26	Tiếng Anh	Lương Sở	Kỳ	x	9	11	2008	TP.HCM	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1445	09187	26	Tiếng Anh	Trang Bích	Lam	x	21	6	2008	TP.HCM	9A2	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	Ba
1446	09262	29	Tiếng Anh	Phạm Trí	Nhân		12	1	2008	TP.HCM	9/8	THCS Ba Đình	Ba
1447	09273	30	Tiếng Anh	Dư Huỳnh An	Nhiên	x	23	5	2008	TP.HCM	9A4	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	Ba
1448	09298	31	Tiếng Anh	Phan Thiên	Phúc		2	1	2008	TP.HCM	9TH2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1449	09353	33	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	x	14	1	2008	TP.HCM	9/11	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
1450	09357	33	Tiếng Anh	Nguyễn Hà Ngọc	Thư	x	2	10	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Bình An	Ba
1451	09373	34	Tiếng Anh	Phạm Quỳnh	Trang	x	7	11	2008	Hà Nội	9E2	THCS và THPT Đình Thiện Lý	Ba
1452	09051	21	Tiếng Anh	Dương Thanh	Bình		4	4	2008	TP.HCM	9A10	THCS Hồng Bàng	Ba
1453	09053	21	Tiếng Anh	Nguyễn Hữu Phú	Bình		9	9	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Trung Trực	Ba
1454	09060	21	Tiếng Anh	Bùi Yên	Đan	x	3	6	2008	TP.HCM	9TC1	THCS Bình An	Ba
1455	09099	23	Tiếng Anh	Võ Ngọc Hoàn	Hào	x	13	9	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Lê Minh Xuân	Ba
1456	09160	25	Tiếng Anh	Vũ Hữu Anh	Khoa		20	3	2008	TP.HCM	9/4	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ba
1457	09163	25	Tiếng Anh	Nguyễn Đăng	Khôi		5	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS Xuân Trường	Ba
1458	09235	28	Tiếng Anh	Hồ Nhất	Nam		7	2	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1459	09290	31	Tiếng Anh	Hồ Nguyễn Huyền	Phúc	x	22	2	2008	TP.HCM	9A8	THCS Trần Huy Liệu	Ba
1460	09322	32	Tiếng Anh	Lê Ngọc Hồng	Quang		12	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Chi Lăng	Ba
1461	09388	35	Tiếng Anh	Nguyễn Phan Anh	Tuấn		6	12	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL Nguyễn Trãi	Ba
1462	09392	35	Tiếng Anh	Phùng Gia Cát	Tường	x	6	4	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Phan Văn Trị	Ba
1463	09399	35	Tiếng Anh	Đinh Ngọc Phương	Vy	x	2	1	2008	TP.HCM	9TH2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1464	09410	35	Tiếng Anh	Phạm Phi	Yến	x	17	7	2008	TP.HCM	9T2	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Ba
1465	09412	33	Tiếng Anh	Võ Gia	Thiện		6	1	2008	Hà Tây	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
1466	09022	19	Tiếng Anh	Nguyễn Ngân	Anh	x	3	2	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Văn Ôn	Ba
1467	09033	20	Tiếng Anh	Phan Quý	Anh	x	18	8	2008	TP.HCM	9T1	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Ba
1468	09075	22	Tiếng Anh	Lê Thị Ánh	Dương	x	11	8	2008	TP.HCM	9TC7	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
1469	09083	22	Tiếng Anh	Bùi Đình Lam	Giang	x	3	12	2008	TP.HCM	9T1	THCS Hoa Lư	Ba
1470	09096	22	Tiếng Anh	Lâm Xuân	Hằng	x	2	11	2008	TP.HCM	9A7	THPT Lương Thế Vinh	Ba
1471	09143	24	Tiếng Anh	Đỗ Hoàng Mai	Khanh	x	1	11	2008	TP.HCM	9/8	THCS Trần Phú	Ba
1472	09169	26	Tiếng Anh	Trần Tuấn	Khôi		22	2	2008	TP.HCM	9.R2	Tiểu học, THCS và THPT Việt Úc	Ba
1473	09175	26	Tiếng Anh	Nguyễn Xuân	Kiên		11	1	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Nguyễn Du	Ba
1474	09176	26	Tiếng Anh	Võ Trung	Kiên		9	11	2008	Hà Nội	9/14	THCS Ngô Quyền	Ba
1475	09178	26	Tiếng Anh	Huỳnh Gia	Kiệt		6	9	2008	TP.HCM	9A7	THCS Mạch Kiếm Hùng	Ba
1476	09207	27	Tiếng Anh	Trần Quốc	Lượng		14	2	2008	Bình Định	9TC7	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
1477	09221	28	Tiếng Anh	Nguyễn Công	Minh		24	12	2008	Khánh Hòa	9/4	Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Ba
1478	09257	29	Tiếng Anh	Phạm Phúc	Nguyên		14	9	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn Chí Thanh	Ba
1479	09264	29	Tiếng Anh	Lê Hồng	Nhật		1	10	2008	TP.HCM	9	Trường TiH - THCS Thế Giới Trẻ Em(TH)	Ba
1480	09267	30	Tiếng Anh	Lê Uyên	Nhi	x	17	9	2008	TP.HCM	9.B4	Tiểu học, THCS và THPT Việt Úc	Ba
1481	09274	30	Tiếng Anh	Nguyễn An	Nhiên	x	2	10	2008	TP.HCM	9A9	THCS Hậu Giang	Ba
1482	09009	19	Tiếng Anh	Vũ Nguyễn Khánh	An	x	26	7	2008	TP.HCM	9/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	Ba
1483	09081	22	Tiếng Anh	Lý Nhã	Duyên	x	29	2	2008	TP.HCM	9A10	THCS Trần Huy Liệu	Ba
1484	09085	22	Tiếng Anh	Nguyễn Võ Khánh	Hà	x	26	7	2008	TP.HCM	9A6	THCS Nguyễn An Khương	Ba
1485	09117	23	Tiếng Anh	Hà Minh	Huy		7	5	2008	TP.HCM	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1486	09125	24	Tiếng Anh	Trần Quốc Huy		15	10	2008	TP.HCM	9/12	THCS Nguyễn Văn Luông	Ba
1487	09223	28	Tiếng Anh	Phạm Hoàng Tuấn Minh		25	2	2008	TP.HCM	9A4	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1488	09253	29	Tiếng Anh	Phạm Võ Bảo Ngọc	x	17	9	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lý Thánh Tông	Ba
1489	09313	32	Tiếng Anh	Ngô Hoàng Quân		10	11	2008	TP.HCM	9/8	THCS Đặng Trần Côn	Ba
1490	09320	32	Tiếng Anh	Võ Minh Quân		28	8	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Ba
1491	09328	32	Tiếng Anh	Phạm Trúc Quỳnh	x	19	3	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Định	Ba
1492	09333	32	Tiếng Anh	Phan Thanh Tâm	x	15	2	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Hiền	Ba
1493	09339	33	Tiếng Anh	Diệp Phú Thành		24	8	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Ba
1494	12004	36	Tiếng Nhật	Phan Hải Anh		14	12	2007	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Nhất
1495	12012	36	Tiếng Nhật	Nguyễn Hoàng Phương Nhi	x	1	9	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Nhi
1496	12021	36	Tiếng Nhật	Lê Thị Kim Tú	x	18	1	2008	TP.HCM	9/6	THCS Võ Trường Toản	Nhi
1497	12023	36	Tiếng Nhật	Nguyễn Thanh Hải Yên	x	24	6	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Nhi
1498	12018	36	Tiếng Nhật	Hà Ngọc Thanh Thảo	x	25	4	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Nhi
1499	12002	36	Tiếng Nhật	Vũ Sơn An	x	14	10	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Nhi
1500	12015	36	Tiếng Nhật	Đỗ Bảo Phúc		7	3	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1501	12007	36	Tiếng Nhật	Nguyễn Ngọc Hà	x	25	11	2008	TP.HCM	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Ba
1502	12010	36	Tiếng Nhật	Võ Minh Huy		18	10	2008	TP.HCM	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Ba
1503	12020	36	Tiếng Nhật	Nguyễn Minh Trung		9	1	2008	TP.HCM	9/6	THCS Võ Trường Toản	Ba
1504	12022	36	Tiếng Nhật	Đoàn Hải Vy	x	1	5	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1505	12019	36	Tiếng Nhật	Trương Đăng Thông		1	2	2008	TP.HCM	9/6	THCS Võ Trường Toản	Ba
1506	12005	36	Tiếng Nhật	Trần Thủy Thiên Băng	x	24	8	2008	TP.HCM	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1507	12016	36	Tiếng Nhật	Lê Quốc Thái		26	12	2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	9/6	THCS Võ Trường Toản	Ba
1508	10001	37	Tiếng Pháp	Cecchin Nguyễn Jules An		13	4	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Nhất
1509	10019	37	Tiếng Pháp	Ninh Võ Minh Ngọc	x	16	3	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Nhi
1510	10012	37	Tiếng Pháp	Vũ Ngọc Sao Khuê	x	12	2	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Nhi
1511	10028	38	Tiếng Pháp	Phạm Thiên Thanh	x	17	7	2008	TP.HCM	9P2	THCS Colette	Nhi
1512	10015	37	Tiếng Pháp	Đỗ Hào Bảo Ngân	x	8	5	2008	TP.HCM	9P2	THCS Colette	Nhi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1513	10034	38	Tiếng Pháp	Đặng Anh Gia	Tuệ	x	19	3	2008	TP.HCM	9P2	THCS Colette	Nhì
1514	10002	37	Tiếng Pháp	Huỳnh Nguyễn Trâm	Anh	x	18	9	2008	TP.HCM	9P	THCS Hồng Bàng	Nhì
1515	10017	37	Tiếng Pháp	Đỗ Hồng Song	Ngọc	x	27	2	2008	TP.HCM	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	Nhì
1516	10010	37	Tiếng Pháp	Lê Tuấn	Hưng		19	4	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Nhì
1517	10024	38	Tiếng Pháp	Trần Ngọc Thanh	Phuong	x	8	4	2008	TP.HCM	9P	THCS Hồng Bàng	Ba
1518	10027	38	Tiếng Pháp	Nguyễn Khiết	Tâm	x	20	11	2008	TP.HCM	9P	THCS Trần Văn Ôn	Ba
1519	10037	38	Tiếng Pháp	Nguyễn Thị Trúc	Vy	x	18	7	2008	TP.HCM	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	Ba
1520	10023	38	Tiếng Pháp	Lê Nguyễn Ngọc	Phúc	x	14	9	2008	Bình Định	9P	THCS Hồng Bàng	Ba
1521	10005	37	Tiếng Pháp	Lưu Di	Cầm		11	3	2008	TP.HCM	9P2	THCS Colette	Ba
1522	10033	38	Tiếng Pháp	Chu Trần Khánh	Trần	x	22	1	2008		9P	THCS Trần Văn Ôn	Ba
1523	10035	38	Tiếng Pháp	Lê Trần Bảo	Uyên	x	9	1	2008	TP.HCM	9P	THCS Hồng Bàng	Ba
1524	10030	38	Tiếng Pháp	Nguyễn Đức	Thịnh		28	7	2008	TP.HCM	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	Ba
1525	10008	37	Tiếng Pháp	Trần Ánh	Dung	x	11	12	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Ba
1526	10006	37	Tiếng Pháp	Đỗ Minh	Châu	x	24	9	2008	TP.HCM	9P1	THCS Colette	Ba
1527	10029	38	Tiếng Pháp	Nguyễn Thị Phương	Thảo	x	11	9	2008	TP.HCM	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	Ba
1528	10020	38	Tiếng Pháp	Nguyễn Hồng Phương	Nguyên	x	27	10	2008	TP.HCM	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	Ba
1529	10003	37	Tiếng Pháp	Nguyễn Hoàng	Anh	x	2	12	2008	TP.HCM	9P	THCS Trần Văn Ôn	Ba
1530	10009	37	Tiếng Pháp	Lê Đặng Ánh	Dương	x	2	6	2008	TP.HCM	9P	THCS Chánh Hưng	Ba
1531	11006	39	Tiếng Trung	Nguyễn Diệp Gia	Cát	x	23	3	2008	TP.HCM	9A9	THCS Mạch Kiếm Hùng	Nhất
1532	11049	41	Tiếng Trung	Hồ Từ	Thuận		24	2	2008	TP.HCM	9/2	Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang	Nhì
1533	11044	41	Tiếng Trung	Chung Khả	Tâm	x	29	1	2008	TP.HCM	9TH3	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
1534	11032	40	Tiếng Trung	Đàm Hỷ	Nguyệt	x	21	8	2008	TP.HCM	9A9	THCS Mạch Kiếm Hùng	Nhì
1535	11040	41	Tiếng Trung	Tất Xuân	Phượng	x	1	11	2008	TP.HCM	9/2	Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang	Nhì
1536	11051	41	Tiếng Trung	Hứa Bích	Trần	x	27	2	2008	TP.HCM	9/1	Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang	Nhì
1537	11007	39	Tiếng Trung	Sung Wen	Chieh		24	10	2006	Trung Quốc	9A1	THCS Phạm Ngọc Thạch	Nhì
1538	11026	40	Tiếng Trung	Trần Mạnh	Ly	x	10	2	2008	TP.HCM	9H4	THCS Phạm Đình Hồ	Nhì
1539	11030	40	Tiếng Trung	Đặng Bảo	Nguyên	x	13	6	2008	TP.HCM	9/2	Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1540	11042	41	Tiếng Trung	Lê Bội	San	x	3	4	2008	TP.HCM	9/1	Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang	Nhì
1541	11016	39	Tiếng Trung	Kha Trạch	Giang		7	1	2008	TP.HCM	9A8	THCS Nguyễn Văn Phú	Nhì
1542	11052	41	Tiếng Trung	Trần Mỹ	Trân	x	8	3	2008	TP.HCM	9A9	THCS Hậu Giang	Nhì
1543	11001	39	Tiếng Trung	Lưu Mỹ	Ân	x	4	7	2008	TP.HCM	9A10	THCS Hậu Giang	Nhì
1544	11034	40	Tiếng Trung	Lý Bảo	Nhi	x	5	9	2008	TP.HCM	9H4	THCS Phạm Đình Hồ	Nhì
1545	11023	40	Tiếng Trung	Lang Nhã	Linh	x	1	10	2008	TP.HCM	9A9	THCS Hậu Giang	Ba
1546	11010	39	Tiếng Trung	Tiêu Bá	Diệu		27	9	2008	TP.HCM	9/1	Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang	Ba
1547	11005	39	Tiếng Trung	Phùng Gia	Bội	x	16	12	2008	TP.HCM	9/1	Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang	Ba
1548	11004	39	Tiếng Trung	Trần Mẫn	Bình	x	1	1	2008	TP.HCM	9/1	Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang	Ba
1549	11054	41	Tiếng Trung	Chương Mỹ	Vân	x	24	11	2008	TP.HCM	9A9	THCS Hậu Giang	Ba
1550	11028	40	Tiếng Trung	Chi Chấn	Nghị		22	4	2008	TP.HCM	9A9	THCS Hậu Giang	Ba
1551	11055	41	Tiếng Trung	Diệp Lê	Vy	x	8	1	2008	Bạc Liêu	9/1	THCS Phú Thọ	Ba
1552	11022	40	Tiếng Trung	Đỗ Gia	Lâm	x	22	11	2008	TP.HCM	9H4	THCS Phạm Đình Hồ	Ba
1553	11043	41	Tiếng Trung	Sim	Sửa	x	24	10	2008	TP.HCM	9A9	THCS Hậu Giang	Ba
1554	11041	41	Tiếng Trung	Phùng Gia	Quân	x	6	12	2008	Hà Tĩnh	9/1	Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang	Ba
1555	11019	39	Tiếng Trung	Lương Mỹ	Hạnh	x	15	4	2008	TP.HCM	9A9	THCS Hậu Giang	Ba
1556	11013	39	Tiếng Trung	Nguyễn Ánh	Dư	x	23	2	2008	TP.HCM	9A8	THCS Mạch Kiếm Hùng	Ba
1557	11021	40	Tiếng Trung	Đào Bảo	Lâm	x	1	9	2008	TP.HCM	9A8	THCS Nguyễn Văn Phú	Ba
1558	11029	40	Tiếng Trung	Ô Kim	Ngọc	x	13	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Thọ	Ba
1559	11057	41	Tiếng Trung	Trần Như	Ý	x	8	7	2008	TP.HCM	9A8	THCS Trần Bội Cơ	Ba
1560	11018	39	Tiếng Trung	Trần Mỹ	Hân	x	2	2	2008	TP.HCM	9H4	THCS Phạm Đình Hồ	Ba
1561	11036	40	Tiếng Trung	Trần Xuân Thảo	Nhi	x	10	6	2008	TP.HCM	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1562	11002	39	Tiếng Trung	Phan Hoàng	Ân	x	11	9	2008	TP.HCM	9A9	THCS Mạch Kiếm Hùng	Ba
1563	11011	39	Tiếng Trung	Châu Bảo	Dinh	x	15	1	2008	TP.HCM	9/1	Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang	Ba
1564	11050	41	Tiếng Trung	Chung Văn	Trắc		7	6	2008	TP.HCM	9/7	THCS Chu Văn An	Ba
1565	05087	2	Tin học	Nguyễn Minh	Huy		19	1	2008	TP.HCM	9/6	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhất
1566	05121	3	Tin học	Lê	Lâm		20	5	2008	TP.HCM	9/3	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhất

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1567	05108	2	Tin học	Nguyễn Đăng	Khôi		22	4	2008	TP.HCM	9/7	THCS Nguyễn Văn Luông	Nhất
1568	05043	1	Tin học	Phạm Mạnh	Cường		12	2	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Nhì
1569	05059	30	Tin học	Hà Chí	Dũng		22	8	2008	TP.HCM	9a9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhì
1570	05118	3	Tin học	Nguyễn Minh	Kiệt		22	4	2008	TP.HCM	9P2	THCS Colette	Nhì
1571	05203	5	Tin học	Nguyễn Xuân	Thái		17	4	2008	TP.HCM	9/5	THCS Trần Quang Khải	Nhì
1572	05212	32	Tin học	Nguyễn Minh	Thiện		14	1	2008	Tiền Giang	9a7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhì
1573	05226	6	Tin học	Nguyễn Trọng	Tín		7	4	2008	TP.HCM	9A7	THCS Thoại Ngọc Hầu	Nhì
1574	05205	5	Tin học	Phùng Quang	Thắng		26	5	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
1575	05017	30	Tin học	Nguyễn Tuấn	Anh		26	8	2008	TP.HCM	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1576	05076	2	Tin học	Mạc Như	Hoàng		18	5	2008	TP.HCM	9TH4	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
1577	05178	32	Tin học	Nguyễn Hoàng	Phúc		23	2	2008	TP.HCM	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1578	05183	32	Tin học	Hoàng Minh	Quân		23	6	2008	Quảng Trị	9A1	THCS Cửu Long	Nhì
1579	05200	32	Tin học	Đào Ngọc Minh	Tâm	x	25	3	2008	TP.HCM	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1580	05047	1	Tin học	Lê Trường Minh	Đăng		21	2	2008	TP.HCM	9A7	THCS Nguyễn An Khương	Nhì
1581	05013	1	Tin học	Lê Hồng	Anh		26	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Lữ Gia	Nhì
1582	05022	1	Tin học	Trần Văn Đức	Anh		8	11	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
1583	05027	1	Tin học	Lương Quốc	Bảo		12	11	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lê Anh Xuân	Nhì
1584	05160	4	Tin học	Đặng Thành	Nhân		9	10	2008	TP.HCM	9A17	THCS Võ Thành Trang	Nhì
1585	05186	5	Tin học	Phạm Hiếu Minh	Quân		17	6	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Định	Nhì
1586	05004	30	Tin học	Nguyễn Trần Nam	An	x	3	1	2008	TP.HCM	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1587	05010	1	Tin học	Bùi Võ Quốc	Anh		20	12	2008	TP.HCM	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
1588	05053	30	Tin học	Phạm Thành	Đạt		27	6	2008	TP.HCM	9A9	THCS Lê Văn Hưu	Nhì
1589	05207	5	Tin học	Lê Thái	Thành		24	10	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
1590	05239	6	Tin học	Lê Tín	Trung		5	2	2008	TP.HCM	9A9	THCS Hoàng Hoa Thám	Nhì
1591	05081	31	Tin học	Lê Gia	Hưng		8	1	2008	TP.HCM	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1592	05105	31	Tin học	Đỗ Đăng	Khoa		23	10	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lê Văn Tám	Nhì
1593	05116	3	Tin học	Đặng Trần Anh	Kiệt		6	9	2008	Hà Tĩnh	9.15	THCS Tô Ký	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1594	05138	31	Tin học	Ngô Anh Minh		2	12	2008	TP.HCM	9/11	THCS Nguyễn Văn Bé	Nhì
1595	05196	5	Tin học	Bành Gia Quý		14	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Chu Văn An	Nhì
1596	05197	32	Tin học	Hồ Minh Quý		21	3	2008	Bình Định	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1597	05035	1	Tin học	Trịnh Thụy Nguyên Cát	x	22	1	2008	Hoa Kỳ	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Nhì
1598	05055	1	Tin học	Đinh Việt Đức		27	6	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
1599	05066	31	Tin học	Trần Hữu Hoàng Hà		14	8	2008	Nghệ An	9/6	THCS Lê Văn Tám	Nhì
1600	05072	31	Tin học	Trần Trung Hiếu		27	7	2008	TP.HCM	9a10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhì
1601	05204	5	Tin học	Phạm Nguyễn Cao Thăng		19	4	2008	TP.HCM	9/8	Trường THCS Quang Trung	Nhì
1602	05056	30	Tin học	Nguyễn Minh Đức		18	3	2008	TP.HCM	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1603	05057	1	Tin học	Nguyễn Tấn Đức		15	1	2008	TP.HCM	9.4	Trường THCS Gò Vấp	Nhì
1604	05093	31	Tin học	Lê Nguyễn Duy Khải		25	10	2008	TP.HCM	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1605	05106	2	Tin học	Hoàng Nguyễn Ngọc Khoa		24	2	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Nhì
1606	05172	32	Tin học	Trần Tiến Phát		3	1	2008	Quảng Ngãi	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Nhì
1607	05063	31	Tin học	Trần Minh Duy		2	10	2008	TP.HCM	9A2	THCS An Phú	Nhì
1608	05002	30	Tin học	Lê Trịnh Mỹ An	x	23	9	2008	TP.HCM	9/5	THCS Lê Văn Tám	Nhì
1609	05009	1	Tin học	Nguyễn Trọng Thiên Ân		24	6	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tân Bình	Nhì
1610	05019	30	Tin học	Phạm Huỳnh Mai Anh	x	1	3	2008	Hậu Giang	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	Nhì
1611	05026	1	Tin học	Hà Nhật Bảo		3	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tân Bình	Nhì
1612	05031	1	Tin học	Võ Tấn Bảo		3	7	2008	TP.HCM	9/4	THCS Trần Quang Khải	Nhì
1613	05033	1	Tin học	Phan Thanh Bình		19	3	2008	TP.HCM	9A10	THCS Chánh Hưng	Nhì
1614	05040	30	Tin học	Phan Bảo Châu		15	4	2008	TP.HCM	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1615	05115	31	Tin học	Lê Chí Kiên		11	12	2008	TP.HCM	9A10	THCS Trần Văn Ôn	Nhì
1616	05119	3	Tin học	Trần Điền Kiệt		5	5	2008	TP.HCM	9/13	THCS Nguyễn Văn Luông	Nhì
1617	05209	5	Tin học	Phạm Thị Thu Thảo	x	26	2	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Lý Tự Trọng	Nhì
1618	05218	32	Tin học	Trần Nguyễn Anh Thoa	x	10	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Hoa Lư	Nhì
1619	05102	2	Tin học	Trương Bảo Khang		1	4	2008	TP.HCM	9/16	THCS Ngô Quyền	Nhì
1620	05152	4	Tin học	Lại Hữu Nguyên		22	7	2008	TP.HCM	9A19	THCS Hoàng Hoa Thám	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1621	05189	32	Tin học	Vũ Hoàng Anh	Quân		4	6	2008	TP.HCM	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1622	05235	6	Tin học	Nguyễn Huỳnh Minh	Triết		23	1	2008	TP.HCM	9/5	THCS Nguyễn Văn Tổ	Nhì
1623	05001	30	Tin học	Đỗ Nguyễn Minh	An		7	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Tân Phú	Ba
1624	05020	1	Tin học	Phạm Vũ	Anh		7	1	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Phan Văn Trị	Ba
1625	05028	30	Tin học	Nguyễn Lê Thái	Bảo		16	2	2008	TP.HCM	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1626	05032	30	Tin học	Nguyễn Phạm Hữu	Bình		17	1	2008	TP.HCM	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1627	05037	30	Tin học	Nguyễn Bùi Hồng	Châu	x	17	3	2008	TP.HCM	9A1	THPT Lương Thế Vinh	Ba
1628	05045	1	Tin học	Phạm Lưu Phước	Đại		26	3	2008	TP.HCM	9/10	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ba
1629	05051	1	Tin học	Phan Khánh	Đăng		29	12	2008	Tiền Giang	9A6	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba
1630	05065	2	Tin học	Nguyễn Hoàng	Hà		13	12	2008	Đồng Nai	9A18	THCS Võ Thành Trang	Ba
1631	05077	31	Tin học	Phạm Phúc	Hoàng		1	1	2008	TP.HCM	9/6	THCS Lê Văn Tám	Ba
1632	05117	3	Tin học	Lý Phú	Kiệt		31	1	2008	TP.HCM	9A3	THCS Phạm Đình Hổ	Ba
1633	05128	3	Tin học	Giang Minh	Long		17	7	2008	TP.HCM	9A3	THCS Trần Phú	Ba
1634	05132	3	Tin học	Tạ Hữu Việt	Long		22	8	2008	TP.HCM	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1635	05139	3	Tin học	Nguyễn Nhật	Minh		2	6	2008	Đồng Tháp	9TH2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1636	05153	32	Tin học	Lưu Võ Phúc	Nguyên		17	6	2008	TP.HCM	9A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1637	05163	32	Tin học	Đoàn Trần Minh	Nhật		7	5	2008	Thừa Thiên Huế	9A4	THCS Đống Đa	Ba
1638	05184	32	Tin học	Lê Minh	Quân		19	4	2008	TP.HCM	9A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1639	05220	6	Tin học	Ngô Vĩnh	Thuận		2	1	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lê Anh Xuân	Ba
1640	05233	6	Tin học	Vũ Minh	Trí		23	5	2008	TP.HCM	9/1	THCS An Phú Đông	Ba
1641	05246	6	Tin học	Phạm Xuân	Tùng		2	8	2008	TP.HCM	9/7	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ba
1642	05003	1	Tin học	Nguyễn Thái	An		6	8	2008	TP.HCM	9T1	THCS Nguyễn Hồng Đào	Ba
1643	05006	1	Tin học	Trần Chí	An		3	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Định	Ba
1644	05018	1	Tin học	Nguyễn Việt	Anh		19	2	2008	TP.HCM	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Ba
1645	05038	30	Tin học	Nguyễn Lê Quỳnh	Châu	x	30	5	2008	TP.HCM	9/3	THCS Võ Trường Toản	Ba
1646	05042	1	Tin học	Nguyễn Đức	Cường		9	8	2008	Bắc Giang	9A6	THCS Nguyễn An Khương	Ba
1647	05044	1	Tin học	Phạm Xuân Việt	Cường		25	8	2008	TP.HCM	9A1	THCS Bình An	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1648	05046	1	Tin học	Lê Thành Minh	Đăng		11	10	2008	Kiên Giang	9/4	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Ba
1649	05080	2	Tin học	Đào Duy	Hung		5	7	2008	TP.HCM	9/8	THCS Lý Thánh Tông	Ba
1650	05083	2	Tin học	Trần Duy	Hung		7	2	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Qui Đức	Ba
1651	05094	31	Tin học	Trần Đức	Khải		13	1	2008	TP.HCM	9A11	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
1652	05104	2	Tin học	Ngô Minh	Khánh		1	2	2008	Đồng Tháp	9/7	THCS Bình Tây	Ba
1653	05109	3	Tin học	Nguyễn Sơn	Khôi		8	11	2008	TP.HCM	91	THCS Colette	Ba
1654	05114	3	Tin học	Lê Mạnh	Khuong		23	12	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Nguyễn Du	Ba
1655	05123	3	Tin học	Nguyễn Như	Lâm		26	1	2008	TP.HCM	9A15	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba
1656	05131	31	Tin học	Nguyễn Thành	Long		16	7	2008	TP.HCM	9/1	THCS Linh Trung	Ba
1657	05135	3	Tin học	Thái Hoài	Mi	x	21	6	2008	TP.HCM	9/8	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
1658	05136	31	Tin học	Đỗ Tiến	Minh		26	10	2008	TP.HCM	9A9	THCS Hiệp Bình	Ba
1659	05141	4	Tin học	Phạm Nguyễn Tuấn	Minh		2	3	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn An Khương	Ba
1660	05146	31	Tin học	Phạm Bình	Nam		27	9	2008	TP.HCM	9A2	THCS Hoa Lư	Ba
1661	05149	4	Tin học	Diệp Phương	Nghi	x	15	2	2008	TP.HCM	9/7	THCS Phạm Đình Hổ	Ba
1662	05150	4	Tin học	Lê Đông	Nghi		7	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Phan Bội Châu	Ba
1663	05162	4	Tin học	Nguyễn Thành	Nhân		20	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Chí Thanh	Ba
1664	05167	32	Tin học	Phạm Hoàng	Oanh	x	13	10	2008	Phú Yên	9TC	THCS Trường Thạnh	Ba
1665	05170	4	Tin học	Phan Xuân	Phát		14	2	2008	TP.HCM	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1666	05194	5	Tin học	Nguyễn Hà Anh	Quốc		9	8	2008	TP.HCM	9A12	THCS Nguyễn An Ninh	Ba
1667	05201	5	Tin học	Phạm Hải	Thạch		15	12	2008	Liên bang Nga	9/3	THCS Đồng Khởi	Ba
1668	05216	5	Tin học	Lê Phú	Thịnh		22	2	2008	TP.HCM	9/6	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
1669	05219	32	Tin học	Nguyễn Hoàng	Thông		27	11	2008	TP.HCM	9a7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
1670	05221	6	Tin học	Phạm Minh	Thuận		23	8	2008	TP.HCM	9A6	THCS Nguyễn Chí Thanh	Ba
1671	05231	6	Tin học	Phạm Quốc Phương	Trí		4	9	2008	TP.HCM	9_03	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1672	05248	32	Tin học	Trần Ngọc Thanh	Tuyền	x	29	10	2008	TP.HCM	9TC	THCS Trường Thạnh	Ba
1673	05251	6	Tin học	0902Mai Trung	Vinh		4	2	2008	Hung Yên	9A14	THCS Phan Bội Châu	Ba
1674	05260	32	Tin học	Nguyễn Xuân	Ánh		12	3	2008	ĐăkLăk	9a9	THCS Trần Quốc Toàn	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1675	05023	1	Tin học	Trịnh Văn Tiến	Anh		5	2	2008	Hải Phòng	9/1	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Ba
1676	05034	1	Tin học	Trần Cao	Cấp		9	3	2008	Thái Bình	9.8	THCSCL Lê Tấn Bê	Ba
1677	05228	6	Tin học	Võ Khánh	Toàn		7	12	2008	TP.HCM	9A5	THCS Hồng Bàng	Ba
1678	05054	30	Tin học	Vương Quốc	Đạt		19	6	2008	TP.HCM	9TC	THCS Trường Thạnh	Ba
1679	05157	32	Tin học	Trần Ngọc Khôi	Nguyên		14	2	2008	TP.HCM	9/10	THCS Lê Văn Tám	Ba
1680	05005	30	Tin học	Nguyễn Trần Quốc	An		8	6	2008	Nghệ An	9A1	THCS Hưng Bình	Ba
1681	05014	30	Tin học	Lê Nhật	Anh		27	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Ba
1682	05016	1	Tin học	Nguyễn Quốc Nam	Anh		27	6	2008	TP.HCM	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Ba
1683	05048	30	Tin học	Nguyễn Hải	Đặng		6	7	2008	TP.HCM	9TH2	THCS Lương Định Của	Ba
1684	05058	1	Tin học	Đỗ Khánh	Dung	x	8	5	2008	Cần Thơ	9A3	Trường THCS Bình Chánh	Ba
1685	05071	2	Tin học	Nguyễn Trung	Hiếu		3	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hồng Bàng	Ba
1686	05073	2	Tin học	Văn Minh	Hiếu		21	6	2008	TP.HCM	9/5	THCS Phạm Đình Hổ	Ba
1687	05078	31	Tin học	Trần Nguyễn Minh	Hoàng		6	7	2008	TP.HCM	9/5	THCS Lê Văn Tám	Ba
1688	05082	31	Tin học	Nguyễn Khải	Hung		10	5	2008	Khánh Hòa	9/9	THCS Lê Văn Tám	Ba
1689	05090	31	Tin học	Trương Minh	Huy		7	2	2008	TP.HCM	9TC	THCS Trường Thạnh	Ba
1690	05091	31	Tin học	Trương Quang	Huy		23	8	2008	TP.HCM	9A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1691	05097	2	Tin học	Khổng Đức	Khang		8	1	2008	TP.HCM	9/5	THCS Chu Văn An	Ba
1692	05099	31	Tin học	Nguyễn Linh Sơn	Khang		24	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
1693	05107	2	Tin học	Trần Anh	Khoa		11	2	2008	TP.HCM	9.15	THCS Tô Ký	Ba
1694	05125	31	Tin học	Vòng Nguyễn Phương	Linh	x	9	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trường Thạnh	Ba
1695	05134	3	Tin học	Nguyễn Khánh	Mai	x	3	2	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Ba
1696	05137	31	Tin học	Đoàn Ngọc Bình	Minh		28	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1697	05161	4	Tin học	Lê Ngọc Trọng	Nhân		28	2	2008	TP.HCM	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Ba
1698	05169	4	Tin học	Ngô Tấn	Phát		27	2	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hồng Bàng	Ba
1699	05176	4	Tin học	Lương Hoàng	Phúc		17	1	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Phan Tây Hồ	Ba
1700	05180	5	Tin học	Phạm Sơn Hoàng	Phúc		4	4	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Nguyễn Du	Ba
1701	05187	5	Tin học	Phan Hoàng	Quân		15	1	2008	TP.HCM	9TH2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1702	05191	5	Tin học	Nguyễn Vinh	Quang		7	4	2008	TP.HCM	9A8	THCS Nguyễn An Khương	Ba
1703	05193	5	Tin học	Tô Minh	Quang		11	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Bạch Đằng	Ba
1704	05198	5	Tin học	Phạm Ngọc Trúc	Quỳnh	x	29	10	2008	TP.HCM	9A4	THCS Trần Phú	Ba
1705	05210	5	Tin học	Lê Cảnh Giang	Thị	x	29	11	2008	Ninh Thuận	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1706	05215	32	Tin học	Đỗ Đức Phúc	Thịnh		17	12	2008	TP.HCM	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1707	05225	6	Tin học	Lâm Gia	Tín		12	8	2008	TP.HCM	9A10	THCS Chánh Hưng	Ba
1708	05237	32	Tin học	Trương Minh	Triết		10	10	2008	Bình Dương	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1709	05242	32	Tin học	Nguyễn Công Huy	Tuấn		1	9	2008	TP.HCM	9/2	THCS Minh Đức	Ba
1710	05244	6	Tin học	Chung Gia	Tùng		20	12	2008	TP.HCM	9A2	THCS Phạm Đình Hổ	Ba
1711	05247	6	Tin học	Phùng Đắc Trọng	Tùng		20	7	2008	TP.HCM	9/5	THCS Đỗ Văn Dậy	Ba
1712	05250	6	Tin học	Huỳnh Quốc	Việt		14	3	2008	TP.HCM	9A11	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba
1713	05253	32	Tin học	Bùi Phi	Vũ		23	12	2008	TP.HCM	9A3	THCS Chu Văn An	Ba
1714	05257	3	Tin học	Phan Đức Trung	Hiếu		9	1	2008	TP.HCM	9A4	Trường THCS Trần Huy Liệu	Ba
1715	01133	15	Toán	Ngô Lê Anh	Khôi		14	2	2008	TP.HCM	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhất
1716	01089	13	Toán	Dương Hoàng	Huy		13	8	2008	TP.HCM	9/2	THCS Trường Thọ	Nhất
1717	01270	4	Toán	Ngô Nhật	Quang		25	10	2008	TP.HCM	9A4	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhất
1718	01033	10	Toán	Phạm Quốc	Bình		15	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Phạm Đình Hổ	Nhất
1719	01138	15	Toán	Vũ Anh	Kiệt		1	10	2008	TP.HCM	9/3	THCS Nguyễn Du Q1	Nhất
1720	01263	4	Toán	Nguyễn Trương Mạnh	Quân		1	11	2008	TP.HCM	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
1721	01003	1	Toán	Nguyễn Ngọc Thụy	An	x	20	6	2008	TP.HCM	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
1722	01228	29	Toán	Nguyễn Thanh	Phong		1	10	2008	TP.HCM	9A4	THCS Âu Lạc	Nhất
1723	01299	6	Toán	Thái Ngọc Phương	Thảo	x	8	8	2008	TP.HCM	9/9	THCS Trần Quốc Toàn 1	Nhất
1724	01056	11	Toán	Lê Đỗ Minh	Duy		8	4	2008	TP.HCM	9A14	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhi
1725	01070	12	Toán	Phạm Minh Ngọc	Hân	x	23	7	2008	TP.HCM	9A6	THCS Hồng Bàng	Nhi
1726	01272	4	Toán	Trần Danh	Quý		27	10	2008	TP.HCM	9/3	THCS Hai Bà Trưng	Nhi
1727	01377	29	Toán	Từ Hoàng	Nam		9	6	2008	TP.HCM	9.9	THCS Bình Trị Đông A	Nhi
1728	01111	14	Toán	Vũ Minh	Khang		27	6	2008	TP.HCM	9A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1729	01045	11	Toán	Trần Đại Thành	Danh		11	12	2008	TP.HCM	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Nhì
1730	01246	3	Toán	Lê Nguyễn Nhã	Phuong	x	30	8	2008	TP.HCM	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1731	01251	3	Toán	Phạm Thị Nam	Phuong	x	21	1	2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	9.9	THCSCL An Lạc	Nhì
1732	01338	8	Toán	Nguyễn Văn Minh	Trí		28	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Thanh Đa	Nhì
1733	01036	10	Toán	Đào Ngọc Bảo	Châu	x	30	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Lam Sơn	Nhì
1734	01049	11	Toán	Lê Hồng	Đức		21	2	2008	TP.HCM	9A10	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhì
1735	01060	11	Toán	Trần Anh	Duy		25	6	2008	TP.HCM	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1736	01063	12	Toán	Đặng Đức	Hải		9	10	2008	TP.HCM	9/10	THCS Nguyễn Hiền	Nhì
1737	01087	13	Toán	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Hương	x	1	7	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn An Khương	Nhì
1738	01105	14	Toán	Châu Phúc	Khang		24	8	2008	TP.HCM	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1739	01114	14	Toán	Dương Nguyễn	Khánh		11	3	2008	TP.HCM	9/1	THCS Xuân Trường	Nhì
1740	01165	17	Toán	Bùi Hoàng	Minh		1	4	2008	Quảng Ngãi	9T2	THCS Hoa Lư	Nhì
1741	01170	17	Toán	Lê Dương Hoàng	Minh		26	7	2008	Đà Nẵng	9/3	THCS Trương Văn Ngu	Nhì
1742	01196	18	Toán	Nguyễn Hùng	Nguyên		22	5	2008	Bình Định	9a13	THCS Ngô Tất Tố	Nhì
1743	01198	18	Toán	Nguyễn Lê Trọng	Nguyên		20	1	2008	Đắk Lắk	9A12	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1744	01224	29	Toán	Trần Duy	Phát		20	11	2008	TP.HCM	9/2	THCS Nguyễn Hiền	Nhì
1745	01306	6	Toán	Lưu Đức	Thịnh		8	12	2008	TP.HCM	9A5	THCS Trần Bội Cơ	Nhì
1746	01354	8	Toán	Trần Ngọc Minh	Tuấn		11	10	2008	Tiền Giang	9a8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhì
1747	01028	10	Toán	Nguyễn Phước	Bảo		13	1	2008	TP.HCM	9/6	THCS Huỳnh Khương Ninh	Nhì
1748	01108	14	Toán	Nguyễn Huy	Khang		1	5	2008	TP.HCM	9/6	THCS Võ Trường Toản	Nhì
1749	01205	2	Toán	Nguyễn Hữu	Nhật		13	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Ngô Sĩ Liên	Nhì
1750	01179	17	Toán	Vũ Dũng	Minh		26	1	2008	TP.HCM	9A8	THCS Hiệp Phước	Nhì
1751	01147	16	Toán	Lê Nguyễn Khánh	Linh	x	19	7	2008	TP.HCM	9/4	THCS Nguyễn Hiền	Nhì
1752	01192	18	Toán	Nguyễn Hoàng Bội	Ngọc	x	16	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Văn Bé	Nhì
1753	01294	5	Toán	Trần Nhật	Thanh		28	12	2008	TP.HCM	9/10	THCS Ba Đình	Nhì
1754	01343	8	Toán	Vũ Gia	Triết		16	1	2008	TP.HCM	9A11	THCS Bình Chiểu	Nhì
1755	01014	1	Toán	Phạm Trần Phương	Anh	x	12	1	2008	TP.HCM	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1756	01029	10	Toán	Tôn Thất Gia Bảo		6	3	2008	TP.HCM	9/7	THCS Dương Bá Trạc	Nhì
1757	01062	12	Toán	Lê Gôn		23	8	2008	TP.HCM	9/10	THCS Tân Thới Hòa	Nhì
1758	01095	13	Toán	Nguyễn Đắc Huy		9	4	2008	Hung Yên	9.7	THCS Phước Bình	Nhì
1759	01143	16	Toán	Trần Quốc Bảo Lân		19	11	2008	TP.HCM	9A12	THCS Trường Chinh	Nhì
1760	01148	16	Toán	Nguyễn Hà Linh	x	30	6	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhì
1761	01168	17	Toán	Hoàng Ánh Minh	x	18	4	2008	TP.HCM	9A7	THCS Phú Mỹ	Nhì
1762	01195	18	Toán	Lê Đình Vũ Nguyên		26	10	2008	TP.HCM	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1763	01227	29	Toán	Nguyễn Bá Phong		10	4	2008	TP.HCM	9A5	THCS Tân Phú	Nhì
1764	01295	5	Toán	Đặng Hoàng Thành		12	8	2008	Đồng Nai	9ATH	THCS An Phú	Nhì
1765	01312	6	Toán	Cổ Trung Thuận		8	8	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Chí Thanh	Nhì
1766	01318	7	Toán	Đào Duy Tiến		7	6	2008	TP.HCM	9A8	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1767	01341	8	Toán	Lê Song Minh Triết		17	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Nhì
1768	01376	29	Toán	Lê Ngọc Bảo Thy	x	7	1	2008	TP.HCM	9.8	THCS Bình Trị Đông A	Nhì
1769	01017	1	Toán	Trương Duy Anh		6	1	2008	TP.HCM	9/13	THCS Nguyễn Văn Luông	Nhì
1770	01042	11	Toán	Vũ Mạnh Cường		10	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Nhì
1771	01067	12	Toán	Nguyễn Sơn Hải		17	7	2008	TP.HCM	9A18	THCS Hoàng Hoa Thám	Nhì
1772	01132	15	Toán	Mai Hoàng Khôi		18	5	2008	TP.HCM	9A2	THCS An Phú	Nhì
1773	01164	17	Toán	Trần Công Mạnh		10	3	2008	TP.HCM	9A6	THCS Nguyễn An Khương	Nhì
1774	01193	18	Toán	Hà Vũ Cao Nguyên		22	4	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lạc Hồng	Nhì
1775	01214	2	Toán	Ngô Nguyễn Nguyên Như	x	5	11	2008	TP.HCM	9/16	THCSCL Lý Thường Kiệt	Nhì
1776	01256	4	Toán	Đoàn Minh Quân		28	5	2008	TP.HCM	9A8	THCS Hồng Bàng	Nhì
1777	01371	9	Toán	Nguyễn Thị Ngọc Vy	x	30	6	2008	TP.HCM	9A5	THCS Văn Đồn	Nhì
1778	01043	11	Toán	Nguyễn Hữu Đăng		24	8	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Nhì
1779	01059	11	Toán	Nguyễn Đức Duy		10	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Phú Mỹ	Nhì
1780	01101	14	Toán	Trần Gia Huy		29	1	2008	TP.HCM	9/03	THCS Phan Bội Châu	Nhì
1781	01136	15	Toán	Đoàn Tuấn Kiệt		15	6	2008	TP.HCM	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
1782	01183	18	Toán	Nguyễn Phương Nam		28	10	2008	TP.HCM	9/14	THCS Nguyễn Hiền	Nhì

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1783	01185	18	Toán	Phạm Hải Nam		18	12	2008	TP.HCM	9TC2	THCS Trần Quốc Tuấn	Nhì
1784	01253	3	Toán	Trần Mỹ Phương	x	2	11	2008	TP.HCM	9/01	THCS Tùng Thiện Vương	Nhì
1785	01286	5	Toán	Nguyễn Thanh Tâm		15	6	2008	Quảng Ngãi	9/7	THCS Nguyễn Trung Trực	Nhì
1786	01287	5	Toán	Lê Trường Tấn		20	3	2008	TP.HCM	9A1	THCS Lý Phong	Nhì
1787	01288	5	Toán	Nguyễn Hoàng Thái		18	11	2008	TP.HCM	9A12	THCS Trường Chinh	Nhì
1788	01289	5	Toán	Cao Đức Thắng		24	5	2008	TP.HCM	9A12	THCS Trường Chinh	Nhì
1789	01314	6	Toán	Trần Phương Thùy	x	20	8	2008	TP.HCM	9/13	THCS Hoàng Văn Thụ	Nhì
1790	01332	7	Toán	Đặng Phạm Đăng Trí		4	1	2008	TP.HCM	9/7	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Nhì
1791	01361	9	Toán	Vũ Hữu Việt		16	7	2008	TP.HCM	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	Nhì
1792	01047	11	Toán	Trần Quang Đạt		14	1	2008	TP.HCM	9A2	THCS Văn Đồn	Nhì
1793	01079	12	Toán	Võ Kế Hoài		9	6	2008	TP.HCM	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1794	01096	13	Toán	Nguyễn Đoàn Quang Huy		11	11	2008	Bình Định	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1795	01124	15	Toán	Nguyễn Lê Khoa		20	9	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Nguyễn Du	Nhì
1796	01328	7	Toán	Ứng Ngọc Bảo Trân	x	3	2	2008	TP.HCM	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1797	01023	10	Toán	Dư Phúc Gia Bảo		25	3	2008	TP.HCM	9TC2	THCS Nguyễn Thị Thập	Ba
1798	01025	10	Toán	Nguyễn Gia Bảo		4	9	2008	TP.HCM	9/7	THCS Phú Định	Ba
1799	01034	10	Toán	Trương Quốc Bình		19	7	2008	TP.HCM	9A12	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1800	01099	13	Toán	Nguyễn Quang Huy		8	4	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL Nguyễn Trãi	Ba
1801	01160	16	Toán	Bùi Nguyễn Luân		11	6	2008	TP.HCM	9/8	THCS Lam Sơn	Ba
1802	01199	18	Toán	Nguyễn Phúc Nguyên		19	3	2008	Quảng Ngãi	9/01	THCS Tùng Thiện Vương	Ba
1803	01220	2	Toán	Đặng Trường Phát		28	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Ba
1804	01223	29	Toán	Trần Duy Phát		25	11	2008	TP.HCM	9A8	THCS Phú Mỹ	Ba
1805	01231	29	Toán	Huỳnh Quang Phú		17	7	2008	TP.HCM	9/3	THCS Trần Quang Khải	Ba
1806	01237	3	Toán	Nguyễn Trần Hồng Phúc	x	12	2	2008	Đồng Nai	9/2	THCS Trường Thọ	Ba
1807	01242	3	Toán	Trần Đặng Gia Phước		16	12	2008	TP.HCM	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1808	01259	4	Toán	Huỳnh Nguyễn Anh Quân		30	7	2008	TP.HCM	9/3	THCS Nguyễn Văn Bé	Ba
1809	01273	4	Toán	Hoàng Ngọc Quỳnh	x	18	3	2008	TP.HCM	9A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1810	01308	6	Toán	Đoàn Trung	Thông		12	11	2008	TP.HCM	9TC4	THCS Chánh Hưng	Ba
1811	01317	7	Toán	Nguyễn Từ Xuân	Tiên	x	27	4	2008	TP.HCM	9/1	THCS Phú Thọ	Ba
1812	01061	12	Toán	Lê Trương Kỳ	Duyên	x	17	7	2008	TP.HCM	9A6	THCS Linh Đông	Ba
1813	01110	14	Toán	Tăng Bảo	Khang		4	7	2008	TP.HCM	9/6	THCS Bình Tây	Ba
1814	01151	16	Toán	Nguyễn Ngọc	Loan	x	8	1	2008	TP.HCM	9A5	THCS Trần Bội Cơ	Ba
1815	01212	2	Toán	Huỳnh Phan Yến	Như	x	26	6	2008	TP.HCM	9/8	THCS Đặng Trần Côn	Ba
1816	01233	29	Toán	Lý Học	Phú		14	2	2008	TP.HCM	9/8	THCS Bình Tây	Ba
1817	01268	4	Toán	Huỳnh Cao	Quang		27	9	2008	TP.HCM	9A2	THCS Vân Đồn	Ba
1818	01281	5	Toán	Dương Thành	Tâm		25	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trương Công Định	Ba
1819	01345	8	Toán	Nguyễn Văn Phú	Trọng		15	3	2008	TP.HCM	9/5	THCS Đặng Trần Côn	Ba
1820	01015	1	Toán	Tạ Đức	Anh		6	4	2008	TP.HCM	9TC6	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
1821	01037	10	Toán	Phạm Phan Ngọc	Châu	x	5	1	2008	Quảng Ngãi	9A8	THCS Phú Mỹ	Ba
1822	01046	11	Toán	Cái Minh	Đạt		25	9	2008	TP.HCM	9/1	THCS Khánh Bình	Ba
1823	01057	11	Toán	Lê Thanh	Duy		2	4	2008	TP.HCM	9A2	THCS Kiến Thiết	Ba
1824	01058	11	Toán	Nguyễn Công	Duy		26	5	2008	TP.HCM	9A7	THCS Phú Mỹ	Ba
1825	01074	12	Toán	Lê Minh	Hiếu		24	3	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	Ba
1826	01081	13	Toán	Đào Minh	Hoàng		6	5	2008	TP.HCM	9/11	THCS Nguyễn Văn Bé	Ba
1827	01088	13	Toán	Đặng Đức	Huy		21	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ba
1828	01106	14	Toán	Lâm Nguyễn Minh	Khang		3	11	2008	TP.HCM	9A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1829	01109	14	Toán	Nguyễn Huỳnh Bảo	Khang		9	9	2008	TP.HCM	9/4	THCS Hoàng Diệu	Ba
1830	01131	15	Toán	Lê Anh	Khôi		3	8	2008	TP.HCM	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Ba
1831	01150	16	Toán	Trần Võ Hà	Linh	x	18	4	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn Huệ	Ba
1832	01169	17	Toán	Lê Cát	Minh	x	20	2	2008	TP.HCM	9/6	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
1833	01210	2	Toán	Lê Nguyễn Hồng	Nhiên	x	6	6	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Ba
1834	01218	2	Toán	Trần Quỳnh	Như	x	10	3	2008	TP.HCM	9/5	THCS Trần Văn Quang	Ba
1835	01235	29	Toán	Lê Hồng	Phúc		6	8	2008	TP.HCM	9TC6	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
1836	01255	3	Toán	Đinh Nguyễn Minh	Quân		5	1	2008	TP.HCM	9A9	THCS Rạng Đông	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1837	01279	5	Toán	Nguyễn Thành Tài		12	11	2008	TP.HCM	9/7	THCS Thị Trấn 2	Ba
1838	01323	7	Toán	Nguyễn Tấn Toàn		3	11	2008	TP.HCM	93	THCS Colette	Ba
1839	01362	9	Toán	Nguyễn Bá Vinh		20	12	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lê Anh Xuân	Ba
1840	01366	9	Toán	Huỳnh Trang Thảo Vy	x	11	2	2008	TP.HCM	9A7	THCS Phước Thạnh	Ba
1841	01053	11	Toán	Lê Doãn Dương		21	10	2008	TP.HCM	9/1	Trường THCS Thông Tây Hội	Ba
1842	01075	12	Toán	Nguyễn Đình Hiếu		27	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Cầu Kiệu	Ba
1843	01076	12	Toán	Lê Phương Hoa	x	14	9	2008	TP.HCM	9/1	THCS Đoàn Kết	Ba
1844	01120	14	Toán	Đặng Minh Khoa		10	4	2008	TP.HCM	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Ba
1845	01135	15	Toán	Lại Gia Kiên		25	9	2008	TP.HCM	9/15	THCS Ngô Quyền	Ba
1846	01236	3	Toán	Nguyễn Minh Phúc		10	12	2008	TP.HCM	9/13	THCS Tân Xuân	Ba
1847	01248	3	Toán	Ngô Mai Phương	x	18	1	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Thông Tây Hội	Ba
1848	01304	6	Toán	Bùi Hữu Thiện		26	8	2008	TP.HCM	9/16	Trường THCS Phan Tây Hồ	Ba
1849	01330	7	Toán	Lê Ngọc Minh Trang	x	5	2	2008	Bình Định	9/2	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
1850	01021	10	Toán	Bùi Phạm Quốc Bảo		6	7	2008	TP.HCM	9A2	THCS Vân Đồn	Ba
1851	01031	10	Toán	Nguyễn Quốc Bình		24	11	2008	TP.HCM	9.4	THCSCL Trần Quốc Toàn	Ba
1852	01094	13	Toán	Ngô Nhật Huy		2	2	2008	TP.HCM	9/1	THCS Bàn Cờ	Ba
1853	01122	15	Toán	Hà Minh Khoa		5	10	2008	TP.HCM	9A3	THCS Trần Văn Ôn	Ba
1854	01137	15	Toán	Nguyễn Võ Vương Kiệt		26	11	2008	TP.HCM	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1855	01167	17	Toán	Hà Thoại Nhật Minh		8	1	2008	Ukraina	9/1	THCS Huỳnh Khương Ninh	Ba
1856	01182	18	Toán	Nguyễn Phạm Thương Hoài Nam		20	9	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Thông Tây Hội	Ba
1857	01184	18	Toán	Nguyễn Tuấn Nam		31	8	2008	Quảng Ngãi	9.11	THCSCL Trần Quốc Toàn	Ba
1858	01215	2	Toán	Phạm Quỳnh Khánh Như	x	11	11	2008	TP.HCM	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1859	01222	29	Toán	Phan Minh Phát		23	2	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Vĩnh Lộc A	Ba
1860	01249	3	Toán	Nguyễn Quỳnh Phương	x	24	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Ba
1861	01250	3	Toán	Nguyễn Thiên Phương	x	1	4	2008	TP.HCM	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Ba
1862	01254	3	Toán	Võ Nguyễn Mai Phương	x	4	11	2008	TP.HCM	9/2	THCS Lạc Hồng	Ba
1863	01267	4	Toán	Cao Anh Quang		8	11	2008	TP.HCM	9A5	THCS Lữ Gia	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1864	01269	4	Toán	Lại Việt Quang		3	3	2008	TP.HCM	92	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Ba
1865	01276	5	Toán	Nguyễn Đỗ Thái Sang		10	10	2008	TP.HCM	9/6	Trung học cơ sở Kim Đồng	Ba
1866	01300	6	Toán	Nguyễn Ngọc Nhã Thi	x	21	8	2008	TP.HCM	9/2	THCS Bình Tây	Ba
1867	01301	6	Toán	Nguyễn Ngọc Quỳnh Thi	x	22	3	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Tân Quý Tây	Ba
1868	01051	11	Toán	Phan Hoàng Thanh Dung	x	24	3	2008	TP.HCM	9/11	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Ba
1869	01068	12	Toán	Tăng Thanh Hải		7	10	2008	TP.HCM	9a7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
1870	01072	12	Toán	Dương Nguyễn Trung Hiếu		3	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Ba
1871	01130	15	Toán	Lâm Nguyên Khôi		20	1	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Vĩnh Lộc A	Ba
1872	01159	16	Toán	Trần Nguyễn Hoàng Long		20	1	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
1873	01181	18	Toán	Nguyễn Khánh Nam		8	9	2008	TP.HCM	9TC4	THCS Chánh Hưng	Ba
1874	01229	29	Toán	Vô Hồng Phong		17	2	2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Ba
1875	01247	3	Toán	Lý Thảo Phương	x	8	2	2008	TP.HCM	9A8	THCS Hồng Bàng	Ba
1876	01280	5	Toán	Nguyễn Thành Tài		28	2	2008	TP.HCM	9A6	THCS Văn Đồn	Ba
1877	01284	5	Toán	Lê Huỳnh Phúc Tâm		10	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Bàn Cờ	Ba
1878	01329	7	Toán	Vô Thùy Trân	x	30	7	2008	Thừa Thiên Huế	9a7	THCS Ngô Tất Tố	Ba
1879	01335	7	Toán	Khưu Minh Trí		25	4	2008	Bạc Liêu	9.8	THCSCL Lê Tấn Bê	Ba
1880	01350	8	Toán	Vô Hồng Cẩm Tú	x	21	9	2008	TP.HCM	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1881	01271	4	Toán	Nguyễn Đăng Quang		11	8	2008	TP.HCM	9TC6	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
1882	01004	1	Toán	Nguyễn Nhật An		23	10	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Ba
1883	01011	1	Toán	Nguyễn Quỳnh Anh	x	27	7	2008	TP.HCM	9/2	THCS Nguyễn Hiền	Ba
1884	01038	10	Toán	Phan Ngọc Minh Châu	x	21	8	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Du Q1	Ba
1885	01039	10	Toán	Trần Thế Chương		24	8	2008	TP.HCM	9/1	THCS Nguyễn Hiền	Ba
1886	01040	10	Toán	Nguyễn Văn Cường		23	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Ba
1887	01041	11	Toán	Phạm Thiên Cường		29	8	2008	TP.HCM	9A1	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1888	01055	11	Toán	Phan Nguyễn Đăng Dương		25	5	2008	TP.HCM	9/3	THCS Minh Đức	Ba
1889	01064	12	Toán	Hoàng Trung Hải		8	11	2008	TP.HCM	9a7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
1890	01092	13	Toán	Lê Quang Huy		3	4	2008	TP.HCM	9A13	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1891	01107	14	Toán	Ngô Ngọc Khang		16	3	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lê Anh Xuân	Ba
1892	01123	15	Toán	Nguyễn Đăng Khoa		16	9	2008	TP.HCM	9A1	THCS Đồng Khởi	Ba
1893	01134	15	Toán	Nguyễn Bảo Khôi		8	1	2008	TP.HCM	9A5	THCS Hồng Bàng	Ba
1894	01158	16	Toán	Trần Hoàng Long		7	4	2008	TP.HCM	9A2	THCS Phạm Hữu Lầu	Ba
1895	01166	17	Toán	Đình Bình Minh		2	1	2008	TP.HCM	9A9	THCS Nguyễn An Ninh	Ba
1896	01188	18	Toán	Nguyễn Khoa Nghi	x	29	10	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn An Khương	Ba
1897	01190	18	Toán	Đỗ Lê Bích Ngọc	x	5	1	2008	TP.HCM	9.2	THCSCL Nguyễn Trãi	Ba
1898	01209	2	Toán	Ông Tuệ Nhi	x	17	1	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn Huệ	Ba
1899	01244	3	Toán	Đặng Thế Phương		25	1	2008	Hà Nội	9TH	THCS Hoàng Quốc Việt	Ba
1900	01257	4	Toán	Hồ Vĩnh Quân		26	2	2008	Đà Nẵng	9A7	THPT Lương Thế Vinh	Ba
1901	01291	5	Toán	Nguyễn Hữu Toàn Thắng		18	8	2008	TP.HCM	9A2	THCS Lam Sơn	Ba
1902	01292	5	Toán	Nguyễn Thành Thắng		25	8	2008	TP.HCM	9A2	THCS Quang Trung	Ba
1903	01298	6	Toán	Nguyễn Lê Thanh Thảo	x	19	3	2008	Phú Yên	9A5	THCS Nguyễn Chí Thanh	Ba
1904	01311	6	Toán	Phan Anh Thư	x	12	12	2008	TP.HCM	9A17	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba
1905	01320	7	Toán	Đoàn Lý Khánh Toàn		16	5	2008	TP.HCM	9A4	THCS Văn Đồn	Ba
1906	01321	7	Toán	Lê Huy Toàn		25	3	2008	TP.HCM	9A2	THCS Lam Sơn	Ba
1907	01327	7	Toán	Lê Hà Bảo Trân	x	12	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Thanh Đa	Ba
1908	01353	8	Toán	Nguyễn Anh Tuấn		4	3	2008	Khánh Hòa	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1909	01364	9	Toán	Phan Quốc Vinh		18	6	2008	HÀ TỈNH	9.10	THCSCL Nguyễn Trãi	Ba
1910	01375	9	Toán	Nguyễn Minh Ý		29	9	2008	TP.HCM	9A5	THCS Trần Huy Liệu	Ba
1911	01008	1	Toán	Lương Ngọc Anh	x	2	8	2008	Hà Nội	9A1	THCS Sương Nguyệt Anh	Ba
1912	01018	1	Toán	Vũ Thị Quỳnh Anh	x	5	8	2008	TP.HCM	9A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Ba
1913	01086	13	Toán	Bùi Lê Gia Hưng		20	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Chi Lăng	Ba
1914	01090	13	Toán	Lâm Quang Nhật Huy		22	11	2008	Lâm Đồng	9.9	THCSCL An Lạc	Ba
1915	01100	13	Toán	Trần Đăng Gia Huy		10	3	2008	TP.HCM	9_02	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1916	01121	15	Toán	Đoàn Đỗ Minh Khoa		17	6	2008	TP.HCM	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1917	01140	15	Toán	Trần Anh Thiên Kim	x	18	9	2008	TP.HCM	9/3	Trường THCS Nguyễn Du	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1918	01176	17	Toán	Trần Đức Minh		11	8	2008	TP.HCM	9A2	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba
1919	01194	18	Toán	Lê Công Nguyên		27	5	2008	TP.HCM	9.2	Trường THCS Tân Túc	Ba
1920	01216	2	Toán	Trần Đặng Quỳnh Như	x	19	10	2008	TP.HCM	9a9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Ba
1921	01336	8	Toán	Nguyễn Đức Trí		22	6	2008	Đà Nẵng	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1922	01339	8	Toán	Trần Quốc Minh Trí		21	7	2008	TP.HCM	9/7	THCS Tân Bình	Ba
1923	01357	9	Toán	Vũ Minh Lâm Tuệ	x	13	12	2008	TP.HCM	9A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Ba
1924	01365	9	Toán	Nguyễn Huy Vũ		20	11	2008	TP.HCM	9A14	THCS Ngô Chí Quốc	Ba
1925	02335	26	Vật lý	Trần Lê Minh Triết		19	2	2008	TP.HCM	9A6	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
1926	02005	10	Vật lý	Phan Nguyễn Phúc An		19	4	2008	TP.HCM	9A5	THCS Nguyễn An Ninh	Nhất
1927	02196	19	Vật lý	Vũ Trí Năng		15	10	2008	Hoa Kỳ	9A2	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhất
1928	02241	22	Vật lý	Tăng Bảo Như	x	3	8	2008	TP.HCM	9.1	THCSCL Tân Tạo	Nhất
1929	02292	24	Vật lý	Lương Thế Tấn		5	3	2008	TP.HCM	9A18	THCS Võ Thành Trang	Nhất
1930	02258	22	Vật lý	Phạm Ngọc Duy Phúc		9	1	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Nhất
1931	02017	10	Vật lý	Nguyễn Hoàng Phương Anh	x	6	7	2008	TP.HCM	9A1	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhi
1932	02174	18	Vật lý	Đoàn Nhật Minh		5	3	2008	Thừa Thiên Huế	9/2	THCS Trần Quang Khải	Nhi
1933	02219	20	Vật lý	Trương Khôi Nguyên		7	11	2008	TP.HCM	9A1	THCS Sương Nguyệt Anh	Nhi
1934	02238	21	Vật lý	Phan Hồng Yến Nhi	x	9	12	2008	Bến Tre	9A6	THCS Lê Văn Hưu	Nhi
1935	02038	11	Vật lý	Phó Nguyên Bảo		10	1	2008	TP.HCM	9A4	THCS Hồng Bàng	Nhi
1936	02136	16	Vật lý	Trần Bình Danh Khoa		6	10	2008	TP.HCM	9A6	THCS Tân An Hội	Nhi
1937	02213	20	Vật lý	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	x	16	1	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhi
1938	02308	25	Vật lý	Nguyễn Anh Thư	x	24	4	2008	TP.HCM	9/12	THCS Nguyễn Văn Luông	Nhi
1939	02045	12	Vật lý	Nguyễn Khánh Quốc Cường		7	12	2008	TP.HCM	9A4	THCS Đống Đa	Nhi
1940	02154	17	Vật lý	Bùi Lê Bảo Linh	x	29	3	2008	Đà Nẵng	9/01	THCS Phan Bội Châu	Nhi
1941	02284	24	Vật lý	Nguyễn Vô Tú Quyên	x	7	1	2008	TP.HCM	9A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhi
1942	02138	16	Vật lý	Hoàng Tuấn Khôi		19	3	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Nhi
1943	02156	17	Vật lý	Nguyễn Khánh Linh	x	8	3	2008	Hà Nội	9A3	THCS Hoa Lư	Nhi
1944	02041	12	Vật lý	Hoàng Đức Bình		24	7	2008	TP.HCM	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên		Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
							Ng	Th	N				
1945	02050	12	Vật lý	Trần Thanh Khánh	Đăng		5	8	2008	TP.HCM	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1946	02092	14	Vật lý	Lê Quốc	Hoàng		8	6	2008	TP.HCM	9A6	THPT Lương Thế Vinh	Nhì
1947	02117	15	Vật lý	Võ Lâm Gia	Hy		28	8	2008	TP.HCM	9A3	THCS Nguyễn Gia Thiều	Nhì
1948	02181	19	Vật lý	Phan Ngọc	Minh	x	2	6	2008	TP.HCM	9A12	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1949	02182	19	Vật lý	Trần Dũng Bình	Minh		6	1	2008	Thừa Thiên Huế	9/2	Trường THCS Tân Sơn	Nhì
1950	02091	14	Vật lý	Đỗ Ngọc Kim	Hoàng	x	28	8	2008	Kiên Giang	9/1	THCS Lê Anh Xuân	Nhì
1951	02133	16	Vật lý	Hồ Anh	Khoa		7	7	2008	TP.HCM	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nhì
1952	02163	18	Vật lý	Võ Khánh	Lộc		13	7	2008	TP.HCM	9A7	THPT Lương Thế Vinh	Nhì
1953	02343	27	Vật lý	Bùi Nguyễn Quốc	Tuấn		20	6	2008	TP.HCM	9A10	THCS Bình Lợi Trung	Nhì
1954	02066	13	Vật lý	Nguyễn Tất Nhật	Duy		9	4	2008	TP.HCM	9A15	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1955	02107	15	Vật lý	Lê Công Nhật	Huy		12	6	2008	TP.HCM	9A2	THCS Đồng Đa	Ba
1956	02125	16	Vật lý	Nguyễn Lê Hoàng	Khang		10	1	2008	Lâm Đồng	9A1	THCS và THPT Trí Đức	Ba
1957	02159	17	Vật lý	Trần Nhật	Linh	x	28	2	2008	TP.HCM	9T2	THCS Hoa Lư	Ba
1958	02193	19	Vật lý	Nguyễn An	Nam		20	8	2008	TP.HCM	9A13	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1959	02194	19	Vật lý	Nguyễn Nhật	Nam		28	11	2008	TP.HCM	9A2	THCSCL Hồ Văn Long	Ba
1960	02257	22	Vật lý	Nguyễn Huỳnh Thiên	Phúc	x	8	5	2008	TP.HCM	9A1	THCS Cầu Kiệu	Ba
1961	02323	26	Vật lý	Trần Hoàng	Tổ		12	6	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Ba
1962	02327	26	Vật lý	Nguyễn Bảo	Trần	x	9	12	2008	Bến Tre	9TC6	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ba
1963	02009	10	Vật lý	Huỳnh Nhật Quang	Anh		13	6	2008	TP.HCM	9A4	THCS Đồng Đa	Ba
1964	02030	11	Vật lý	Hoàng Gia	Bảo		10	5	2008	Trà Vinh	9/1	THCS Nguyễn Huệ	Ba
1965	02044	12	Vật lý	Đỗ Mạnh	Cường		13	7	2008	TP.HCM	9/2	Trường THCS Tân Sơn	Ba
1966	02099	14	Vật lý	Chế Trần Minh	Hương	x	17	6	2008	Quảng Bình	9.11	THCSCL Tân Tạo A	Ba
1967	02118	15	Vật lý	Phan Thanh	Khải		10	1	2008	TP.HCM	9A3	THCS Lê Lợi	Ba
1968	02132	16	Vật lý	Trần Duy	Khiêm		6	9	2008	TP.HCM	9A12	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1969	02282	24	Vật lý	Trần Tuệ	Quang		29	8	2008	TP.HCM	9A4	THCS Đồng Đa	Ba
1970	02347	27	Vật lý	Phạm Minh	Tuấn		18	9	2008	TP.HCM	9/12	THCS Tân Xuân	Ba
1971	02018	10	Vật lý	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	x	17	6	2008	TP.HCM	9A18	THCS Võ Thành Trang	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023

(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1972	02048	12	Vật lý	Hoàng Gia Đăng		31	10	2008	TP.HCM	93	THCS Colette	Ba
1973	02054	12	Vật lý	Phạm Cao Thành Đạt		3	4	2008	TP.HCM	9A2	THCS An Phú	Ba
1974	02069	13	Vật lý	Bùi Thanh Duyên	x	8	4	2008	TP.HCM	9T2	THCS Hoa Lư	Ba
1975	02074	13	Vật lý	Phạm Nguyễn Chiêu Giang		9	1	2008	TP.HCM	9A12	THCS Bình Chiểu	Ba
1976	02088	14	Vật lý	Vũ Ngọc Hóa		24	3	2008	TP.HCM	9/5	THCSCL Lý Thường Kiệt	Ba
1977	02090	14	Vật lý	Đặng Vũ Hoàng		18	4	2008	TP.HCM	9A4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1978	02102	15	Vật lý	Nguyễn Ngọc Hữu		25	7	2008	TP.HCM	9/7	THCS Lê Văn Tám	Ba
1979	02184	19	Vật lý	Trần Quang Minh		6	3	2008	TP.HCM	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ba
1980	02214	20	Vật lý	Trần Bảo Ngọc	x	30	9	2008	TP.HCM	9/5	THCS Nguyễn Văn Bé	Ba
1981	02254	22	Vật lý	Huỳnh Vinh Phú		29	4	2008	TP.HCM	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Ba
1982	02275	23	Vật lý	Nguyễn Minh Quân		2	5	2008	TP.HCM	9A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1983	02301	25	Vật lý	Huỳnh Phú Thành		3	4	2008	TP.HCM	9A1_TCTA	THCS Trường Chinh	Ba
1984	02033	11	Vật lý	Mai Gia Bảo		25	3	2008	TP.HCM	9A10	THCS Võ Thành Trang	Ba
1985	02055	12	Vật lý	Trương Tiến Đạt		29	5	2008	TP.HCM	9A3	THCS Sương Nguyệt Anh	Ba
1986	02062	13	Vật lý	Nguyễn Thê Dương		22	11	2008	TP.HCM	9/1	THCS Hậu Giang	Ba
1987	02068	13	Vật lý	Trần Nhật Duy		25	4	2008	TP.HCM	9A10	THCS Chánh Hưng	Ba
1988	02077	13	Vật lý	Hoàng Trung Hải		20	8	2008	TP.HCM	9/7	THCS Trần Phú	Ba
1989	02081	14	Vật lý	Lê Minh Thái Hằng	x	22	2	2008	TP.HCM	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	Ba
1990	02101	15	Vật lý	Nguyễn Thiên Hương	x	1	7	2008	Hà Nội	9/1	THCS Tôn Thất Tùng	Ba
1991	02109	15	Vật lý	Lê Nhật Huy		11	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ba
1992	02119	15	Vật lý	Đặng Minh Khang		26	7	2008	TP.HCM	9A3	THCS Trần Quốc Tuấn	Ba
1993	02139	16	Vật lý	Nguyễn Đăng Khôi		1	9	2008	TP.HCM	9A11	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
1994	02179	18	Vật lý	Nguyễn Trần Hồng Minh	x	7	1	2008	TP.HCM	9A3	THCS Hoa Lư	Ba
1995	02220	20	Vật lý	Nguyễn Ngọc Thanh Nhân	x	12	4	2008	Quảng Ngãi	9/3	THCS Đồng Khởi	Ba
1996	02318	25	Vật lý	Phạm Thủy Tiên	x	11	1	2008	Thừa Thiên Huế	9/02	THCS Phan Bội Châu	Ba
1997	02334	26	Vật lý	Lê Minh Triết		26	9	2008	TP.HCM	9A6	THCS Hiệp Phước	Ba
1998	02346	27	Vật lý	Nguyễn Hoàng Tuấn		21	6	2008	Thừa Thiên Huế	9A7	THCS Phạm Hữu Lầu	Ba

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Đính kèm Công văn số 1391 /SGDDT-GDTrH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	SBD	Phòng thi	Môn thi	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Đạt Giải
						Ng	Th	N				
1999	02037	11	Vật lý	Phạm Tăng Chí Bảo		8	8	2008	Quảng Ngãi	9A4	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba
2000	02076	13	Vật lý	Phan Thị Thu Hà	x	12	8	2008	TP.HCM	9/3	THCS Bàn Cờ	Ba
2001	02089	14	Vật lý	Lê Đình Hòa		17	1	2008	Thái Bình	9A6	THCS Hiệp Phước	Ba
2002	02116	15	Vật lý	Lâm Bảo Hy	x	27	2	2008	TP.HCM	9_12	THCS Lê Quý Đôn	Ba
2003	02162	18	Vật lý	Vũ Ngọc Phương Linh	x	16	7	2008	TP.HCM	9_01	THCS Lê Quý Đôn	Ba
2004	02165	18	Vật lý	Phạm Nguyễn Minh Luân		31	8	2008	TP.HCM	9/5	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ba
2005	02173	18	Vật lý	Nguyễn Đức Mạnh		1	9	2008	Hải Phòng	9A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Ba
2006	02183	19	Vật lý	Trần Nhật Minh		5	12	2008	TP.HCM	9_01	THCS Lê Quý Đôn	Ba
2007	02293	24	Vật lý	Đoàn Huỳnh Ngọc Thắng		31	7	2008	TP.HCM	9A6	THCS Mạch Kiếm Hùng	Ba
2008	02299	24	Vật lý	Diệp Phú Thành		20	2	2008	TP.HCM	9A7	THPT Lương Thế Vinh	Ba
2009	02302	25	Vật lý	Trần Nhật Thành		15	8	2008	TP.HCM	9/6	THCS Nguyễn Văn Tổ	Ba
2010	02326	26	Vật lý	Nguyễn Bảo Trân	x	23	1	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hà Huy Tập	Ba
2011	02344	27	Vật lý	Hoàng Quang Tuấn		21	7	2008	TP.HCM	9A1	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba

Danh sách trên có 2011 học sinh đạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp Thành phố năm học 2022 - 2023./.

